

NGUYỆT SAN CỎ THƠM ONLINE
SỐ 7 – NĂM 2018

Nguyệt San Cỏ Thơm Online

Hần Học Nghệ Thuật – Số 7 – Năm 2018



Mùa Hoa Anh Đào – Tranh sơn dầu trên bố của Họa sĩ Đinh Trường Chinh

NGUYỆT SAN CỔ THƠM ONLINE - SỐ 7 – NĂM 2018

MỤC LỤC

VĂN:

VIẾT ĐỂ LÀM GÌ? TẠI SAO VIẾT? – Trương Anh Thụy
XUÂN VỪA ĐI QUA – Cát Đơn Sa
DÒNG SÔNG VĨNH BIỆT, Phần A – Tiên Sha Lê Luyến
THƯ GỬI NHÀ VĂN NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG – Ý Nguyễn
BÊN HÀNG DẬU – Phan Ngọc Danh
NƯỚC MẮT THÁNG TƯ – Hồng Thủy
TÌNH YÊU VÀ TÁC PHẨM – CHUYỆN TÌNH TRONG “GONE WITH THE WIND” – Nguyễn Thị Ngọc Dung
NGƯỜI BẠN THỜI CHINH CHIẾN – Phương Duy TDC
GIÃ TỪ EM ĐẤT CÙ LAO – Đoàn Xuân Thu Melbourne
HỒI KÝ – Vưu Văn Tâm Germany
VỀ ... – hoangdungdc
NGƯỜI LÀ CÂY, ĐỜI NGƯỜI KHÔNG PHẢI LÀ CHIẾC LÁ – Cung Thị Lan
THI SĨ VÀ NÀNG THƠ – Đỗ Bình Paris

BIÊN KHẢO:

ANATOLE FRANCE, ĐẠI VĂN Hào PHÁP – Phạm Văn Tuấn
ĐỌC TẬP THƠ “MỘT THOÁNG CHIÊM BAO” CỦA NHÀ THƠ QUỲNH ANH – Tâm Minh Ngô Tằng Giao
ĐIỂM SÁCH “NGƯỜI LẠ” CỦA ALBERT CAMUS – Hải Bằng HDB
VỤ ÁN NGHỆ SĨ XIỆC TÊN HAN – TP Nguyễn Văn Thành 1923

THƠ:

CÓ MỘT THỜI HOA NIÊN & CHIÊU NIỆM THÁNG TƯ – Nguyễn Vô Cùng
TÌNH TA CHIA BỜ THÁNG 4 – Đoàn Xuân Thu Melbourne
LỆ CHÂU – Thanh Thanh
LA NOUVELLE VAGUE – Diễm Hoa
NHƯ NHỮNG THÁP HỒI – Nguyễn Kinh Bắc
NHỚ - Nguyễn Thị Vinh / XA – Nguyễn Kinh Bắc (Thơ Xương Họa)
CỬA TRỜI SƯƠNG KHÓI, KHÓI SƯƠNG.. – Tuệ Nga
CHÚT TÌNH GỞI BẠN NGỌC DUNG – Ý Nguyễn
NỖI LÒNG CHINH PHỤ - Đỗ Thị Minh Giang
ANH ĐÀO TRONG BÃO TUYẾT – Thái Hưng
CHUYỆN BUỒN THẾ KỶ & MỘT ĐỜI LƯU LẠC- Hạ Thái Trần Quốc Phiệt
THÁNG TƯ ĐEN & MẶC NIỆM CHIẾN TRANH & MIỀN TRUNG HÒA TUYẾN ĐỊA ĐÀU- Phan Khâm
GIẤC MỘNG HỒI HƯƠNG – Trần Quốc Bảo Richmond VA
SOI GƯƠNG – Tạ Quang Trung
BÊN ĐƯỜNG THÁNG TƯ - Nguyễn Phú Long
“EM TỪ LỤC BÁT BƯỚC RA” – Bùi Thanh Tiên
ƯỚC MƠ THẾ KỶ - Nguyễn Thị Ngọc Dung

TUYẾT RỤNG ĐƯỜNG HOA & HƯƠNG HOA TÌNH THƠ – Hoa Văn

SHALL I COMPARE THEE TO A SUMMER DAY – William Shakespeare / VÍ EM NGÀY HẠ ĐƯỢC CHĂNG? Tâm Minh Ngô Tằng Giao (Thơ Chuyển Ngữ)

HỘI HỌA/NHIẾP ẢNH:

LÀM ẢNH ĐẸP HƠN – Lê Văn Khoa
HOA ANH ĐÀO Ở HOA THỊNH ĐỐN – Ảnh: Phạm Văn Tuấn/Phan Anh Dũng
TUYẾT RƠI VÀO ĐÀU XUÂN & HOA MẪU ĐƠN – Ảnh: Minh Châu Richmond
THiếu NỮ VÀ HOA QUỲNH – Tranh: Thanh Trí Sacramento
MÙA HOA ANH ĐÀO & HOÀI CỔ & AI CŨNG GIỮ TRONG MÌNH MỘT NGÔI NHÀ CŨ - Tranh: Đình Trường Chinh
VỀ HỌA SĨ ĐÌNH TRƯỜNG CHINH – Biên soạn: Phan Anh Dũng

NHẠC:

VIỆT NAM MUÔN THUỞ - Nhạc & lời: Nguyễn Văn Đông – Song ca: Thanh Tuyền & Bùi Thiện
KHÚC XA NGƯỜI – Nhạc & lời: Trương Sa - Tiếng hát: Tâm Hào
XA RỜI QUÊ HƯƠNG - Nhạc: Lê Mộng Nguyên; Lời: thơ Phạm Quang Minh - Tiếng hát: Mai Thảo
LỆ ĐÁ – Nhạc: Trần Trịnh – Lời: Hà Huyền Chi – Tiếng hát: Ban Tứ ca Nhật Trường
EM ĐÃ XA TÔI – Nhạc & lời & tiếng hát: Trần Quang Lộc
ANH HỒI, ANH CỨ VỀ - Nhạc & lời: Phạm Duy – Tiếng hát: Băng Châu
SÀI GÒN NIỀM HY VỌNG – Nhạc: Phan Anh Dũng; Lời: ý thơ Trần Quốc Bảo Richmond - Tiếng hát: Tâm Hào
RỪNG CHIỀU THU THAY LÁ – Nhạc: Vĩnh Điện; Lời: thơ Phong Thu - Tiếng hát: Đông Nguyễn
TUYẾT BAY THƯƠNG NHỚ – Nhạc & Lời & tiếng hát: Trần Chí Phúc
THÁNG TƯ BUỒN – Nhạc: Võ Tá Hân – Thơ: Hoàng Nguyên Linh – Tiếng hát: Ngọc Quy
MÙA XUÂN VÀ TÌNH YÊU – Nhạc & lời: Nguyễn Tuấn; Tiếng hát: Quốc Duy
NỢ VỚI GIAI NHÂN – Nhạc: Hồ Bằng – Thơ: Phan Khâm – Tiếng hát: Mai Thanh Vân

CÓ MỘT THỜI HOA NIÊN

Có một thời hoa niên
Lòng chưa biết muộn phiền
Cơn mưa vui mộng寐
Giọt nắng ấm hồn nhiên

Cần chi câu hẹn thề
Tình đẹp tựa trăng quê
Đơn sơ như giấc mộng
Đình xưa những hội hè

Trang vở nháp học trò
Cẩn bút tập làm thơ
Thơ bay vườn cải nhỏ
Con bướm vàng ngẩn ngơ

Thời hoa niên rồi qua
Cỏ dại phủ sân nhà
Đêm dài cơn mộng dữ
Đổ vỡ và chia xa

Người cuối biển đầu non
Đôi guốc mộc không còn
Bên đình ai vàng võ
Tiếng tắc kè nỉ non

Cuốn vở nháp ngày xưa
Tan theo khói bụi mờ
Câu thơ còn sót lại
Một chút tình ngây ngô.

nguyễn vô cùng

CHIỀU NIỆM THÁNG TƯ

Ngỡ lành vết sẹo bấy nhiêu năm
Mà sóng đau thương vẫn dậy thềm
Bạn thiết tìm chẳng làn gió núi
Quê nghèo sót lại mảnh trăng sân
Đọa đày kẻ ở hờn muôn kiếp
Lưu lạc người đi tủi mấy phần
Chén rượu bên trời xin tưởng niệm
Một chiều khu chiến phút dừng chân.

nguyễn vô cùng



TÌNH TA CHIA BỞI THÁNG 4!

đoàn xuân thu-melbourne

Tháng tư,
ba em từ đồng bưng,
đưa em vào mắt bão.

Cả miền Nam điên đảo...
chỉ mình em,
lên ngựa, xuống xe.
Ba em quyết:
“không yêu thằng giáo ngụy!”
em nhìn anh ... khăn gói, đi tù.

Em đã khóc
giấu lệ mình chéo áo
chữ hiếu... chữ tình
em chỉ khóc... đình ninh?!
Tình ta lỡ... bởi hai bờ chiến tuyến
kẻ thiệt thua, anh biết nói năng gì?

Em có chức, có quyền
gặp anh ngày phỏng vấn,
em ký giấy, anh đi,
vậy là mình:
“Vĩnh biệt!”

Thư em nói: “tha phương ... giờ đã đủ”
đã bao năm, anh còn nhớ quê hương?
đất quê người ... không ăn xin ... cầu thực
tha hương mà ... nào phải ... tha phương!

Tha hương bởi không chịu đời nô lệ,
chim hót trong lồng ... dẫu chiếc lồng son
dẫu yêu em, nhưng tình mình không thể,
cười vui sao? khi đất nước không còn.

Thì lỗi hẹn, em ơi đừng gọi nữa
anh đã bay... thì đừng bắt anh về
Thôi! “Vĩnh biệt!”

Tình ta!
“Nhớ đừng cho ba biết,
mình gặp lại ... kiếp sau!”

đoàn xuân thu-melbourne



VIẾT ĐỂ LÀM GÌ? TẠI SAO VIẾT?

Trương Anh Thụy

(Bài viết đăng trong Tạp Chí Cỏ Thơm số 80 – tháng 3, 2018)

Câu hỏi này, hay các câu tương tự đã được hỏi đi hỏi lại nhiều lần trong giới báo chí, văn học, hay ngay cả những nơi tụ họp trà dư tửu hậu của giới cầm bút. Người ta cũng trả lời dễ dàng, nhanh chóng, nhưng thử hỏi mấy ai đã thật sự hài lòng về câu trả lời của mình? Đa số có cơ rất chính đáng là trong một câu trả lời vắn tắt, không thể nói hết ý được. Trong bài này tôi cũng không có tham vọng làm được việc đó một cách đầy đủ hay chính xác... chỉ dám thử nhìn vào chính mình, phân tích chính lòng mình xem tại sao mình viết? Viết để làm gì?

Viết để làm gì?

Nhu cầu muôn thuở của con người là chia sẻ. Một người ích kỷ nhất trên đời cũng có nhu cầu chia sẻ, nhưng có thể trong một phạm vi nhỏ hẹp hơn như chỉ ở trong gia đình, bà con, bạn bè họ... chẳng hạn.

Bill Gates và bà vợ Melinda đang và sẽ chia sẻ phần lớn gia tài của họ cho xã hội, nhân quần. Ông chủ Domino's Pizza, Tom Monaghan, tuyên bố: "I will die broke" (Tôi sẽ chết không còn đồng xu nào.) Ông Milton S. Hershey, người sáng lập hãng kẹo chocolate Hershey đã bỏ ra hàng tỷ đô-la xây trường nuôi dạy trẻ mồ côi. Có không ít các em xuất thân từ các trường này ra đời rất thành công, có địa vị cao trọng trong xã hội... cùng với bao nhiêu nhà tỷ phú khác trong nước Mỹ, trên thế giới đang làm những chuyện tương tự. Còn thiếu gì những người kiếm chỉ đủ sống mà cũng chia sẻ cho người thiếu thốn hơn mình trong khả năng của họ, mà thành phần làm việc âm thầm này lại nhiều vô kể. Sẽ có người cho rằng đây chỉ là vấn đề "nhân đạo." Song tên gọi là gì thì cũng vẫn phải phát xuất từ tấm lòng muốn chia sẻ, muốn chia sẻ nảy sinh hành động nhân đạo.

Từ cái nhu cầu chia sẻ bẩm sinh đó, với tâm hồn nhà văn vốn đa tình, đa cảm... thì tâm tư, tình cảm họ hẳn lúc nào cũng chan chứa trong lòng... làm sao họ có thể giữ mãi bên trong mà không bằng cách này hay cách khác chia sẻ ra với những người cảm thông được với họ. Viết là cách thông thường nhất.

Vì nhu cầu chia sẻ thôi thúc, con người đi tìm đối tượng để chia sẻ. Người trí thức đi tìm người có trình độ có thể hiểu được mình để trao đổi kiến thức đầy một bộ óc; đôi bạn gái có tâm sự đầy ắp lòng ngực tưởng như sắp muốn nổ, cần được thổ lộ ra, để cùng khóc, cười hay buồn, giận... Nếu ở đời có một Bá Nha mà lại gặp được một Tử Kỳ thì thật là quý hiếm! Những người đó người ta gọi là tri âm, tri kỷ.

Đó là các trường hợp cá nhân, nhỏ hẹp. Trong một quy mô rộng lớn hơn, ở tầm mức quốc gia, xã hội, thế giới, nhân loại... thì nhu cầu chia sẻ vẫn còn đấy. Chia sẻ cái gì? Chia sẻ niềm đau mất nước, sự bất bình trước bất công xã hội... hay sự hoang mang trước viễn ảnh địa cầu đang bị hâm nóng, sự đổi thay đến chóng mặt của thời đại công nghiệp hoá, hiện đại hoá... Hoặc giả chia sẻ cái cảm xúc của mình trước một nghĩa cử cao thượng nào đó, hay một cảnh thiên nhiên hùng vĩ đến lạnh người... Văn chương nảy sinh từ đấy.

Trong quốc nạn 30 tháng Tư, cảnh xảy đàn tan ghé, cảnh trả thù tàn bạo của "bên thắng cuộc", cảnh thuyền nhân, nạn hải tặc... gây xúc động đến cả những con tim bình thản nhất, những con người ù lì nhất, từ đó đã khơi dậy biết bao nhiêu nghĩa cử nhân đạo... Nếu không có chuyện gì xảy ra thì chưa chắc mấy người này đã xuất hiện. Hay chính những người đó cũng không biết, không ngờ là mình biết làm gì, mình sẽ phản ứng thế nào cho đến khi có tai họa giáng xuống đầu họ hay họ là chứng nhân, do đó ngẫu nhiên sản sinh biết bao nhiêu nhà văn, nhà thơ, nhạc sĩ, hoạ sĩ... bất đắc dĩ. Rõ ràng là một sự **ngẫu nhiên, không chọn lựa**, nhưng họ có nhu cầu chia sẻ và đã để lại không thiếu những tác phẩm để đời.

Tại sao viết?

Ở đầu sách của cuốn tiểu thuyết *Chuyến Mùa*, tôi đề tặng và cảm ơn song thân, trong đó có câu: "... Người đã dạy con làm thơ, viết văn và biết phần nộ trước bất công và bạo lực."

Nghe lạ! Có người sẽ hỏi tại sao phải được dạy mới "biết phần nộ trước bất công và bạo lực"? Dạ đúng vậy. Sinh ra trong một gia đình có những người luôn "phần nộ trước bất công và bạo lực", một trẻ thơ không thể không bị ảnh hưởng trong cái không khí, môi trường đó. Đừng nghĩ phải có bài có vở, có các buổi thuyết

trình hay trường ốc hẳn hoi, một đứa trẻ chỉ cần nhìn thấy người lớn chung quanh mình làm gì, tốt cũng như xấu, sẽ tiêm nhiễm... rồi hành động giống như vậy. Gia đình đóng vai trò giáo dục con em mình chẳng kém học đường, có khi còn quan trọng hơn. Đứa trẻ được dạy trong trường có bốn, năm tiếng đồng hồ một ngày, trong khi ở với gia đình tất cả số giờ còn lại.

Từ được chứng kiến những cảnh bạo lực, bắt công đến rúng động thế giới như vụ 9.11 ở Nữ Ớc năm 2001, đến việc ở tầm mức quốc gia, cục bộ như chuyện nhà nước cộng sản Việt Nam cướp nhà cướp đất của dân đen khiến biết bao nhiêu dân oan không nhà không cửa, kéo nhau lên thành phố khiếu kiện năm này qua năm khác mà chẳng được giải quyết, gây uất ức đưa đến các vụ tự thiêu, tự tử... Rồi những cảnh công an, “đầy tớ của dân” mà lại được nhà nước nuôi dưỡng như những ông Trời con, thả cửa đánh đập tàn nhẫn những con dân yêu nước đi biểu tình chống Trung Quốc xâm lược... Tôi thấy như tôi đang đứng trước mấy vụ cướp ngày trên quê hương tôi, mà lại thiếu vắng một Lục Vân Tiên:

“Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

“Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

(Trong Lục Vân Tiên của cụ Nguyễn Đình Chiểu, có nghĩa là thấy việc nghĩa mà không làm là không phải anh hùng.)

Và Đông (Lục Vân Tiên 1822-1888) - Tây gặp nhau ở chỗ này: *“The world will not be destroyed by those who do evil, but by those who watch them without doing anything.”* Albert Einstein (1879-1955)

(Thế giới sẽ không bị hủy diệt bởi những người làm điều ác, mà bởi những người đứng nhìn mà không làm gì cả.)

Tôi, một khúc gậy của Lục Vân Tiên cũng không có, nói gì đến súng đạn, thì ngòi bút của tôi sẽ làm công việc không chỉ “đứng nhìn”, mà tả thật, tả chân những điều nhìn thấy, nghe thấy, cảm thấy... Ngòi bút của tôi chạy theo cảm xúc tôi, lương tâm tôi... “Sản phẩm” cuối cùng có được việc gì hay không, có thấp sáng thiên lương những con quỷ nằm trong xác người phần nào hay không, tôi không dự kiến trước. Kết quả ra sao thì cũng hoàn toàn tự nhiên như gieo hạt nào thì hái quả đó.

Tôi không tự khoác lên mình một sứ mệnh. Tôi cũng sẽ không dám nhận nếu ai đó khoác lên tôi một sứ mệnh, tôi sợ nếu tôi lách ngòi bút theo một “sứ mệnh” tôi sẽ hết tự do và thành thật. Đứng trước một hoàn cảnh ngang trái, chẳng dặng dưng tôi phản ứng theo bản năng tự nhiên, không đắn đo suy nghĩ, không cân đong kết quả, hậu quả... , cho nên không ít người dựa trên tác phẩm tiểu thuyết *Chuyến Mùa* của tôi để bảo rằng tôi là một tác giả *“can đảm, dám nhảy vào đề tài nhạy cảm”*. Chẳng biết thế là khen hay chê, nhưng có một điều chắc chắn là việc làm của tôi có rất ít chọn lựa.

Sống và được chiêm nghiệm biết bao chuyện chướng tai gai mắt..., người cầm bút, cầm cọ, cầm đàn, cầm micro (ca sĩ)... đều đã nhiều lần, vô tình hay hữu ý, làm công việc “tâm công” của cụ Nguyễn Trãi.* “Tâm công” là lấy lòng mình mà tấn công vào lòng quân địch. “Quân địch” đây không nhất thiết chỉ là “phía bên kia” trong một mặt trận, có lính tráng, tàu bay, tàu bò... mà còn là “phía bên kia” của cái thiện, cái đẹp, cái tự nhiên của một tâm hồn đẹp... Bạo lực luôn luôn là vũ khí của kẻ yếu. “Tâm công” là vũ khí của người đạo đức, tài năng, của các nghệ sĩ, của người cầm bút... Người ta trải lòng trên ngọn bút chứ không trải lòng trên họng súng!

Người ta đâu chỉ cầm bút khi có chuyện cần phải “nổi dóa”? Người ta cũng “cầm bút để làm đẹp cho đời” như nhiều người đã nói, và nhiều nhà phê bình văn học đã bảo thế. Thế nhưng tôi xin hỏi, khi người ta đặt bút xuống ca ngợi một bông hoa đang hé nở trong nắng sớm... với tất cả cảm xúc thành thật của mình, người đó có cùng một lúc nghĩ mình đang làm công việc “làm đẹp cho đời” không? Hay cứ viết, cứ vẽ, cứ làm nhạc...

rồi... từ một tài năng nằm trong một “tâm hồn đẹp” đã phục sẵn trong cốt tủy, nó sẽ thăng hoa thành một sản phẩm gồm đủ CHÂN, THIỀN, MỸ? Sản phẩm đó làm đẹp cho đời mà không có sự cố ý, cố nặn, “đo may” (to tailor) nào... của người nghệ sĩ. Tự nhiên, ngẫu nhiên... là ở chỗ đó.

Nhà văn Hồ Trường An viết trong một cuốn biên khảo văn học rằng “*những bài thơ ngắn của Trương Anh Thụy có thiền phong thiền vị.*” Khi có dịp gặp mặt tôi cãi chối chết là tôi có biết thiền là cái gì đâu! Anh lại bảo “*Ấy không biết thiền là gì nhưng nếu làm thơ với tâm thiền thì cái thiền phong thiền vị nó tự tỏa ra nườm nượp. Có những bài thơ đầy những chữ trong kinh kệ mà vẫn chẳng thấy thiền ở đâu cả.*” Nói vậy thì biết vậy, tôi vẫn chỉ làm thơ theo cảm hứng bất chợt. Còn như thơ, văn tôi thuộc trường phái nào thì đấy là công việc của các nhà phê bình văn học.

Sau khi phân tích lòng mình để trả lời hai câu hỏi “Viết để làm gì?” và “Tại sao viết?” liệu tôi có thể từ đó rút ra cho mình một “Sứ mệnh của người cầm bút” hay không?

Hình như vẫn là “không”!

Sứ mệnh của người cầm bút

Thú thật, nhân được xem đám tang của nhà văn Jean d’ Ormesson (mùng 8 tháng 12, 2017) vừa qua trên màn ảnh, tôi mới nảy ra ý định viết bài này. Hình ảnh trên màn hình, tổng thống Pháp Emmanuel Macron đang cúi khom người đặt một chiếc bút chì lên quan tài ông trong một buổi lễ quốc táng đã khơi dậy trí tò mò của tôi khiến tôi tìm hiểu về ông và được biết ông là giám đốc của nhật báo Le Figaro từ năm 1974 cho đến ngày ông mất, mùng 5 tháng 12, 2017. Ông cũng là viện trưởng của Viện Hàn Lâm Pháp (Académie Française), tác giả của hơn 40 tác phẩm gồm nhiều loại: tiểu thuyết, tùy bút, biên khảo... Ông là một nhà văn thuộc dòng dõi quý tộc, thuộc giới trí thức hàng đầu của nước Pháp. Tuy nhiên, theo tôi, tất cả các sự kiện đó không phải là lý do để tổng thống Pháp phải làm quốc táng cho ông, mà vì ông là một nhà văn nhân bản, những gì ông viết ra là



những vấn đề của đời thường, ông là người bạn tâm giao đồng cảm, xuyên suốt nỗi thống khổ và khát vọng ngàn đời của mọi tầng lớp xã hội. Nước Pháp muốn nói lên rằng mọi thành phần dân Pháp đang để tang ông, và nước Pháp muốn chia sẻ cái tang này với cả thế giới. Sự mất mát to lớn này thuộc về cả nhân loại chứ không phải chỉ của riêng nước Pháp.

Do một bài tường thuật/biên khảo của nhà văn Từ Thức (bên Pháp), tôi được đọc những câu trích dẫn từ nhà văn D’

Ormesson như sau: “*Có hai cái hầu như không thể đạt được, là sự thực (la vérité) và sự công bằng, công lý (la justice). Tôi ghét hai loại người: những người nghĩ mình nắm sự thực và công lý trong tay; và những người nghĩ không nên bận tâm bởi vì sự thực và công lý sẽ không bao giờ có trên đời. Không, biết là không làm được, nhưng vẫn phải tranh đấu đi tới.*” Nhà văn Từ Thức thêm: *Không xa tư tưởng của Scott Fitzgerald mà ông (D’ Ormesson-chữ thêm của người viết) ngưỡng mộ: “Hãy ý thức rằng tình trạng hoàn toàn tuyệt vọng, nhưng vẫn phải hành động để thay đổi.”***

Ôi! Mục tiêu của hai nhà văn trên vĩ đại quá! Cao thượng quá! Hèn chi các nhà phê bình văn học chẳng, bằng một cử chỉ ưu ái, khoác lên nhà văn một sứ mệnh to tát: Làm thay đổi nhãn quan, định kiến, tâm địa...vv...và vv... của con người, của cả một xã hội, rồi đến cả nhân loại... Các nhà biên khảo phê bình văn học rất có lý, vì trước mắt họ còn vô số những đầu óc vĩ đại khác như Balzac, Camus, Enxa Triôlê, Thạch Lam, Nam Cao... kể sao cho

hết! Những nhà văn này xứng đáng được mệnh danh là những thiên thần, là những vị thánh cứu nhân độ thế, là những sứ giả mang một sứ mệnh Trời trao...

Dù cho thế đi nữa, con đường văn mà nhà văn đi tới, theo tôi, vẫn là có nhiều ngã. Một nhà văn ngẫu nhiên “*Gặp một chuyện hay, nghe một chuyện cảm động, lại thấy chuyện bất bình hay chứng kiến một cảnh dõm, trường giả học làm sang, người viết truyện nếu thật với mình sẽ ghi nhận, để cho câu chuyện nung nấu trong đầu, trong óc, trong tâm can, rồi một ngày nào đó, câu chuyện chín muồi đem trải ra mặt giấy... thành ‘truyện’.*” (“Vào Tập” của tập truyện Ánh Mắt- 1998.) Quá trình dựng truyện như thế thiết tưởng cũng nhiều nhà văn đã làm, chẳng có gì đặc biệt, đặc biệt chẳng là ở mức độ tài năng của nhà văn, ở khả năng biết nhận diện cái “thiện” để mà đề cao, cái “ác” để mà tiêu diệt, và ở trong một tâm hồn luôn hướng thiện, hướng thượng... Có được các đặc tính đó rồi thì tự nhiên sản phẩm của họ sẽ đem lại kết quả ĐẸP. Vậy thì cái gì đến trước? Cứ viết đi, rồi vì văn tài, vì những rung cảm tự nhiên, không làm dáng, không biếm họa... nhà văn sẽ tạo ra được một tác phẩm đẹp, hay, khoác lên mình một sứ mệnh rồi viết ra một tác phẩm đẹp? Tinh thần Lục Vân Tiên chắc cũng không xa quan niệm này. “Giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha.” (LVT.) Chí ít cũng phải “giữa đường thấy chuyện bất bình” (ngẫu nhiên, không chọn lựa) rồi mới “chẳng tha” (kết quả tất yếu).

Qua lối suy nghĩ rất cô đơn này, tôi ý thức được rằng tôi đang lội ngược dòng, đang xâm nhập vào một lãnh vực nhạy cảm, một thành trì kiên cố của đại đa số những người có thẩm quyền hơn tôi! Tuy nhiên tôi nghĩ không có gì buồn nản bằng điều mình nói ra được mọi người đồng ý hết, như vậy là mình chẳng học được điều gì mới lạ, hay còn tệ hơn nữa là mọi người thờ ơ với đề tài nhàm chán này.

Tôi rất mong được đón nhận những ý kiến, đồng tình hay phản biện xây dựng và tương kính của các thi, văn, nhạc, họa sĩ, các nhà biên khảo, các độc giả... hầu làm sáng tỏ một vấn đề mà vẫn còn có người cầm bút trong chúng ta đang loay hoay, trăn trở tìm câu trả lời mà chưa có ./.

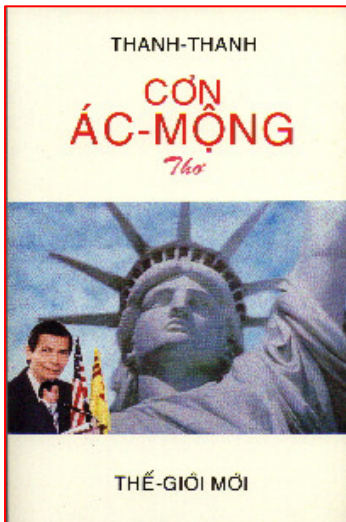


Trương Anh Thụy

CHÚ THÍCH:

* “*Tâm công*” nghĩa là “đánh vào lòng người”, là một chiến lược cơ bản trong Bình Ngô Đại Cáo, cuốn sách mà cụ Nguyễn Trãi là tác giả, đệ trình lên vua Lê Lợi dùng trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. “Đánh vào lòng địch” là chính sách mà vua Lê Lợi và cụ Nguyễn Trãi đã xử dụng để kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao... chủ đích là dùng tâm lý, đạo lý dụ các tướng lĩnh, binh sĩ địch và ngụy quân về hàng. Khi thì dùng hòa đàm, tạm thời hòa hoãn với địch để đợi thời cơ, khi ưu thế thuộc về mình thì dùng lý lẽ cảm hóa, làm suy sụp tinh thần chiến đấu của quân địch, làm chúng nao núng không còn ý chí chiến đấu.

** “One should be able to see things as hopeless and yet be determined to make them otherwise.” F. Scott Fitzgerald (Mỹ) – (Nguồn:Từ Thức)



LỆ-CHÂU

Đã mấy xuân rồi, hả bể dâu ?
Những hình bóng cũ nay về đâu ?
Có ai đốt lại lò hương ấy
Mà nhớ vô cùng, hỡi Lệ-Châu !

Ta nhớ em như nhớ tháng ba* :
Ngày giờ có đó, nghĩ không ra!
Chính ta chẳng hiểu mơ hay tỉnh;
Ta ở đây mà nhớ chính ta!

Ta nhớ ta là một tiếng im,
Con thuyền không bến, máu không tim,
Không hoa cho một làn hương quện,
Không tổ nường nhờ một cánh chim!

Ta có đầu ta – một thánh-thư:
Biết đường, đâu ngại ngã ba, tư!
Lòng ta có lửa mà không bếp,
Như thiếu trùng-dương cho hải-ngư!

Thiếu một thần-giao, một cảm-thông;
Đời không tri-kỷ, không tâm-đồng;
Bơ-vơ như trận kinh+nghe-chiến:
Biển cả tung-hoành một lão-ông!

Rồi bỗng đâu đây giữa gió khơi
Có em bỗng gọi, có ta "ơ!"
Thuyền như nhắm bến, chim tìm tổ,
Đêm muốn hừng đông, hận muốn vơi ...

Em đến – gần mà như muôn trùng,
Không tên, không lấy cả hình-dung...
Nhưng em đã đến, bằng xương thịt,
Đã sưởi lòng ta ... ấm lạ-lùng!

Em có là tiên... hay là... ma
Thì em cũng đã có yêu ta!
Tình em là một nguồn thi-húng:
Bút rỉ mười năm... lại nở hoa!

Em đã theo ta mỗi bước chân,
Hòa trong hơi thở, nhập trong gân!
Có em là bạn... nên từ đó
Ta có niềm vui tự bản-thân...

Nhưng, bỗng tư bề nổi bão đêm:
Kinh-ngư còn lại bộ xương lem!
Đất thành hoang đảo! dân thành rợ!
Ngư-phủ vào tù, lạc dấu em...

Nổi nước khôn khuây, lại nổi nhà,
Nổi mình khắc-khoải một mình ta!
Bao nhiêu kỷ-niệm vào tro bụi
Như những kê vàng, quá-khứ xa ...

Ôi! Những ngày xanh, những ước mơ
Tan như ảo-ảnh mống trời mưa!
Thời-gian liệm lấp vào quên-lãng
Những mộng vàng son hóa mộng hờ!

Rồi có hôm nào như hôm nay:
Gió nào gợn sóng, lá nào bay ...
Cho ta gọi lại trong tâm-tưởng
Một thoáng ân-tình, thoáng rượu say ...

Trại Kho Đạn (Đà Nẵng), 1980-81

THANH-THANH

trong tập thơ "Cơn Ác-Mộng"

(*) 29/03/1975: Đà Nẵng (thủ-phủ Miền Trung)
thất-thủ.

XUÂN VỪA ĐI QUA - Cát Đơn Sa

Xuân vừa đi qua, nhưng vẫn còn đọng lại khi nhìn hoa lá trở lộc trên cành...

Trước Tết, Hồng đi chợ mua sắm, thấy thiên hạ bán những cây hoa mai với giá không rẻ, khoảng năm chục đô la một cây, hoa không nhiều, chỉ đếm được có vài cái, và toàn là lá non, trồng trong chậu sành khoảng hai gallon... Hồng thấy vui vẻ khi nghĩ đến những cây mai nhà mình được nàng trồng ở sân sau.



Ở vườn sau nhà, Hồng trồng một dọc hoa mai tứ quý, đứng cạnh cây mai Mẹ. Khi nói thì cây mai Mẹ nở hoa tương bừng, đến nỗi khi Hồng ra sân sau, cứ chăm chú nhìn vào những cây con chung quanh cao khoảng gần một yard, mà quên nhìn cây mai Mẹ... cho đến một ngày thấy màu vàng rực rỡ ngay sát bên mình, nàng mới thốt lên:

- Trời ơi... hoa nở đẹp quá...

Cây hoa mai mẹ này, Hồng không hề ngắt lá cho nó ra bông như người ta thường làm, vậy mà nó nở hoa quá chùng... thật là đẹp...

Còn mấy cây con, thôi thì cũng ra nụ ra búp lung tung... vì Hồng đã cùng cha nàng đứng tước lá cho nó trước tết khoảng ba tháng! Lúc đó ông cụ còn khỏe, qua thăm mấy chị em Hồng bên Cali... Nhưng rồi sau đó, thì cha bị bệnh liên miên, và phải trở về nhà để vào bệnh viện... Bác sĩ cho biết Cha bị nhiều thứ bệnh, chung quy cũng là bệnh già... chẳng biết sống được bao lâu!

Cũng vì thế mà thời gian đó, mấy anh chị em trong nhà không biết cha có qua nỗi không, mới bàn nhau phải mua vé máy bay về nhà Cha sum họp ăn Tết với ông cụ ăn Tết năm Tân Mão... biết đâu không có lần sau!

Vì thế gia đình con cháu Ông cụ ở khắp nơi trên đất Mỹ, ai nấy đều lục tục tìm mua vé máy bay.. sửa soạn tụ về nhà Cha đón Tết. Nhà cha Hồng ở Denver, thuộc tiểu bang Colorado, vùng đất cao hơn mặt biển một mile, uống nước từ vòi mà không cần phải đi mua như ở California!

Còn Hồng, nàng cũng bị một cơn bệnh bất ngờ phải vào nhà thương trong thời gian đó, đi đứng hơi khó khăn... nhưng với con người hay hoạt động như nàng, thì đâu có chịu nằm im trên giường dưỡng bệnh như bác sĩ nói, mà Hồng cố gắng làm lung tung, cho dù hiệu quả cũng không hay mấy cho sức khỏe... nhưng Hồng vẫn không ngại, vẫn tập lần cho quen với hoàn cảnh!

Năm nay, thời tiết California lạnh hơn, mưa nhiều hơn... nên mầm cây cối như ủ bên trong, chậm lại sự bung hoa để khoe sắc. Không phải chỉ đi một chợ, mà đi cả ba bốn chợ Việt Nam, Hồng cũng chỉ thấy loe ngoe vài cây mai ít hoa, giá cắt cổ...

Không ăn Tết ở Cali, nhưng Hồng đi chợ là để tìm mua những thứ mà nàng nghĩ có thể làm mang đi tặng anh chị em trong nhà ăn Tết.

Bây giờ, những khi Tết đến, nhà ai cũng có bánh trái, dư thừa thức ăn... tặng cái gì mà lạ và nhẹ? để mang lên máy bay? Nghĩ đến đó đã thấy mệt vì không nghĩ ra! Hay là đi tay không cho khỏe?

Trong gia đình, vợ chồng Hồng thuộc dạng nghệ sĩ, các anh em Hồng thì ai cũng thành công trong đời sống, cho nên vật chất đối với họ không phải là hàng đầu... Nhưng... dù sao cũng nên làm một cái gì đó... thay vì đi mua vì thực phẩm bên ngoài thị trường bây giờ... tiệm làm "độc hại" hơn là nhà làm.

Đi qua mấy cái tủ đồ đông lạnh, nhìn những xấp lá chuối xanh láng, Hồng bỗng xực nhớ là mình có thể gói bánh chưng. A, hay là làm bánh chưng mang theo... cho dù biết rằng bánh chưng Tết thì nhà anh em nào cũng có... nhưng... đây chỉ là tấm lòng! Riêng cha Hồng, ông cụ không ăn được những thức ăn bình thường, mà chỉ được ăn thật nhạt, không béo, không trà, cà phê... tóm lại chỉ được ăn rau, uống nước lọc là an toàn nhất. Tìm thứ đi tết Cha cũng khó nghĩ!

Vì thế, thôi kệ cứ làm đã, rồi tính sau... ai thích thì ăn, không thích thì "bỏ"!

Nghĩ đến chữ "bỏ", Hồng thấy nhói trong lòng! Thế giới ngày nay người ta chết đói, hoạn nạn nhiều. Nhìn tấm hình những trẻ em nghèo khổ, hay đang gặp thiên tai trên Net... đói giờ xương không có miếng ăn mà tội nghiệp...

Mình bên đây dù không giàu có gì, nhưng cũng hơn cả tỷ tỷ người trên trái đất!

Thôi kệ. Cám ơn Trời cũng đã giúp cho mình những lúc mình cần... Làm được cái gì trong khả năng của mình thì cứ làm. Chuyện khác tính sau.

Thế là Hồng mua bốn xấp lá chuối, bốn bao đậu xanh cà vỏ, mười pounds nếp, thịt ba rọi nhiều thịt ít mỡ, hành hương tím, cuộn giấy cột màu đỏ... Về nhà hì hục soạn thau nồi lớn... ngâm nếp, đậu xanh, ướp thịt... Khuôn làm bánh thì Vinh đã đóng sẵn cho Hồng ba cái hai năm về trước, muốn size nào cũng có.

Nhưng chắc là Hồng phải làm size lớn bình thường, vì tặng bánh nhỏ thì kỳ!

Thêm vào đó, Hồng còn mua dưa cải muối chua. Mua cải về rửa sạch, phơi khô vài ngày trước, rồi cắt khúc ra, cho vào bao mang đi. Qua bên đó muối sau.

Trước đó hơn một tháng, thì Hồng lo về vụ mua vé máy bay... không biết khi nào nó mới hạ giá?... may cô em gái của Hồng Email cho biết hãng Southwest airline đang "sale" trong 72 tiếng, chỉ có sáu chục đồng một chiều... Thế là cả nhà vội lấy vé ngay. Chần chừ nó hết "sale", có khi giá đắt gấp ba bốn lần!

Chiều mừng một Tết, cả nhà ra phi trường với cậu em út. Mỹ, em gái Hồng ở Denver, trước đó đã gọi phôn qua dặn:

- Hôm nay trời bên đây trừ 14 dưới 0 độ... Chị nhớ mang áo ấm không thôi bịnh, lạnh lắm đó...
- Ừ... nhưng ta chỉ có một cái áo dày, mà nó lại màu đỏ tươi! Chối quá!
- Chắc hồi đó chị còn trẻ, ưa mấy màu rực rỡ, tui còn nhớ chị thích sơn móng tay đỏ nữa mà...
- Ừ... giờ thì ta đổi qua sơn màu hồng lợt.... Có mấy cái áo ấm màu đen thì mỏng quá... không đủ ấm!
- Nghe nói khi chị qua, "nó" lên khoảng 27 độ là tốt rồi...
- Có tuyết không?
- Ai mà biết!
- Cầu trời cho mấy ngày đó tốt, đường đi đừng đông đá thì vui hé...

Như vậy Hồng đành chọn áo coast đỏ, được cái là nàng có sẵn giày, mũ và găng tay màu đen... Hồi xưa còn đi hát hò, sinh hoạt cộng đồng mà diện vậy thì cũng thích lắm... Còn bây giờ, Hồng hết ham mấy màu mè hoa lá càn rỡ! Nhưng Tết mà, mặc áo đỏ cũng hên...

Ngày mừng một Tết xuất hành. Đi hãng Southwest sau khi soát vé xong, vào trong máy bay ai muốn ngồi chỗ nào thì tự chọn khi ghế còn trống, chứ không phải ghi số như những máy bay khác.

Mỹ đón vợ chồng Hồng ở phi trường. Cô em thứ ba của Hồng được tiếng là giỏi. Mỹ vừa đi làm, vừa nấu ăn làm bánh ngon, vừa siêng năng... mỗi lần tuyết xuống là hay phụ chồng xúc tuyết, dọn lối đi trước nhà...

- Tui chờ ngoài kia cả 45 phút chưa thấy máy bay tới...

- Máy bay đến trễ gần cả tiếng!

Trên đường về, hai bên là tuyết đóng băng, nhưng giữa xa lộ thì sạch bóng vì có xe xúc tuyết lúc nào cũng thu dọn, bất kể ngày đêm. Xe vào trong khu nhà ở thì trên đường lầy lội tuyết, Mỹ nói:

- Mai mà ấm hơn thì tuyết nó tan, băng không nó đóng nước đá lại ở phía dưới là chạy xe trơn trượt, nguy hiểm lắm...



- Vậy thì cầu cho mai trời tốt...

Thằng em Út và mấy đứa con của HỒNG không đi chung với dì Mỹ, mà theo những đứa bằng tuổi tụi nó về nhà khác... Lúc nào cũng vậy, trong đại gia đình của HỒNG, phải gọi như vậy vì cha HỒNG có mười hai người con, chưa kể là anh em của ông cụ, khi nào "Reunion" tụ họp lại, thì đông đến cả hơn hai trăm người.

Ở hải ngoại, HỒNG nghĩ chưa có gia đình nào thường xuyên tổ chức "Reunion" hai năm một lần, có lớp lang, thứ tự như trong gia tộc của cha nàng.

Buổi họp mặt gia tộc thường được tổ chức một nơi nào đó, do lần họp trước chỉ định, đề nghị. Nhánh gia đình nào nhận lời tổ chức phải lo ba buổi ăn trong ba ngày gặp gỡ, có lúc lên đến mấy trăm người... phải lo những địa điểm du lịch, và trò chơi cho bọn trẻ, phải có chương trình trình diễn văn nghệ giúp vui do các thành viên đóng góp.

Kèm theo đó, sau mỗi lần họp mặt, là một quyển magazine màu sắc, đầy đủ các hình ảnh, tiết mục hình thành... do những cây bút đủ các hạng tuổi trong gia tộc ghi lại... được in ra do sự đóng góp của các thành viên, để kỷ niệm những lần gặp gỡ, cũng như địa chỉ để liên lạc với nhau.

Những lần tụ họp này xảy ra thường xuyên, nên bọn trẻ rất thích thú và có tình nghĩa với nhau. Cứ mỗi lần họp, tự động nhóm tuổi nào là tụ lại với nhóm tuổi đó, truyện trò như pháo rang...

HỒNG và Vinh về ở nhà vợ chồng Mỹ. Mỹ có biệt tài làm bánh cuốn và heo quay rất ngon, chưa kể đến món bánh kem plan tuyệt chiêu. Ở nhà Mỹ, HỒNG học được hai thứ là cách thắng nước màu sao cho có màu đẹp và nhanh, hai là cắt hành mà không bị cay mắt, bằng cách cắt bên cạnh một lò lửa vụn nhỏ thôi, thì những chất cay, hăng sẽ bị đốt tan đi...

Bốn ngày đón Tết ở thành phố Denver, là bốn ngày ăn uống mệt nghỉ. Nhà đứa em nào cũng đãi đằng lớn, cả mấy chục món ăn khoái khẩu, ngon và lạ miệng. HỒNG không ăn được cay, nên có nhiều món nhìn rất hấp dẫn, nhưng không dám thử.

Ngày mùng ba Tết thứ bảy, là ngày gia đình chọn họp mặt chúc tết ở nhà Cha, nên các anh chị em HỒNG phải khăn áo chỉnh tề đến. Nói khăn áo chỉnh tề là vì năm nay, các anh chị em HỒNG đề nghị: ai mặc áo dài quốc hồn quốc túy được thì cố mà mặc, để chụp hình với Cha cho đẹp và trang trọng.

HỒNG tuy không thích mặc áo dài vì trời quá lạnh và tuyết, nhưng cũng cố mang theo một cái áo dài màu tím Huế mà mặc với các chị em. Cái áo may từ năm 2006 ở Việt Nam, với loại vải giống gấm mà không bị nhăn

Sáng Thứ bảy, HỒNG thức dậy lúc 7 giờ sáng, không ngủ được vì bị ho cả đêm! HỒNG ho quá xá, nhưng không muốn uống thuốc trụ sinh, vì trong người đã có quá nhiều thuốc!



Xuống bếp lấy nước ấm mà uống dần cơn ho, kéo màn cửa nhìn ra ngoài trời, thấy tuyết đang rơi dày đặc! Thế này thì chán quá! Cho dù chụp hình lúc này thì rất đẹp! Trời đất một màn trắng xoá, đâu đâu cũng đầy tuyết...

HỒNG ngồi nhìn ra ngoài sân trong lòng thầm cầu mong cho tuyết ngừng rơi... Đến chín giờ thì tuyết ngớt và ngưng rơi thật. Quá tốt... chứ nếu nó mà rơi mãi, thì ra đường đầu cổ tóc tai, áo quần phủ đầy tuyết và ... ướt mèm áo quần!

Gia đình Mỹ và vợ chồng HỒNG đến nhà Cha lúc gần 11 giờ. Quãng đường xa, đi hết gần 1 tiếng mới đến vì phải chạy chậm. Các anh

em đã tề tựu đông đủ, ai nấy đều mang một món quà đầu năm đến Tết Cha.

Tục lệ bên Việt Nam là trong gia đình, Ngày Tết người nhỏ tuổi phải Tết người lớn hơn, hoặc "con nợ" phải nhớ mà quà cáp, điếu đóm "chủ nợ"...

Ngày xưa, mỗi lần Tết đến là những nhà nghèo bên Việt Nam lo xanh cả mặt. Nhìn cảnh Tết dư thừa bên đây mà Hồng thương cho những người nghèo khổ bên Việt Nam, hoặc những người già, trẻ em đang bị đói khổ ở những nơi xảy ra thiên tai...

Năm nay thiên tai quá nhiều ở mọi nơi! Hồng coi tin tức, nhìn ảnh mà thương xót ngập lòng... Chỉ còn biết cầu nguyện cho họ bớt khổ!

Ngày xưa, người nghèo bên Việt Nam nếu bị mắc nợ, khi Tết đến là bị chủ nợ cho người đi tới nhà đòi. Người chủ nợ họ thuê những "con người" có hình dáng thật là ghê sợ, như bị ghẻ lở, phong cùi, hay là những người có cái miệng "độc hơn thịt vịt"... đến nhà con nợ nằm vạ, ăn ở dơ dáy, chửi rửa trù ẻo ầm ĩ... xong rồi nằm ì ra đó để đòi nợ! không đi đâu... cho tới khi nào con nợ lạy lục, van xin, hoặc trả một cái gì đó... thì họ mới chịu rời nhà...

Bởi người xưa rất tin vào những ngày tháng đầu năm, hên xui là do trót lọt ngày đầu Xuân...

Nghe Hồng nói, Mỹ tắc lưỡi rồi cười:

- Bên đây dù mình cực khổ đi làm, nhưng cũng còn may mắn hơn nhiều người... bởi vậy năm nào rảnh, có thì giờ mua sắm là ai tui cũng tặng quà hết ráo...

- Ừ, chị cũng vậy... nếu có điều kiện thì tặng quà hay lì xì lấy hên, cho vui...

Cha có vẻ vui sướng vì ông thấy con cái, cháu, chắt... tụ về khá đầy đủ. Vì vui, nên ông lên tinh thần, đã không cần dùng đến bình thờ dưỡng khí, dù con cháu đầy chật nhà, trong cả ba ngày họp mặt.

Tết năm nay, Cha mặc bộ áo dài khăn đóng màu vàng nhạt có chữ thọ lớn, gia đình của em Hà, hai vợ chồng và con cái đều mặc áo dài khăn đóng mới toanh, trông như "royal family". Thấy cậu em kế Út cũng mặc bộ quốc phục màu xanh đậm, Hồng cười hỏi:

- Ở đâu mà cậu có bộ đồ này?

Cậu em vô tư:

- Ở... cái này em thấy trong tủ của ba, nên em lấy mặc... đẹp không?

- Đẹp lắm...

Mấy cô em dâu và em ruột của Hồng ở Denver ai nấy đều khéo tay và đảm đang ra phết. Tất cả đều làm vài món ăn bung đến để đãi Tết. Kể cả những người ở tiểu bang xa cũng "order" thức ăn mang theo đóng góp... Cha lì xì cho cả nhà. Từ con, cháu cho đến chắt, mỗi người đều có trên tay một phong bao đỏ.

Hồng được các anh, em cho bốn tờ vé số, trúng được ba tờ, tất cả là bảy đồng, cũng hên lắm rồi, khi nghe cậu em nói:

- Em ngồi coi dò số với ba... cả trăm tờ vé số mà trúng được có bốn đồng!

Nghe nhắc đến vé số, Hồng góp chuyện:

- "Có cặp vợ chồng Mỹ kia một hôm trúng số. Ông bà ấy trúng được hai triệu đô la. Gia đình ông ta có cuộc sống trung lưu không đến nỗi nghèo khó quá, và ông bà chuyên làm từ thiện. Điều đầu tiên ông ta nghĩ đến là giúp cho nhà bên cạnh một số tiền, vì nhà ấy đông con, căn nhà lại bé như cái lỗ mũi. Họ có đứa con bị tật nguyền nơi chân, hàng ngày hay ngồi trong cửa nhìn ông bà bằng cặp mắt to để thương... nhưng vì không đủ điều kiện nên cậu không được đưa đi chữa trị. Và cha mẹ đứa trẻ thì mặc cảm, không muốn ai giúp... cho dù là mỗi khi bà Mỹ bung bánh trái qua cho, nhiều khi cũng ngại ngùng từ chối... Thế rồi khi ông ta đề nghị với cậu bé Robert, tên đứa trẻ tật nguyền, là ông ta muốn giúp cậu chữa trị cái chân, và ăn học thành tài có điều kiện.

Cha cậu bé hỏi:

- Điều kiện gì?

Ông đáp: - Là cháu phải đi học bác sĩ để giúp đời, trong số đó... nếu vợ chồng tôi vì tuổi già sức yếu... có bệnh hoạn thì cũng được cậu săn sóc... thế thôi...

Người cha quá ngần ngại khi thấy ông bà hàng xóm quá tốt bụng tỏ ý giúp con mình. Sau đó vì tương lai, ông ta hỏi ý đứa con. Đứa bé gật đầu vì nó rất muốn được chạy nhảy, đi đứng như những đứa trẻ bình thường khác.

Được sự đồng ý của người láng giềng, ông bà chọn một bệnh viện chữa về chân giỏi để điều trị cho cậu bé, cũng như gửi một số tiền lớn trông công để tên cậu, để khi cậu trưởng thành cần tiền chi tiêu cho việc học... Rồi ít lâu sau ông bà Mỹ dọn nhà khi cậu bé đã đi lại bình thường. Gia đình cậu không biết ông bà Mỹ đi đâu... nhưng tiền tài trợ việc học cho cậu bé vẫn có đều đều hàng tháng. Nhớ lời ông, cha mẹ cậu bé nhắc nhở con về việc học, mong cho con thành tài, là một bác sĩ để giúp đời.

Robert ra trường là một bác sĩ trẻ rất giỏi, có tấm lòng nhân hậu. Không những thế mấy anh em trong nhà cũng nhờ ké theo món tiền hậu hĩ ông bà Mỹ giúp cho Robert, mà cả đoàn con ăn học nên người.. Cha mẹ cậu rất vui lòng, nhớ đến người láng giềng năm xưa không biết nay đã ở phương nào mà cảm ơn và trả ơn? Bây giờ họ đã trở nên giàu có nhờ những đứa con đóng góp, giúp cho cha mẹ...

Một hôm, Robert tìm được 1 bài báo nói về chuyện một gia đình ông lão, cả đời chuyên giúp người, trúng số thì dành tiền để làm việc thiện... tên giống y như người láng giềng, đang sống cô đơn trong nhà dưỡng lão ở ngoại thành. Ông lão không có người thân, vì vợ ông ta cũng đã bệnh ở xương bàn chân mấy năm nay, không đi lại được, và đang ở trong một nhà dưỡng lão khác để chữa bệnh, họ không có con cái...

Robert và cha mẹ bàn tán với nhau, cấp tốc tìm hiểu thêm về người đàn ông này. Ngày hôm sau, khi có địa chỉ chính xác, họ đến thăm ông lão vào buổi sáng, mong rằng ông ta đúng là người họ đang tìm... Robert đưa cho mẹ một bó hoa lớn, để khi vào thăm tặng cho ông lão. Họ hồi hộp đi đến phòng của lão già... Và một thoáng sau đó, họ mừng muốn hực hơi khi nhận ra ông chính là người láng giềng năm xưa của họ...

- Chào bác...

- Cậu là ai?

- Bác không biết cháu, nhưng cháu nhớ bác rất nhiều... cháu chính là Robert, đứa bé hàng xóm bị tật năm xưa được bác giúp chữa khỏi, và cho đi học bác sĩ.. còn đây là ba má cháu...

Ông lão nghe Robert nói, không quá ngạc nhiên như Robert tưởng, mà khẽ kêu lên:

- Tôi biết, tôi biết cậu đã thành tài... nhưng không ngờ khi lớn lên, cậu lại đẹp trai như thế này... tôi nhận không ra... cả ba má cậu nữa... các người thay đổi quá...

Ba của Robert lên tiếng:

- Vâng, chúng tôi có thay đổi bề ngoài như ông thấy, nhưng cũng thay đổi cả bên trong nữa... chúng tôi đã đi theo con đường ông bà đi lúc trước, là giúp đỡ những người cần sự giúp đỡ...

- Tốt quá...

- Chúng tôi muốn cháu Robert giữ lời hứa với ông năm xưa...

Ông lão ngạc nhiên:

- Lời hứa gì?

Mẹ Robert nhắc:

- Là cháu Robert sẽ săn sóc cho ông bà lúc già yếu... Từ nay các cháu trong nhà và cả chúng tôi sẽ thay phiên nhau đến đây với ông, và Robert sẽ tận tình chăm sóc cho bà nhà... Rất may là cháu học chuyên về thương tật của đôi chân, như bệnh cháu lúc nhỏ... hy vọng là sẽ giúp được bà nhà chút ít...

Ông lão ngắt người:

- Tôi có nhớ gì đâu... chắc lúc đó tôi nói vậy để cậu Robert ráng học mà thôi...

- Tôi nghe nói là ông bà trúng số, chuyện đó ra sao ạ?

- Phải... tôi trúng số hai triệu. Thời gian đó chúng tôi làm lụng cũng đủ sống, dư chút đỉnh thì giúp cho người nghèo. Niềm vui của vợ chồng tôi là đi giúp cho những cơ quan từ thiện, bỏ thì giờ đi phát cơm, phát chăn mền cho người vô gia cư, đi vào nhà thương giúp các người không thân nhân, trẻ em mồ côi, bệnh tật... Thấy người ta khổ quá mình cũng động lòng... Khi trúng số, tôi nghĩ chúng tôi đã đủ sống, trong lúc có nhiều người thì gặp cảnh khổ đau... cho nên chúng tôi trích hết tiền ra giúp... như giúp cậu Robert...

- Ồ, thì ra ông bà trúng số vào dịp đó...

- Phải, ngoài Robert, tôi còn giúp cho nhiều cậu học sinh ngoan nhà nghèo, trả tiền bệnh phí cho những người không đủ khả năng, giúp cho những trẻ em bụi đời cần cai nghiện, giúp tiền cho lớp dạy nghề... tôi thấy ở đâu cần tiền chính đáng là tôi giúp...

- Trúng hai triệu, ông bà có đi chơi đâu không?

Ông lão lắc đầu:

- Không, à có... chúng tôi đi thăm Châu Á bằng tiền trúng số, mục đích để đến giúp đỡ người khác... chúng tôi ghé Thái Lan, Việt Nam, Cam Bốt, Lào để thăm những nhà thương thí, mở ra với tính cách nhân đạo giúp người nghèo... mang tiền về tặng tiếp tay cho trung tâm... chỉ như vậy thôi...

- Ông bà tốt quá... làm như vậy phước cho nhiều người...

Mẹ của Robert tiếp:

- Gia đình chúng tôi cũng mang ơn ông bà nhiều lắm...

Sau buổi đó, Robert đã đến nơi bà lão ân nhân của mình để chữa trị, chăm sóc đặc biệt cho bà... Nửa năm sau, bà đã bớt, có thể đi lại chút đỉnh... và được đưa về trung tâm dưỡng lão sống cùng chồng tại đó. Hai vợ chồng hạnh phúc trong sự thăm nom của gia đình của Robert. Họ coi ông bà như một người thân thích trong gia đình. Họ học được từ ông bà tấm lòng nhân hậu, giúp đỡ người khốn khó, cùng cực...

Thật là một câu chuyện tốt đẹp từ chuyện trúng số... không biết mình trúng số có làm được vậy không?"

Hồng kết thúc câu chuyện bằng một câu hỏi.

- Tui mà trúng số thì tui giúp hết...

Mỹ lên tiếng, Hồng tiếp:

- Ừ, chị cũng nghĩ vậy... tiền trên trời rơi xuống, làm phước thì có thể chia nhẹ nợ đời...

Cậu Út nói:

- OK... khi nào trúng số thì nhớ cho em biết.. em sẽ chia "nợ đời" với chị...

Cả bọn cùng cười vui vẻ...

Mỹ chờ Hồng ra phi trường. Hai chị em chia tay nhau trong lưu luyến. Mỹ đã quá cực với gia đình Hồng trong bốn ngày nay... Hồng chỉ còn biết nói:

- Cám ơn vợ chồng Mỹ và ba cô công chúa dễ thương xinh đẹp của hai người... chúc gia đình hai em hạnh phúc, vui vẻ, khỏe mạnh trong năm mới nghe... à... còn trúng số nữa chứ...

Mới đó mà giờ đây đã bay về lại California. Ngày vui qua mau. Hồng vui khi thấy cha đã lại sức, không còn quá yếu như lúc mới về lại bên đó... Bây giờ, nhờ cậu em kể bắt máy camera trong các phòng, những đứa con ở khắp phương trời có thể nhìn thấy Cha già đang làm gì... khi nào ông cụ buồn quá, thì lại gọi điện thoại thăm hỏi... Thời đại tân tiến có khác!

Mấy cây hoa mai Tứ Quý tiếp tục nở hoa trên cành ngày càng nhiều... Con mèo Kenji đang ngồi nhìn vẫn vợ, thấy Hồng thì há miệng kêu meo meo... chắc nó muốn nói:

- "Năm này là năm của con đó nghe má!!!"

LA NOUVELLE VAGUE

*La mer a rejeté des algues séchées d'une nuit sans lune
Combien de tempêtes ont passé
Remuant le ciel dans sa vie sans brume
Les nuages sont venus tirés par des voiles d'horizon.
Combien de soleils ont attendu*

*Les vents ont changé de voie
Sur les dunes ils t'ont guettée longtemps.
Dans l'entonnoir du ciel turquois.
Ils ont versé des larmes d'argent
Les oiseaux de passage t'ont quitté
Des nuits tu as pleuré leur retour
Combien d'amour ont passé*

*Le sable a repêché ses coquilles bercées par des vents amers.
Combien de visages ont pleuré
Derrière le rideau froissé par la mer
Exporte -moi nouvelle vague
Très loin de cette plage où j'ai tué mes paroles.*

*Parle-moi d'elle si vague
Si calme d'un soir sans rayon....*

Diễm Hoa

Janvier 2018



ANATOLE FRANCE (1844 –1924)

Đại Văn Hào Pháp - Lãnh Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 1921

Biên khảo của: **Phạm Văn Tuấn**



Anatole France là nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình văn học, một trong các nhân vật thuộc Nền Văn Chương Pháp vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20. Anatole France cũng là một nhà viết tiểu thuyết thành công với nhiều tác phẩm thuộc loại bán chạy nhất. Là một nhân vật châm biếm và bi quan, Anatole France được coi là một văn nhân lý tưởng vào thời đại của ông.

Anatole France được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp Quốc (L'Académie française) và được trao tặng Giải Thưởng Nobel Văn Chương năm 1921 vì “các thành quả văn chương sáng lạn, với các đặc tính là thể văn quý phái (a nobility of style), niềm thông cảm sâu xa với nhân loại, lời văn duyên dáng và cá tính Pháp” (in recognition of his brilliant literary achievements, characterized as they are by a nobility of style, a profound human sympathy, grace, and a true Gallic temperament).

Trong các tác phẩm ban đầu, Anatole France đã bộc lộ đường hướng bi quan rồi về sau, ông tỏ ra bất bình với các giá trị tư sản, điều này đã khiến ông chế giễu giới tu sĩ và các chủ thuyết tôn giáo trong các tác phẩm. Vào năm 1922, các tác phẩm của ông đã ở trong danh sách các sách truyện bị Nhà Thờ Cơ Đốc La Mã cấm đọc (the Index of Forbidden Books of the Roman Catholic Church).

1/ Thời thơ ấu và đời tư

Anatole France sinh tại thành phố Paris vào ngày 16 tháng 4 năm 1844. Tên thật của ông là Jacques Anatole François Thibault. Cha của ông tên là François Noël Thibault, là một nhà bán sách, đã đặt tên hiệu sách của mình là “Thư Viện của Nước Pháp” (Librairie de France) vì vậy, ông đã dùng chữ “France” này trong bút hiệu “Anatole France”. Hiệu sách này chuyên bán các sách và tài liệu liên quan tới cuộc Cách Mạng Pháp, thường được các nhà văn danh tiếng và các học giả lui tới, như anh em Goncourt.

Ngay từ thuở nhỏ, Anatole France đã ưa thích sách và ham đọc sách. Cậu Anatole theo học tại trường trung học Stanislas, một trường tư thục Cơ Đốc (a private Catholic school) tại nơi đây, cậu chỉ là một học sinh trung bình và chính vào giai đoạn này, Anatole France đã mang các quan niệm chống đối quyền lực chính trị của giới giáo sĩ (anti-clericalism), để rồi về sau trong các tác phẩm, ông thường chế giễu nhà thờ và các giáo điều.

Trong tác phẩm “Cuốn Sách của Bạn Tôi” (Le Livre de Mon Ami = My Friend’s Book, 1885), một tiểu thuyết tự thuật, Anatole France đã mô tả các năm thiếu thời của mình là sung sướng.

Sau khi thi trượt bằng Tú Tài (baccalaureate) nhiều lần, Anatole France cuối cùng đã tốt nghiệp vào năm 20 tuổi, rồi trong thập niên 1860, ông đã là người giúp việc cho cha, làm thư mục sách (cataloguer) và phụ việc cho nhà xuất bản Bachelin-Deflorenne và nhà xuất bản Lemerre. Cũng có khi ông dạy học. Trong cuộc Chiến Tranh Pháp-Phổ, Anatole France đã phục vụ Quân Đội Pháp trong một thời gian ngắn và đã chứng kiến cảnh tàn sát của Công Xã Paris vào năm 1871.

Vào năm 1877, Anatole France kết hôn với cô Valérie Guerin de Sauville, cháu gái của Jean Urbain Guerin, họa sĩ đã vẽ hình Vua Louis 16, họ có một con gái tên là Suzanne, sinh năm 1881. Sự liên lạc của nhà văn Anatole France với các phụ nữ thì rất huyền ảo. Vào năm 1888, ông bắt đầu luyến ái với bà Arman de Caillavet, là người bảo trợ nghệ thuật và điều hành một phòng văn chương nổi tiếng của Nền Cộng Hòa Thứ Ba (the Third Republic). Cuộc liên hệ chấm dứt trước khi bà này qua đời vào năm 1910. Sau khi ly dị bà vợ chính

thức vào năm 1893, Anatole France còn có nhiều duyên ái khác, đặc biệt với bà Gagey, rồi bà này tự tử vào năm 1911. Năm 1920, nhà văn Anatole France lại cưới bà Emma Laprévotte.

Nhà văn Anatole France qua đời vào ngày 12 tháng 10 năm 1924, được chôn cất trong nghĩa trang cộng đồng Neuilly-sur-Seine (the Neuilly-sur-Seine community cemetery), gần thành phố Paris. Rất nhiều nhân vật cao cấp trong chính quyền của nước Pháp đã tham dự tang lễ của Anatole France và nhà thơ Paul Valery đã thay thế Anatole France trong Hàn Lâm Viện Pháp.

2/ Theo nghiệp Văn Chương

Là một nhà thơ và một nhà báo, Anatole France bắt đầu bước vào con đường văn chương với văn phong chịu ảnh hưởng của Voltaire và Fénelon. Khi cha của ông hồi hưu, Anatole France là người phụ tá biên tập (editorial assistant) và tham gia vào nhóm các nhà thơ Parnassian gồm có Gautier, Catulle, Mendes và vài nhà thơ khác. Từ năm 1867, Anatole France là một nhà báo, đã viết nhiều bài tường thuật và bình luận, phổ biến từ năm 1889 tới năm 1892, rồi các bài báo này được in thành 4 tập sách với tên là “Đời Sống Văn Chương” (La Vie Litteraire). Vào năm 1869, Tờ Parnasse Thời Báo (Le Parnasse Contemporain) đã xuất bản một trong các tập thơ của ông với tên là “Phần của Madeleine” (La Part de Madeleine). Vào năm 1875, Anatole France ở trong ủy ban biên tập của tờ Thời Báo kể trên.

Vào năm 1876, do sự giới thiệu của nhà thơ Parnassian hàng đầu là Leconte de Lisle (1818-1894), Anatole France được mời làm phụ tá quản thủ thư viện (an assistant librarian) cho Thượng Viện Pháp (the French Senate) và ông đã giữ chức vụ này trong 14 năm. Leconte de Lisle cũng khuyến khích Anatole France phổ biến tuyển tập thơ đầu tiên “Các Bài Thơ Vàng” (Les Poemes Dorés, 1873) rồi sau đó là tuyển tập các truyện ngắn xuất bản vào năm 1879. Ông trở nên nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết “Tội Ác của Sylvestre Bonnard” (Le Crime de Sylvestre Bonnard, 1881), cuốn truyện này được ca ngợi vì lời văn lịch sự và nhờ vậy, ông đã giành được một giải thưởng của Hàn Lâm Viện Pháp.

Trong cuốn tiểu thuyết “Hàng Thịt Quay của Nữ Hoàng Pedauque” (La Rotisserie de la Reine Paudauque, 1893), Anatole France đã chế nhạo niềm tin vào thờ phượng, còn trong cuốn truyện “Các Ý Kiến của Jerome Coignard” (Les Opinions de Jerome Coignard, 1893), ông đã ghi nhận được khung cảnh xã hội của cuối Thế Kỷ. Ông được bầu làm hội viên của Hàn Lâm Viện Pháp năm 1896.

Anatole France đã giữ một phần quan trọng trong Vụ Án Dreyfus (the Dreyfus Affair). Ông đã ký tên vào Bản Tuyên Ngôn của Emile Zola để ủng hộ Alfred Dreyfus, một sĩ quan Do Thái bị kết án nhầm là gián điệp, và ông đã viết về vụ án này trong cuốn tiểu thuyết năm 1901 có tên là “Ông Bergeret” (Monsieur Bergeret, 1901).

Năm 1908, Anatole France cho xuất bản cuốn truyện “Hòn Đảo của các con chim cánh cụt” (L’Ile des Pingouins, 1908), qua đó ông chế giễu bản chất của con người bằng cách mô tả sự biến đổi của các con chim cánh cụt thành các con người sau khi các con chim này được rửa tội một cách nhầm lẫn bởi Cha bề trên Mael. Cuốn tiểu thuyết “Các Thiên Thần khát nước” (Les dieux ont soif, 1912) mô tả về thành phố Paris trong cuộc Cách Mạng Pháp, nói về một kẻ theo Robespierre cuồng nhiệt và các việc làm của anh ta trong các biến cố đẫm máu của Thời Kỳ Khủng Bố (the Reign of Terror, 1793-94). Đây là cách ôn lại để chống đối sự cuồng tín về chính trị và ý thức hệ, và khai thác các cách giải quyết triết học khác nhau đối với các biến cố của thời đại.

Cuốn “Cuộc Nổi Loạn của các Thiên Thần” (La Revolte des Anges, 1914) được coi là tiểu thuyết sâu xa nhất của tác giả. Cuốn này kể lại chuyện của Arcade, thiên thần bảo vệ của Maurice d’Esparvieu. Arcade mắc vào tình yêu, tham gia vào phong trào cách mạng của các thiên thần rồi vào lúc cuối, đã nhận ra rằng công việc lật đổ Thượng Đế thì vô nghĩa trừ khi “chúng ta tấn công chính chúng ta”. Tác phẩm này đã chống đối sự bạo lực (violence) và chế độ chuyên chế (tyranny) và Anatole France đã dùng đề tài quen thuộc về xung đột tôn giáo từ cuốn sách “Thiên Đàng Đã Mất” (Paradise Lost) của John Milton. Nhân sinh quan của ông, hay cách

nhìn đời, đã được mô tả qua các tác phẩm và được biểu lộ qua tuyển tập các lời ngụ ngôn (aphorisms) trong tập sách “Khu Vườn của Epicure” (Le Jardin d’Épicure = The Garden of Epicurus, 1895).

Vào ngày 31 tháng 5 năm 1922, tất cả các tác phẩm của nhà văn Anatole France bị liệt vào trong Danh Sách các Sách bị cấm đọc (the Index Librorum Prohibitorum = the Prohibited Books Index) của Nhà Thờ Cơ Đốc La Mã (the Roman Catholic Church) bởi vì tác giả đã chế giễu Thiên Chúa giáo. Danh sách cấm đoán này bị hủy bỏ vào năm 1966.

3/ Các nhận xét về các Tác Phẩm của Đại Văn Hào Anatole France

Trong cuốn truyện “Tội Ác của Sylvestre Bonnard” (Le Crime de Sylvestre Bonnard, 1881), Anatole France mô tả Sylvestre Bonnard là nhà sử học kiêm nhà ngữ văn có tài với nền học vấn uyên bác, và là nhân viên của Viện Pháp Quốc (Institute). Ông Sylvestre này sinh sống với các sách vở rồi đi tới đảo Sicily và thành phố Paris để tìm kiếm bản thảo quý báu của cuốn sách Truyện Truyền Thuyết Vàng (the Golden Legend) và cuối cùng ông ta đã tìm được bản thảo đó. Do tình cờ, ông Sylvestre đã gặp một cô gái trẻ tên là Jeanne, cô gái này lại là con của một phụ nữ mà ông ta đã có một thời yêu thương. Để che chở cho cô Jeanne khỏi sự lạm dụng của người bảo trợ tên là Mouche, ông Sylvestre đã mang cô gái ra đi rồi cuối cùng, cô Jeanne này đã kết hôn với cậu Henri Gelis, một trong các học trò của ông Sylvestre Bonnard.

Truyện “Hòn Đảo của các con chim cánh cụt” (The Penguin Island, 1908) nói về một hòn đảo hư cấu, ở phía bắc của châu Âu, nơi đây cư ngụ là các con chim cánh cụt. Câu chuyện bắt đầu khi Cha Mael, một nhà truyền giáo Thiên Chúa, có tính tình bất thường trôi dạt tới hòn đảo này và đã tin tưởng rằng các con chim đứng thẳng là một loại người ngoại đạo, thuộc về một xã hội chưa theo Thiên Chúa giáo. Vì bị gần như mù và hoàn toàn điếc, nhà truyền giáo Mael đã nhầm lẫn các con chim là các con người, nên rửa tội chúng, điều này gây ra một vấn đề với Thiên Chúa bởi vì chỉ có con người mới được rửa tội. Từ nay bắt đầu lịch sử của Xứ Penguinia và lịch sử này phản ánh lịch sử của nước Pháp và vùng Tây Âu, với cả nước Đức và hải đảo Anh Cát Lợi. Câu chuyện trải dài từ thời đại “đen tối” (Dark Ages) khi các bộ lạc Đức đánh phá lẫn nhau để tranh giành đất đai, tới thời đại Charlemagne và thời đại Phục Hưng, rồi tới cả thời kỳ văn minh kỹ thuật cao. Cuốn truyện đã châm biếm vụ án Dreyfus, lịch sử của châu Âu... Qua tác phẩm này, Anatole France đã đả kích và châm biếm xã hội và bản chất con người, chế giễu cả các đạo đức, tập quán và nguồn gốc của tôn giáo cũng như luật pháp.

Truyện “Các Thiên Thần khát nước” (Les Dieux ont soif = The Gods are Thirsty) là cuốn tiểu thuyết xuất bản năm 1912 của Anatole France. Đây là một truyện hư cấu nói về cuộc Cách Mạng Pháp. Évariste Gamelin là một họa sĩ trẻ của thành phố Paris, sinh sống trong vùng Pont-Neuf. Cuốn truyện mô tả các năm đen tối của thời kỳ khủng bố (the Reign of Terror) tại thành phố Paris, từ năm thứ hai tới năm thứ ba. Là người trung thành với Robespierre, Évariste Gamelin trở nên quan tòa của tòa án cách mạng. Các vụ xét xử mù quáng của loại tòa án này đã khiến cho quan tòa trở nên điên khùng, ông ta đã lên án chặt đầu cả những người thân thiết nhất của ông ta. Gamelin khao khát công lý nhưng đã dùng quyền lực để trả thù những người đã không suy nghĩ giống như ông ta. Gamelin đã chết vì cùng một thứ dụng cụ công lý là máy chém, đây là thứ đã làm thỏa mãn sự khát máu và khủng bố của những con người tàn bạo.

Các nhà phê bình cho rằng khuyết điểm của Anatole France là do các cốt truyện thiếu sâu sắc, thiếu sự tưởng tượng sáng tạo nhưng các tác phẩm của ông thì rất đặc sắc vì tầm hiểu biết rộng lớn, vì sự khôn ngoan và đặc tính châm biếm, vì sự đam mê đối với sự công bằng xã hội. Đặc tính trong sáng cổ điển của các tác phẩm của Anatole France khiến cho ông được coi là nhân vật kế thừa của Denis Diderot và Voltaire.

Vào thập niên 1860, Anatole France đã tiếp xúc với các nhà thơ của Nhóm Parnasse và ông đã cho xuất bản tập thơ đầu tiên, rồi sau đó chuyển sang văn xuôi, ông đã nổi tiếng với cuốn tiểu thuyết “Tội Ác của Sylvestre Bonnard” (Le Crime de Sylvestre Bonnard). Trước kia, Anatole France thường mô tả cuộc sống và con

người của thời kỳ Trung Cổ hay của thời kỳ suy vong của chế độ phong kiến, thì qua đầu thế kỷ 20, ông lại viết về các sự kiện lịch sử hay sự kiện xã hội đương thời và phổ biến chủ nghĩa nhân văn của Rabelais và Voltaire, phê bình nền Cộng Hòa thứ ba của nước Pháp, chế giễu các kẻ gây ra chiến tranh. Anatole France đã nói ra một câu châm ngôn châm biếm: “Người ta tưởng rằng sẽ chết cho Tổ Quốc, người ta đã chết cho các nhà kỹ nghệ” (On croit mourir pour la patrie, on meurt pour les industriels).

Anatole France không ưa thích trường phái hiện thực (réalisme) của Emile Zola mà ông coi là có tính cách tàn bạo, và ông cũng không đồng ý với Charles Dickens và George Sand về tinh thần khoa học trong văn chương, bởi vì ông đã từng nói: “Người nghệ sĩ chỉ nhìn thấy các sự vật là xấu, sẽ không biết nhìn ra sự hài hòa của các sự vật”. Vì vậy trong các tác phẩm của Anatole France có nhiều yếu tố thần tiên (elements féeriques), đưa tới sự kỳ ảo (fantastique).

Anatole France cũng dùng tới nhiều loại hài hước, châm biếm, chẳng hạn trong cuốn truyện “Hòn Đảo của các con chim cánh cụt” (L’Ile des Pingouins) hay trong tập truyện “Crainquebille”, đây là lịch sử của một vụ bất công xã hội.

4/ Các Tác Phẩm Văn Thơ của Đại Văn Hào Anatole France.

A/ Thơ.

- Các Đoàn Quân Varus (Les Légions de Varus), phổ biến năm 1867 trong tạp chí Thơ Gazette.
- Các Lời Thơ Vàng (Poemes dorés, 1873).
- Đám Cưới của Corinth (Les Noces corinthiennes = The Bride of Corinth, 1876).

B/ Văn.

- Jocaste và con Mèo gầy (Jocaste et Le Chat maigre = Jocaste and the Famished Cat, 1879), truyện.
- Tội Ác của Sylvestre Bonnard (Le Crime de Sylvestre Bonnard = The Crime of Sylvestre Bonnard, 1881), tiểu thuyết.
- Tham Vọng của Jean Servien (Les Désirs de Jean Servien = The Aspirations of Jean Servien, 1882), tiểu thuyết.
- Con Ong (Abeille = Honey-Bee, 1883).
- Balthasar (1889), truyện ngắn.
- Thaïs (1890), tiểu thuyết.
- Cái Túi sà cừ (L’Etui de nacre = Mother of Pearl, 1892), tập truyện.
- Hàng thịt quay của Nữ Hoàng Pédauque (La Rotisserie de la Reine Pédauque = At the Sign of the Reine Pédauque, 1892), tiểu thuyết.
- Các Ý Kiến của Jérôme Coignard (Les Opinions de Jérôme Coignard = The Opinions of Jerome Coignard, 1893), tiểu thuyết.
- Bông Huệ Đỏ (Le Lys rouge = The Red Lily, 1894), tiểu thuyết.
- Cái Giếng của Nữ Thánh Claire (Le Puits de Sainte Claire = The Well of Saint Clare, 1895), tập truyện.
- Lịch Sử Hiện Đại (L’Histoire contemporaine = A Chronicle of Our Own Times, 1897-1901).
- Lịch Sử Kịch Câm (Histoire comique = A Mummer’s Tale, 1903).
- Trên Tầng Đá Trắng (Sur la pierre blanche = The White Stone, 1905), tiểu thuyết.
- Vấn đề Crainquebille (L’Affaire Crainquebille, 1901), truyện ngắn sau chuyển thành kịch.
- Hòn Đảo của các con chim cụt tay (L’Ile des Pingouins = Penguin Island, 1908), tiểu thuyết.
- Các chuyện kể của Jacques Tournebroche (Les Contes de Jacques Tournebroche = The - - --- Merrie Tales of Jacques Tournebroche, 1908).
- Bảy người vợ của con Yêu râu Xanh (Les Sept Femmes de Barbe bleue et autres contes merveilleux = The Seven Wives of Bluebeard and Other Marvellous Tales, 1909).
- Các Thiên Thần khát nước (Les dieux ont soif = The Gods are Athirst. 1912), tiểu thuyết.
- Cuộc Nổi Loạn của các Thiên Thần (La Révolte des anges = The Revolt of the Angels, 1914), tiểu thuyết.

C/ Các Hồi Ức (Memoirs).

- Cuốn Sách của Bạn Tôi (Le Livre de mon ami = My Friend's Book, 1885).
- Pierre Nozierre (1899).
- Pierre Bé Nhỏ (Le Petit Pierre = Little Pierre, 1918).
- Đồi Nở Hoa (La Vie en fleur = The Bloom of Life, 1922).

D/ Các vở Kịch (Plays).

- Hạnh Phúc nhỏ nhoi (Au petit Bonheur, 1898).
- Crainquebille (1903).
- Hài kịch về người đàn ông cưới bà vợ câm (La Comédie de celui qui épousa une femme muette = The Man Who Married A Dumb Wife, 1908).
- Cô Người Mẫu Giả (Le Mannequin d'osier = The Wicker Woman, 1928).

E/ Truyện Lịch Sử.

- Cuộc Đời của Jeanne d'Arc (Vie de Jeanne d'Arc = The Life of Joan of Arc, 1908).

F/ Phê Bình Văn Học (Literary criticism).

- Alfred de Vigny (1869).
- Lâu Đài Vaux-le-Vicomte (Le Chateau de Vaux-le-Vicomte, 1888).
- Thần Latin (Le Génie Latin, 1909).

G/ Phê Bình Xã Hội (Social criticism).

- Khu Vườn Epicure (Le Jardin d'Épicure = The Garden of Epicurus, 1895), tập cách ngôn.
- Các Ý Kiến Xã Hội (Opinions sociales, 1902).
- Phe phái đen (Le Parti noir, 1904).
- Hướng về các thời kỳ tốt hơn (Vers les temps meilleurs, 1906).
- Trên con đường vinh quang (Sur la voie glorieuse, 1915).
- Ba mươi năm của đời sống xã hội (Trente ans de vie sociale, 4 volumes, 1949, 1953, 1964, 1973)./.

Phạm Văn Tuấn



Hoa Anh Đào – Washington DC - Ảnh: Phạm Văn Tuấn

NHƯ NHỮNG THÁP HỒI

Mỗi tháng tư đen, chạnh nỗi đời
Ngậm ngùi trong buổi sáng ba mươi
Đã thương kẻ ở sầu bao kiếp
Lại xót mình đi giạt mấy trời
Từ lúc lưu vong hằng khắc khoải
Khi mùa chinh chiến vẫn khôn vơi
Dẫu ta chẳng phải người Chiêm Quốc
Lòng cũng buồn như những tháp Hồi !

Nguyễn Kinh Bắc



THƠ XUỐNG HẠ:

NHỚ

Ngày còn nhỏ thích xa nhà
Đi đâu cũng được, miễn là được đi
Lang thang mây chẳng định kỳ
Có chân không bước ích gì chân ơi !
Bây giờ mỗi bước đường đời
Đi đâu cũng chỉ nhớ trời một phương
Cánh hoa gạo đỏ bên đường
Nhớ nhà rưng rức hồn nương mây về !

Nguyễn Thị Vinh

(Tập chí Hương Xa số 1&2,
phát hành tháng 7&8 năm 2002 tại Na Uy)

XA

Hận nỗi nước, xót nỗi nhà
Vài giây phút nữa thôi, là ra đi
Buồn thay này lúc phân kỳ
Cho nhau dù một chút gì người ơi !
Rồi đây trên những bến đời
Bước chân lữ thứ bên trời viễn phương
Vẫy tay chào những con đường
Mai sau có chết còn nương nẻo về !

Nguyễn Kinh Bắc

Philadelphia 8/2002

DÒNG SÔNG VĨNH BIỆT

TiênSha Lê Luyện

Phần A

- Ngay hôm nay à?

- Vâng. Tiếng người con gái trả lời vội vã bên kia đầu dây điện thoại.

- Ba và ngoại có khỏe không? Đã báo tin cho anh Trung biết chưa? Người thanh niên hỏi lại.

- Cả nhà vẫn khỏe. Tinh thần ba rất tốt để chuẩn bị trị liệu. Vợ chồng anh Hai sáng mai sẽ có mặt, cả nhà chỉ còn trông mỗi mình anh.

- Anh sẽ cố gắng và khi nào có ngày giờ lên đường, anh lập tức báo cho em biết ngay.

- Không cố gì hết, chắc chắn anh phải có mặt vào ngày mai. Ba bảo muốn gặp mặt tất cả mọi người.

- Vâng, em yên trí.

Nghĩa đặt điện thoại xuống rồi không lưỡng lự một giây, anh bấm số gọi đến sở làm nói chuyện với sếp, xin nghỉ phép mấy ngày. Câu chuyện ngắn ngủi chấm dứt sau vài phút rồi Nghĩa mở computer, lên mạng tìm chuyến bay đi gấp Cali. May quá, có chỗ stand-by đây rồi. Nghĩa lại nhắc phone gọi Dung báo ngày giờ anh đến phi trường cho nàng biết để ra đón.

Trời Maryland mấy hôm nay mây mù ảm đạm, mưa bay lất phất, sấp vào tiết lạnh. Nghĩa xếp nhanh vài bộ quần áo và mấy món quà vào chiếc vali nhỏ kéo tay. Anh phân vân không biết có nên mặc áo khoác và đội mũ ấm không? Có khi để đầu trần và mặc sơ mi ngắn tay lại hóa hay, thích hợp hơn với trời Cali đang hanh nắng. Từ lâu vùng thung lũng hoa vàng vẫn luôn là nơi khí hậu ấm áp kia mà. Nghĩa tặc lưỡi, bước lên xe mở máy. Trên đường ra phi trường Nghĩa băn khoăn tự hỏi: còn hai hôm nữa ba mới phải làm *chemo*, vậy sao hôm nay ba lại gọi mọi người về sớm để làm gì nhỉ? Nhưng cũng không sao, về trước vài hôm để ba được vui cũng tốt mà.

1- Căn bệnh trầm kha của bố Nghĩa mấy năm nay vẫn là nỗi lo sợ thường trực, ám ảnh gia đình. Ông Khải đã âm thầm chiến đấu vật vã với bệnh hoạn và thân xác ông mỗi ngày một thêm teo tóp. Tuy không nói ra nhưng ai cũng nghĩ thời gian không xa nữa rồi ông sẽ từ giã mọi người ra đi. Biết vậy nhưng anh em Nghĩa vẫn quyết không chịu bó tay đầu hàng số phận. Họ cố gắng chạy chữa hết sức mình để kéo dài chuỗi ngày sống còn của người bố thân yêu mà cả đời đã vì họ chấp nhận cô đơn và khổ, cực nhọc làm lụng hy sinh tất cả để nuôi các con ăn học thành tài, nên người.

2- Ông Khải góa vợ từ ngày còn ở trong nước, lúc người con trai cả lên chín và cô gái út mới chập chững đến trường học lớp mẫu giáo. Ngày vợ ông mang bạo bệnh qua đời, hai con - Nghĩa và Diễm còn bé quá chưa kịp nhận biết nỗi đau cốt nhục phân ly. Ngoại và dì ôm hai cháu vào lòng nức nở. Cậu Ba lặng lẽ chui vào xó nhà, ngồi thẩn thức không thành tiếng. Chỉ mỗi mình anh Trung là kêu gào khóc lóc đòi mẹ. Ba được tin báo, từ vùng hành quân vội vã trở về để kịp nhìn mặt và tiễn đưa người trăm năm về nơi an nghỉ cuối cùng. Sau đám tang, nhà buồn như nắm mồ. Ba âu sầu đau đớn, mặt mày còn đọng đầy dấu vết bàng hoàng ngỡ ngàng trước cái chết tức tưởi, đột ngột của vợ hiền. Ông ở nhà với các con đủ mười hôm phép rồi lại lên đường ra mặt trận.

Niềm đau chưa nguôi thì những biến động dồn dập của thời cuộc không cho phép gia đình có thời gian để bi lụy. Nỗi âu lo hiện rõ trên khuôn mặt mọi người. Thành phố biển quê ngoại ngập tràn các sắc áo lính và

dân từ các nơi chạy giặc đến. Mấy tháng qua ba vẫn bình yên, chỉ gửi tin nhắn về bình an. Những đoàn quân xa chở súng đạn, chở lính chạy đi chạy về như mắc cửi. Ngoài khơi thấp thoáng bóng tàu Hải Quân lớn bé rải rác. Chưa bao giờ người dân ở đây sống căng thẳng đến như thế. Không khí chiến tranh hãi hùng dầu sôi lửa bỏng đang sùng sục trước mắt. Quân đội dàn trận khắp nơi, trên bộ dưới biển để chống kẻ thù xâm lăng phương Bắc đang lăm le tiến chiếm thủ đô Sài Gòn. Thế rồi vào một đêm tháng Tư, súng lớn súng nhỏ bỗng thi nhau nổ vang rền. Bầu trời chợt bùng sáng lên bởi những ánh hỏa châu treo lơ lửng và không gian Vũng Tàu bé nhỏ như bị đan dày những tấm lưới lửa. Cả nhà đang kinh hoàng thì Ba và một số quân nhân, nón sắt áo giáp lấm bụi đường xa, trên mình mang đầy súng đạn, đi trên mấy chiếc xe nhà binh lem luốc, bất ngờ xuất hiện. Họ đưa cả gia đình lên xe chở về hướng Bãi Sau. Nơi đây Nghĩa đã thấy có vài đứa bé trai gái cùng trang lứa. Ba tìm gặp mấy người sĩ quan Hải quân nói chuyện gì đó rồi quay lại với gia đình. Ông chỉ kịp trao túi lương thực và dặn dò cậu, dì lo cho ngoại với các cháu. Ba trầm tĩnh nói:

- Mẹ và hai em yên tâm đưa các cháu lên tàu di tản trước. Con trở lại đơn vị và sẽ đi sau.

Dặn rồi ông ôm ba con thơ vào lòng, âu yếm hôn từng đứa. lát sau, ông lặng lẽ quay đi, dẫn đám lính bước lên xe về lại đơn vị, tiếp tục cuộc chiến đấu chống kẻ thù vừa tấn công vào thành phố, trước khi con tàu quay đầu chạy ra khơi. Cả nhà bật khóc. Ngoại kêu tên ba khản tiếng nhưng tất cả bị át đi bởi những âm động vang rền dữ dội của tiếng súng đại bác. Mọi người được các chú lính Hải Quân đưa hết xuống tàu. Một đêm kinh hoàng và hỗn loạn đau thương. Bình minh hôm sau tàu nhổ neo, trực chỉ hướng ra phía biển khơi.

Gần tháng sau cả nhà mới gặp lại ba tại căn cứ Không quân Hoa Kỳ trên đảo Hawaii. Trông ba già sạm và trở nên biếng nói nhác cười, trầm tư tự bao giờ. Mọi người mừng vui không sao kể xiết. Ngoại chấp tay, cúi đầu tạ ơn trời. Chiến tranh vốn vô tình, đã có bao gia đình vĩnh viễn mất đi người thân khi sắp tàn cuộc.

Sau đó chúng tôi được đưa đến Mỹ định cư với tư cách tỵ nạn chính trị. Thời gian kế tiếp là chuỗi năm tháng dài đằng đẵng đầy phiền muộn, buồn đau của những con người vừa đánh mất tổ quốc, phải sống lìa xa quê hương với mặc cảm thua cuộc, dằn vặt và nỗi cô đơn chán chường trên mảnh đất tạm dung. Anh em Nghĩa thương nhớ mẹ hiền chỉ qua tấm di ảnh trên bàn thờ và biết về mẹ qua ký ức của ngoại và dì Út. Ngoài ra, trong mắt mấy đứa bé mồ côi, chỉ có duy nhất tình yêu thương của người cha với tất cả nỗi đầm thắm, ngọt ngào riêng dành cho chúng tôi.

3- Người Việt ra đi tỵ nạn cộng sản mỗi ngày một đông. Cộng đồng ngày càng khởi sắc lớn mạnh. Lác đác đã có chuyện dạm hỏi cưới xin. Một hôm ngoại đi dự tiệc cưới của gia đình người quen, khi về nhà ngoại ôm chúng tôi vào lòng, vẻ mặt có chiều suy nghĩ lung lăm rồi chợt bà gọi ba đến, ngoại bảo:

- Mấy đứa cháu còn bé quá mà tuổi đời của con cũng chưa hẳn đã già lắm, mẹ nghĩ là con nên tục huyền để có người giúp đỡ chăm lo các cháu.

Một thoáng buồn bất chợt hiện ra trong khóe mắt ba nhưng tan biến thật mau. Giọng ông tỉnh queo:

- Mẹ đừng lo. Các cháu đã có bà ngoại và dì Út chăm sóc chu đáo rồi, vả lại...

Ngoại tăng hắng ngắt lời ba:

- Thằng ba con út rồi cũng phải lấy vợ lấy chồng, ra sống riêng. Mẹ thì càng ngày càng già. Dẫu sao con cũng cần phải có một người đàn bà để đỡ đần, săn sóc cho cuộc đời của con nữa chứ.

- Mẹ quên là con đã có một người rồi sao.

Vừa nói ba vừa chỉ tay lên bàn thờ má. Ba đùa mà sao giọng ướm sững nỗi xót đau ghen ngào, trong lúc ngoại cúi đầu quay đi để kịp dấu đôi dòng lệ thương cảm đứa con rể chung tình, sống đời đơn chiếc, chịu cảnh gà trống nuôi con hằng bao năm rồi.

Ba không tu hành mà tự nguyện kìm giữ, tiết chế tối đa những quyển rũ sắc dục. Ông sống như một nhà tu đạo hạnh, tự khép mình vào khuôn khổ giới luật khắt khe. Ngoài thời gian làm việc hai job ở hãng, trở về nhà ba chỉ quanh quẩn bên các con, chăm sóc từng miếng ăn, bày biểu từng con toán, từng chữ đánh vần ý tứ, để đừng bao giờ dám con trẻ quên mất tiếng mẹ đẻ. Lớn dần lên trong vòng tay chăm chút giáo huấn của cha, các con biết thêm được sự thiêng liêng của tình yêu quê hương, thế nào là nỗi nhục mất nước lưu vong và đạo lý nghĩa nhân trong cõi đời mệnh mang hận thù này. Ông sợ đến thế hệ các con sẽ phai dần hết đi, nên ông dạy các con đạo làm người đừng bao giờ quên cội nguồn, tổ tông. Suốt mười mấy năm dài dằng dặc trên xứ người, trong tâm hồn các con chỉ có độc nhất mỗi một hình ảnh cao quý của người cha, lặng lẽ mà ngọt ngào, âm thầm mà son sắc. Ông như cây phong, lá chuyển màu theo từng thời gian đổi thay, giống như mái tóc bạc trên đầu của ba, mà thân cây thì vẫn lừng lững thẳng đứng, giữ nguyên được cái cốt cách thanh cao, bền bỉ giữa phong ba bão giông cuộc đời. Anh em Nghĩa chưa hề bao giờ thấy ba than van nửa lời. Ông cam nín chịu đựng, chấp nhận số phận như một an bài định mệnh. Ba âm thầm sống như một chiếc bóng cô đơn. Thảng hoặc lắm, họ mới thấy ba và cậu ngồi nhâm nhi bên cốc rượu trong những ngày cúng giỗ. Bữa nhậu ê hề những món ngon do tự tay ngoại và dì nấu ra nhưng bao giờ cũng lặng lẽ vắng tiếng nói cười, ngược lại có khi còn rưng rưng những giọt nước mắt bi thương buồn tủi. Hình như hai người đàn ông đang ngồi uống những giọt buồn quá khứ chứa đựng nhiều hồi tưởng xót xa hơn là thưởng thức rượu ngon. Men cay 75, họ chỉ nhắm nháp một lần mà cơn say kéo dài hằng mấy mươi năm vẫn còn làm họ váng vất, cơ hồ chưa tỉnh. Không biết trong cuộc đời trai trẻ của người chiến binh Việt Nam Cộng Hòa năm xưa đã có bao nhiêu lần ba ngồi như thế, tư lự một mình với những hồi ức dĩ vãng thâm trầm và day dứt? Dần theo với thời gian, hình ảnh cao cả mà lẳng đọng đó đã từ lâu thâm nhập vào tâm thức của anh em Nghĩa, làm họ suy nghĩ băn khoăn không ít. Mãi nhiều năm tháng về sau này, khi đã trưởng thành, họ mới hiểu và cảm nhận được phần nào mối tâm tình sâu lắng và hoài niệm đau khổ thầm kín của người lính già phiến muộn.

Ngày tháng lặng lẽ trôi qua, rồi cậu Ba có vợ dọn ra ở riêng và dì Út cũng đã đi theo chồng. Tiếp theo anh Trung tốt nghiệp đại học và có công việc làm ăn khá khá ở thành phố Philadelphia tận miền Bắc. Năm kế, anh lập gia đình với người nữ đồng sự ở bên đó. Hai năm sau Nghĩa tốt nghiệp cử nhân kinh tế, được tuyển dụng và bổ nhiệm làm việc tại sở thuế tiểu bang Maryland. Đến phiên Nghĩa phải rời xa mái ấm gia đình. Cảnh nhà vắng vẻ dần, chỉ còn chơ vơ lại bà ngoại, ba và bé út. Không nói ra nhưng ai cũng thấy buồn, tuy cậu và dì vẫn thường xuyên chạy đi chạy về, nhưng vẫn không thể nào giống được như xưa.

4- Khắc kỷ và trầm tư đến thế mà ngay sau khi nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam cho phép người chạy đi nước ngoài được quyền trở về thăm quê hương, thì ba đã có mặt lập tức trong chuyến về đầu tiên, sau thời gian mười bốn năm lìa xa tổ quốc. Ba bảo với gia đình là ông đã mòn mỏi chờ đợi giờ phút đó từ lâu lắm rồi.

Sau ngày trở qua lại Mỹ, tâm tình ba đã có nhiều chuyển biến lớn lao. Ông không còn ủ ê sầu muộn như trước nữa, mà trở nên vui vẻ khác thường. Chúng tôi nghĩ, có thể sau chuyến về thăm quê hương đã giúp ba hồi phục lại trạng thái tâm lý bất ổn, vơi bớt nỗi cô đơn đau buồn và vui sống trở lại. Chúng tôi nhìn ba với ánh mắt chan hòa niềm vui.

Từ đó ông chịu khó để ý mua sắm nhiều thứ như quần áo, giày dép, đồ gia dụng thậm chí cả nước hoa, mỹ phẩm nữa kia. Thịnh thoảng còn gởi tiền về Việt Nam. Ba bắt đầu xài đến số tiền dành dụm để lo cho Dung khi vào đại học, có tiền chi trả các khoản phí tổn học hành, sách vở, xe cộ... tốn kém. Đó là phần tài sản ba đã nhọc nhằn đổ mồ hôi, vất vả làm lụng hằng bao nhiêu năm mới tích lũy nên được. Chúng tôi tự hỏi ba đã gởi quà cho ai? Ba mờ mờ từ tấm bé. Gia đình ngoại thì ở hết bên này rồi. Câu hỏi cứ lớn dần theo với thời gian mà việc làm của ba thì vẫn còn nằm trong bí mật. Ba cũng chưa hề có một lời giải thích, vì chủ quan tin rằng chưa

ai biết được việc làm bí ẩn của ông. Tuy không dám nghi ngờ ba có tình riêng, nhưng quả thật chúng tôi không làm sao không suy nghĩ đến điều đó. Riêng ngoại, cậu và dì út thì sâu sắc hơn, họ nhìn ba với ánh mắt có chút hoài nghi thầm kín, nhưng ai cũng im lặng không chịu nói gì.

Thế rồi đến năm sau ba lại chuẩn bị về Việt Nam chuyển nữa. Tất cả đã sẵn sàng thì tình hình ba ngã bệnh nặng. Một cái bướu nhỏ xuất hiện dưới hàm bên trái gây đau nhức và tăng trưởng rất mau. Đến bệnh viện, sau khi rút ra một ít dịch thể và bệnh phẩm của bướu để làm xét nghiệm, các bác sĩ kết luận rằng đó là khối u ác tính, nghĩa là một cái bướu ung thư, cần phải hủy diệt gấp bằng phương pháp *chemo therapy* hiện đại để tránh lây lan qua các tế bào lành khác, đe dọa nguy hiểm đến tính mạng. Cách chữa trị này rất hiệu quả nếu sức khỏe bệnh nhân chịu đựng được các dược liệu, hóa chất cần thiết phải đưa vào cơ thể để tiêu diệt mầm ung thư.

Không còn giải pháp nào khác, ba đành hoãn lại chuyến về Việt Nam. Ông đánh giá được tầm mức quan trọng tử sinh của phương pháp trị liệu mới mẻ này, do đó, trước khi vào bệnh viện để tiến hành điều trị, ba đã gọi các con về dặn dò mấy điều quan trọng. Ba lo xa, nhờ không may có điều gì bất trắc xảy ra. Con người *sinh hữu hạn tử vô kỳ*, mấy ai biết trước được mệnh trời.

5- Trong phòng khách ấm áp, cả nhà quây quần đông đủ. Ba mời bà ngoại và cậu, dì ngồi rồi xin phép bắt đầu câu chuyện với chúng tôi.

Ba bảo rằng, sống đến tuổi này rồi ông không có điều gì để ân hận nếu không may phải xa lìa các con ra đi vì căn bệnh hiểm nghèo. Cuộc đời của ba đã cố gắng thực hiện những điều tốt đẹp có thể làm. Đã nuôi dạy các con nên người, không xấu hổ với linh hồn của mẹ; Đã một đời tận tụy với tổ quốc dân tộc, không trái đạo lý làm trai thời loạn; Đã sống trọn vẹn thủy chung với bằng hữu và những người thân thuộc. Tất cả những gì ba làm, đã giúp ông tìm được sự thanh thản tâm hồn trong chuỗi ngày lưu vong xa quê hương và tìm được niềm an vui hạnh phúc bên các con đã trưởng thành. Duy chỉ còn một điều độc nhất ...

Giọng ba bỗng chùng xuống, run run xót xa. Khuôn mặt người lính già lớn lên trên quê hương có chiều dài lịch sử với nhiều biến động thăng trầm, rất hiếm hoi tìm thấy chút thời gian riêng tư hạnh phúc, nhưng lại dư thừa nhọc nhằn cay đắng ly tan, chợt hằn sâu những vết nhăn dấu tích một thời mịt mù lửa đạn. Đôi mắt lờ mờ mệt mỏi của người bệnh hình như ứa ra chút ngấn lệ thương đau. Ba ghen ngào tiếp lời:

- Năm xưa ba đã phát nguyện một lời hứa, hay đúng hơn là một lời thề với một người đã khuất, nhưng mãi đến hôm nay ba vẫn chưa thực hiện được cho gia đình họ một chút gì gọi là bù đắp tấm ân tình sâu nặng.

Câu chuyện của người lính trận trong cuộc chiến chính nghĩa, bảo vệ mảnh đất tự do thân yêu và đồng bào miền Nam ruột thịt, đã đưa mọi người trở về quê hương của năm tháng tang tóc, rền vang tiếng bom đạn chiến tranh hận thù ...

Chiếc trực thăng chở trả ra mặt trận vị sĩ quan trẻ, mang mảnh khăn tang cho người vợ hiền vừa mới qua đời. Anh tiếp tục ra đi chiến đấu, làm nhiệm vụ người trai thời loạn, gửi lại quê nhà ba đứa con còn bé dại. Thượng cấp và đồng đội ai cũng nhìn anh với ánh mắt thương cảm lẫn kính phục.

Vị Lữ đoàn trưởng sau khi ân cần hỏi han và tỏ lời chia buồn với Khải xong, ông lập tức chỉ vào bản đồ, trình bày cặn kẽ tình hình khó khăn của tiểu đoàn Khải vấp phải mấy hôm nay, khi bị chạm địch trong một địa thế rất phức tạp, hiểm trở. Ông dặn dò anh phải hết sức thận trọng và thường xuyên liên lạc để kịp thời yểm trợ cho đơn vị được an toàn. Sau một hồi thảo luận, vị chỉ huy lữ đoàn khả kính thân ái tiễn chân Khải ra tận trực thăng về lại tiểu đoàn.

... Đã một tuần lễ nay, chiến trường luôn căng thẳng và đẫm máu. Tiếng súng lớn nhỏ rền vang ngày đêm khắp trận địa như bất tận. Tiểu đoàn Khải lãnh nhiệm vụ hành quân tiếp ứng, cứu nguy một đơn vị bạn đang bị địch vây hãm nhiều ngày. Là một cấp chỉ huy tác chiến dày dặn kinh nghiệm trận mạc, Khải nhanh chóng nhận ra tiểu đoàn đang bị dồn vào một vị trí quá ư bất lợi. Thế núi dốc đứng từ trên cao tiếp giáp ngay với bờ sông chạy dài mấy cây số nằm phía dưới chân núi. Lòng sông tuy hẹp, thuận lợi cho việc tổ chức vượt sông nhưng phía bên kia là rừng lau sậy um tùm, nếu địch quân phục kích trên triền núi, thì chiến sĩ tiểu đoàn khi qua sông sẽ là những tấm bia thịt cho địch tập bắn và nguy hiểm hơn nữa là chờ khi đơn vị qua hết bên kia sông, địch tập trung đánh hỏa công, thì rừng lau sậy sẽ biến thành biển lửa thiêu sống đoàn quân thiện chiến. Nhìn địa thế quá ư hiểm ác, song không thể có sự chọn lựa nào khác hơn là phải tiến quân, chứ không thể nằm yên một chỗ chờ chết. Khải suy nghĩ rồi gọi tiểu đoàn phó và trưởng ban Ba đến hội ý. Chiều hôm đó, anh dùng kế nghi binh để lừa địch phán đoán sai về kế hoạch hành quân của mình. Khải tung hai đại đội áp dụng chiến thuật “dương Đông kích Tây”. Một ĐĐ tiến về hướng chân núi, ra lệnh cho binh sĩ bắn súng và khuia động âm ỉ làm như sắp tấn công lên núi để thu hút sự quan sát của địch. Một ĐĐ khác âm thầm lục soát và im lìm nằm án ngữ an ninh bên này sông, để cánh quân B gồm hai ĐĐ còn lại do vị tiểu đoàn phó chỉ huy, bất ngờ tổ chức vượt sông khi trời mờ tối. May mắn thay kế hoạch thành công. Cánh B qua sông an toàn và binh sĩ lập tức được lệnh bung rộng ra, chia nhau kiểm soát được một vùng lau sậy rộng lớn, làm đầu cầu yểm trợ an toàn cho Bộ chỉ huy của Khải và cánh quân A sẽ vượt sông vào tảng sáng hôm sau.

Suốt đêm hôm đó Khải nằm trần trọc, lo lắng không làm sao ngủ được dù anh rất mệt. Đêm tĩnh lặng chỉ có tiếng gió thổi, tiếng côn trùng nỉ non. Khải biết chung quanh đây có nhiều chiến sĩ và đông đúc địch quân rình rập. Nằm thao thức trên cánh võng mắc thật thấp sát mặt đất, kề bên hố cá nhân, anh nghe rõ tiếng thủy triều dâng nước cuồn cuộn, lòng thầm mong trời mau sáng. Cuộc đời những người chiến binh như các anh ví cho cùng cũng chẳng bằng được dòng sông này, bình an với hai con nước lớn, ròng cổ định hàng ngày. Riêng với anh, số phận còn cay nghiệt hơn, cả hai vai gánh nặng, một của Tổ quốc và một của trách nhiệm làm cha. Khải thở dài. Phải chi người vợ hiền đừng đoản mệnh, còn sống để san sẻ cùng anh gánh nặng gia đình. Nhớ đến vợ, lòng Khải bỗng quặn thắt. Hình ảnh người đàn bà nhu mì, hiền thực như chập chờn ẩn hiện trước mắt anh mỗi lúc một rõ ràng hơn. Nàng đi đến đứng bên cánh võng, một tay lay gọi vai anh, một tay chỉ về hướng doi cát cạnh bờ sông, bảo anh mau thức giấc. Thấy vợ, Khải mừng rỡ chống tay ngồi dậy, nhưng thân thể anh như bại liệt bất động, không làm sao ngồi lên được. Anh thử cố gắng nhiều lần nhưng vô ích. Lát sau nàng nhìn anh, mặt buồn rười rượi rồi buông tay, thất thểu quay bước đi về hướng doi cát. Hình ảnh nàng mờ dần rồi tan biến trong màn sương đục của sông núi, cùng lúc có tiếng gọi thảng thốt “ông thầy, ông thầy” của người hiệu thính viên, vực Khải ra khỏi giấc mơ hoang tưởng. Khải ngồi bật dậy, anh ngơ ngác nhìn quanh. Tứ bề vẫn yên tĩnh, cái im lặng rờn rợn trước cơn bão lửa sắp giáng xuống. Khải bần thần nhớ lại giấc mơ rồi tự hỏi: “mình đâu có ngũ mà bảo là nằm mơ”. Anh đưa mắt nhìn về phía bờ sông, hướng vợ anh vừa mới đi đến. Chiều hôm qua Khải đã lội dọc theo bờ sông để tìm địa điểm cho đơn vị vượt sông, nhưng có thấy doi cát nào đâu. Hay sắp xảy ra điều gì bất ổn nên vợ hiền mới hiện về báo mộng. Tự dưng bụng anh nóng cồn cào như có lửa đốt. Khải đứng dậy bảo người sĩ quan phụ tá gọi con cái của hai đại đội còn nằm lại án ngữ bên này sông, lợi dụng lúc trời còn tối chuẩn bị lên đường.

5 giờ sáng, toán quân tiền phong gồm những chiến sĩ lợi giỏi, trang bị nhẹ, bắt đầu xuống nước. Lòng sông hẹp khoảng 30 mét, mặt nước mờ hơi sương giăng phủ và may mắn nhất là thời điểm con nước đang rút dần, chỉ còn cao ngang thắt lưng. Đợi toán quân mở đường kéo theo những sợi dây bắt ngang dòng sông, đã qua đến bờ bên kia an toàn, Đại đội trưởng Hùng ra lệnh cho các trung đội tuần tự xuất phát vượt sông, rồi

anh bước xuống nước cùng với Khải và Bộ Chỉ huy tiểu đoàn tiến lên. Trước lúc quay đi, Khải còn cẩn thận dặn voi lại đại đội sau cùng nằm đoạn hậu cho tiểu đoàn, phải nhanh chóng rút qua sông trước khi trời sáng hẳn.

6 giờ sáng. Vầng đông vừa hừng chút ánh sáng le lói ở góc chân trời, Khải vừa cảm nhận ra cái lạnh buốt của nước sông thấm qua chiếc quần trận, thì bất ngờ hàng loạt tiếng nổ chát chúa của đạn AK, B40, thượng liên từ trên sườn núi dội lửa ầm ầm xuống lòng sông. Tiếng kêu la nháo nhác, hoảng loạn. Có ai đó vừa xô ngã Khải xuống, rồi nằm đè lên lưng che chắn cho anh, bên tai tiếng đạn réo rợn người. Hỏa lực địch tới tấp đổ bừa xuống cả một khúc sông dài. Chúng bắn hú họa nhưng cũng đã có một số chiến sĩ bị thương vong. Chợt như có một sức mạnh thần bí bỗng kéo Khải bật dậy, chạy ngược thật nhanh trở lên bờ và bất ngờ anh nhìn thấy một doi cát nhỏ nằm gồ lên vừa đủ che chở an toàn cho mọi người. Không kịp suy nghĩ về điều kỳ lạ, anh chụp máy gọi lữ đoàn xin máy bay yểm trợ và điều động chiến sĩ đơn vị phản công tiến chiếm sườn núi, trong lúc tiếng súng cối của cánh quân B bên kia bờ sông, đang tới tấp rót đạn xuống triền dốc, nơi địch quân ẩn núp. Ruột gan Khải như bị cấu xé khi nhìn thấy thuộc hạ kẻ chết người bị thương la liệt, đang kêu gào giã giụa tuyệt vọng dưới nước, chỉ cách chỗ Khải chừng 20 mét mà anh đành chịu bó tay không cứu giúp gì được. Đại đội trưởng Hùng nằm đè lên trên, lấy thân che đạn cho Khải, bên hông trái bị một mảnh B40 phá nát, anh cố gắng lết lên bờ cát ướt. Khải hét lớn gọi Hùng:

- Cố lên Hùng, cố lên. Có anh đến đây.

Rồi bất chấp hiểm nguy, Khải liều lĩnh lao ra. Hai chiếc bóng rằn ri phóng liền theo sau, nhưng hàng tràng đạn nổ cày tung mặt đất khiến cả ba bật dội lại. Người sĩ quan ban Ba nắm cứng bâu áo Khải hét lớn:

- Không được đâu thẩm quyền, đừng liều lĩnh.

Khi Hùng cố gắng đứng lên, lại bị thêm một phát đạn thứ hai đẩy anh té sấp xuống mặt cát lần nữa, chiếc nón sắt văng ra nằm lăn lóc bên cạnh. Hùng chống tay cố ngồi dậy nhưng kiệt sức đành phải gục xuống. Rồi trong khoảng cách 20 mét, rất gần để có thể nhìn thấy rõ nét mặt Hùng tuy đau đớn nhưng rất trầm tĩnh, trầm tĩnh đến lạ thường. Anh ngồi nghiêng, một chân co một chân duỗi, tay trái ôm vết thương loang máu trên ngực, tay phải Hùng cầm cây Colt 45 đưa lên vẫy chào chiến hữu, đôi mắt anh rực sáng, khuôn cằm bỗng đánh lại cương quyết, rồi bất ngờ anh trở nòng súng thật nhanh vào thái dương và bóp cò. Giữa muôn ngàn tiếng nổ của các loại súng từ cả hai phía bạn và thù, mọi người vẫn nghe rõ mồn một tiếng súng đĩnh đạc, lẻ loi, tự kết liễu đời mình của Hùng. Nhiều tiếng kêu thảng thốt đau đớn bật ra từ cửa miệng những đồng đội đã tận mắt chứng kiến cái chết bi hùng của người đại đội trưởng anh dũng. Hùng biết mình bị thương nặng khó thể sống nổi, nên quyết định tự sát để dành lại sinh mạng cho những đồng đội khác, có thể vì mạo hiểm cứu anh sẽ phải hy sinh oan uổng. Thân xác Hùng đổ nghiêng nằm bất động trên cát. Máu anh tuôn chảy thành dòng, hòa chung với máu của những chiến binh bất hạnh khác, quện lẫn vào dòng nước trong xanh, tạo nên một màu đỏ thật đặc biệt. Màu của chiến tranh, hận thù, tang tóc và phân ly.

Khải đau đớn gào lên, đập tay xuống mặt cát còn ướt lạnh sương đêm, rên xiết kêu trời. Nước mắt anh ứa ra tuôn thành dòng bi phẫn. Còn nỗi thống khổ nào hơn khi phải tận mắt chứng kiến cái chết của người chiến hữu thân yêu, đã hy sinh mạng sống để che chở cho mình được an lành. Nỗi đau đớn cùng cực cào xé tâm can, biến thành nỗi uất hận, bốc cháy hừng hực trong đôi mắt đỏ ngầu, rực lửa căm hờn, khiến Khải tê dại chết điếng, không khóc nổi thành lời. Tất cả chỉ còn lại hận thù phải trả bằng máu. Anh giật combiné trên tay người hiệu thính, hối hả gọi Hỏa Long phải trút sấm sét tiêu diệt kẻ thù. Chưa đầy mười phút sau, một phi tuần AC.119 lượn tới bao vùng, khạc từng dây đạn lửa khủng khiếp như bò rống xuống đầu địch quân. Tiếp theo một chiếc F105 xuất hiện, thả ngay vào vị trí chỉ điểm một quả bom lửa Napal. Không gian như chao đảo sau tiếng nổ long trời lở đất. Khói lửa văng ra tứ tán, không khí bị đè nén ngột ngạt, sức nóng như thiêu cháy mọi

thứ, tất cả cùng lúc đổ ập xuống sườn núi, hủy diệt đám người cuồng tín sinh Bắc tử Nam, chuyên đi gây họa chết chóc và gieo rắc tang thương đến với mọi nơi, mọi người.

Kết thúc trận đánh. Khải chọn bộ đồ trận tốt nhất của mình, tự tay anh mặc cho Hùng và lau sạch các vết máu trên khuôn mặt phong trần vẫn còn phảng phất nét hào hoa, trước khi gói xác Hùng vào poncho. Lúc cột theo tấm thẻ bài, Khải lẩm bẩm trong miệng như tâm sự với một người em thân thích, không may vừa nằm xuống sau cuộc chơi sinh tử: “Hãy yên giấc đi Hùng. Mọi chuyện gia đình của em, ngày nào còn sống anh hứa sẽ gánh vác tất cả để đền ơn cứu mạng. Hùng ơi! hãy bình an ngủ yên giấc đi em.”

Khi đoàn trực thăng vận chuyển thương binh và tử sĩ cất cánh, các quân nhân trong tiểu đoàn tự động cùng đứng nghiêm, đưa tay chào vĩnh biệt lần cuối. Khải ngậm ngùi đôi mắt nhìn theo những cánh chim sắt đang bay về phương Đông, mang theo thân xác những chiến hữu thân yêu vừa trả xong nợ nước, trong đó có người sĩ quan trẻ tuổi đã anh dũng hy sinh cứu mạng Khải. Lòng anh buồn rười rượi, Khải như thấy có trách nhiệm đối với cái chết của người đại đội trưởng thuộc cấp. Đứng giữa trời đất mông lung, Khải tâm nguyện lập một lời thề sắt son có núi sông chứng giám: “Nếu ngày nào còn sống trên cõi đời này, anh quyết tận sức tận tâm chu toàn lo cho đời sống của vợ con Hùng được hạnh phúc để đền ơn sâu cứu tử.”

Ba đột nhiên ngừng lời. Ông trầm ngâm nhìn ra khoảng trời thu hẹp bên ngoài khung cửa sổ như để hoài niệm quá khứ đau thương. Bóng tối lan dần, che khuất vạt nắng chiều thoi thóp trên mấy ngọn cây phong. Từng đàn chim ríu rít gọi nhau sau vườn. Đôi mắt ba mệt mỏi đau khổ, ông thở dài buồn bã rồi tâm sự:

- Ba đã vĩnh biệt người ân nhân cứu mạng mình bên dòng sông định mệnh kể từ đó. Thế rồi cuộc chiến khốc liệt cứ cuốn hút bước chân người chiến sĩ, không có được một ngày phép rảnh rang để ghé về thăm vợ con Hùng. Tuy nhiên trước khi Sài Gòn thất thủ, một lần may mắn duy nhất trên đường chuyển quân, ba đã cố gắng tạt qua nhà của Hùng, thả cho chú nén nhang và tự nhắc lại lòng phải nhớ lời thề xưa, rồi trao vội món quà cho hai đứa con còn bé của Hùng, một trai một gái, ba vội vã lên đường để kịp theo chân đoàn quân ứng chiến ...

Giọng ba khàn đục, chìm xuống mênh mang tựa như tiếng vọng về từ quá khứ. Ông nói với các con mà như tâm sự với chính mình:

- Cứ những tưởng còn súng đạn trên tay, còn đầy đủ các chiến hữu bên cạnh, còn vùng đất điểm tựa cuối cùng của miền Tây phì nhiêu, sông rạch hiểm yếu chập chùng nối tiếp là còn khả năng tiếp tục chiến đấu, còn hy vọng có ngày trở lại thủ đô Sài Gòn. Ai ngờ... tất cả đều sụp đổ. Từ đó, lời thề ngày xưa cũng luân lạc theo vận nước nổi trôi, rơi rụng theo năm tháng truân chuyên của thân phận tha hương, kiếp đời vong quốc. Lòng ba mãi ray rức ân hận, cứ nghĩ rằng cuộc đời này chẳng bao giờ thực hiện được lời hứa năm xưa với người ân nhân nghĩa dũng bên dòng sông định mệnh. Thế nhưng một ngày, may mắn trời còn đoái thương cho ba có cơ hội trở về quê hương để bắt đầu thực hiện điều tâm nguyện.

Rồi như đến lúc cần thiết phải vét cạn cả cõi lòng, dần trải hết trăm mối tâm sự ngổn ngang, để các con có thể hiểu được tấm lòng cưu mang của đời mình:

- Về Việt Nam ba đã dành hết thời gian, lặn lội nhiều ngày, hỏi han nhiều người mới tìm gặp được vợ con chú Hùng. Gia đình họ bây giờ cơ hàn lắm, sống chui rúc trong một căn phòng ổ chuột mãi tuốt trên tầng mười của khu chung cư cũ kỹ. Những món quà ba chất chiu gửi về chỉ vỏn vẹn là chút phần thưởng nhỏ bé dành cho hai cháu học trò con nhà nghèo nhưng ngoan hiền, thực tế chưa giúp gì được nhiều cho đời sống họ. Cứ tưởng có thời gian thư thả, ba sẽ tìm cách cải thiện đời sống họ bớt phần cơ cực, nhất là với hai cháu, không những cho chúng học hành thành đạt trong nước mà còn có thể xuất dương du học nữa kìa. Nào ngờ ...

Ba bỏ lửng câu nói. Vầng trán hằn sâu những nếp nhăn thời gian của con người cả đời lao đao lận đận. Giọng ông trầm xuống, thiết tha như phơi bày, dàn trải cả tấm lòng:

- *“Lực bất tòng tâm”. Ngày nay thân mang trọng bệnh, ba biết là không thể nào tiếp tục làm tròn lời hứa với người đã khuất, đó là điều tủi nhục, xấu hổ. Ba cho gọi các con về sớm trước ngày ba nhập viện, chính là để kể cho các con biết câu chuyện thương tâm này và khẩn khoản nhờ các con cố gắng giúp ba, tiếp tục thực hiện lời thề năm xưa nếu không may ba có mệnh hệ nào trong lần chữa trị này. Ba muốn lòng mình được thanh thản dầu sống hay chết, để mai này khi xuống suối vàng gặp lại đứa đàn em dũng cảm, nghĩa tình năm xưa, ba cũng không thấy có điều gì hổ thẹn.*

Phòng khách yên tĩnh như tờ, chỉ có âm thanh rì rầm đều đều của máy điều hòa và tiếng sục sùi của ngoại, di Út và Dung. Mọi người lặng lẽ cúi đầu trầm mặc xót xa trước câu chuyện quá đỗi bi thương. Thế mà bấy lâu nay họ lại đem lòng nghi kỵ việc làm đạo nghĩa của người lính già, trọn đời luôn xem trọng danh dự, lời hứa còn hơn cả của cải tiền bạc và sự an nguy bản thân mình. Sự thật ba không hề có tình riêng, ông vẫn một lòng chung thủy với người vợ hiền đã khuất. Thì ra trên cõi đời này chỉ có mỗi mình mẹ là hiểu rõ và tin tưởng ba nhất mực, nên dầu thân xác đã tan vữa thành cát bụi mà hồn mẹ vẫn còn vờ theo ba phù hộ, dẫn lối chỉ đường cho ông thoát họa tử vong trong đường tơ kẻ tóc.

Cánh cửa căn phòng khách đang khép hờ bỗng mở toang, gió từ đâu lồng lộng ùa vào tưởng như có linh hồn mẹ phảng phất theo về, lẫn quất quanh đây.

6- Anh em Nghĩa nhìn người cha thân yêu ngồi im lìm, bất động trên chiếc ghế sô-pha, như đang thiền định bình an giữa giang sơn của mình. Thân xác ông gầy gò ốm yếu, đôi mắt mỗi một ẩn giấu bên trong những điều thầm kín, đã không còn vẻ tinh anh của ngày xa xưa, khuôn mặt xương xẩu trầm tư như một chiếc bóng hiu hắt... tất cả đã điếm nhiều vết nhăn phong trần phôi pha của thời gian, nhưng vẫn không thể che lấp cốt cách lương chính của con người nhân hậu, thủy chung. Họ nhìn người cha như phảng phất hình ảnh một nhà hiền triết đạo đức, biết rõ cội nguồn đau khổ của nhân loại và muốn được cùng chia sẻ. Ông có tâm hồn quảng đại của nhà tu đạo trên con đường khai hóa, giải thoát và tiêu trừ nghiệp chướng, dẫn độ chúng sanh đến cõi hạnh phúc.

Anh em Nghĩa bồi hồi xúc động nhìn sự hiện hữu héo mòn của cha. Qua câu chuyện kể của ông, họ thầm nghĩ: “Giữa cõi đời ô trọc này há dễ gì tìm được một tâm hồn cao quý giống như cha”. Chính vì thế họ thấy cần thiết phải có bốn phật tích cực giúp đỡ ông sớm thành toàn lời nguyện thề của một buổi sáng oan khiên bên dòng sông định mệnh năm nào trên quê hương cội nguồn./-

TiênSha-LêLuyến

Virginia, ngày Lập Đông 2005

(Xin đọc tiếp phần B – “Nỗi lòng người lính già” trong NSCT OL số 8 - tháng 5, 2018)

Cửa Trời Sương Khói, Khói Sương ...

Chiều nghiêng
Lá ngủ ven đồi
Em nghiêng tà mộng
Cửa trời
Khói sương ...

Chuông khuya
thức đóa Hải Đường
Tiếng chim hót ...
bốn mùa sương
Nhớ Nhà !

Gió lay cành Trúc
la đà,
Áo em tà mộng ...
thướt tha mây chiều

Chiều đi,
Mây trắng cô liêu
Gọi Thơ,
Thơ vắng!
Gọi chiều ,
mông mênh...

Ánh trăng huyền thoại,
lênh đên!

Tiếng lòng ai gửi ...
cuối ghềnh gió bay ...
Còn chi cuối vịnh hội này
Còn Trăng đầu núi
Còn Mây cuối trời

Âm thầm tiếng vọng trùng khơi
Mang mang...
Ơi tiếng, Ru hời,
Mẹ Ru...

Con đi từ đó Mùa Thu
Gọi Xuân Hồng,
Gọi Nắng Mùa Đoàn Viên
Trời Việt Nam
Ngát Kinh Hiền

Lời Kinh tha thiết
Bình Yên quê nhà
Bốn phương về hội Thái Hòa
Tháng Tư ! lại nhớ xót xa quê mình
Bao giờ Quê Mẹ hồi sinh
Tháng Tư Khấn Nguyện An Bình Quê Hương

Rưng rưng... Lá Nhớ,
chiều sương
Kinh Chiều âm vọng bốn phương, Nắng Hồng

Chiều nghiêng
Chiều nghiêng thu không ...
Tiếng thơ rơi rụng ! bụi hồng gió bay
Tình Quê, Ý Bút vơi đầy ...
Có người ra Biển nhìn Mây ... Nhớ Nhà !

Tháng Tư ! thăm lộng ...Xót xa !
Tháng Tư ! ai nhớ quê nhà chênh vênh

Chiều nghiêng, chiều nghiêng ...
Buồn tênh !
Cánh Thơ Thả Gió ... tâm tình tha phương !

Cửa Trời
Sương Khói,
Khói Sương ...

Tuệ Nga - Oregon, Tháng Tư 2014



THƯ GỬI NHÀ VĂN NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG - Ý Nguyễn

Ngọc Dung thân mến,

Vậy là bạn đã thực sự từ nhiệm chức Chủ Nhiệm Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật Cỏ Thơm đúng vào ngày phát hành Tạp Chí Cỏ Thơm số 80 và cũng là ngày ra mắt tác phẩm “Bên Kia Bờ Nhớ” của Phạm Bá & Ý Nguyễn - 18 tháng 3 năm 2018.

Bạn ơi, tôi không biết phải nói sao để bạn hiểu được nỗi lòng lưu luyến của tôi đối với bạn... Vẫn biết sau khi từ nhiệm bạn vẫn tiếp tục hợp tác với tạp chí Cỏ Thơm, nhưng không hiểu tại sao tôi có cảm tưởng như đã thiếu vắng hẳn một kỷ niệm thân thương nào đó! Những buổi phát hành sách báo 3 tháng một lần tại cơ sở Cỏ Thơm trên đường Chapel Cross Way, Reston, Virginia... rộn rã những tiếng cười tiếng nói thân mật của các anh các chị trong gia đình Cỏ Thơm... những âm thanh réo rắt trầm bổng của Phan Anh Dũng, Phạm Xuân Thái & Cung Fa quện trong những giọng ca truyền cảm của các ca sĩ trong gia đình Cỏ Thơm và thân hữu... những món ăn đủ loại do mọi người đóng góp. Ngọc Dung ơi, còn nhiều lắm kìa, làm sao giữ lại bây giờ? tất cả rồi sẽ như thế nào nhỉ sau khi cơ sở Cỏ Thơm tại Reston sang tiệm? Tôi sẽ nhớ mãi những hình ảnh dễ thương này bạn ạ. Đúng như câu nói của người đời: Cái gì bạn có hôm nay, sang ngày hôm sau đã trở thành kỷ niệm. Ôi! Chúng ta đã có với nhau nhiều kỷ niệm như thế ư?

Bạn ơi, chúng tôi đến với gia đình Cỏ Thơm có thể không lâu như nhiều văn thi hữu khác và sự đóng góp của chúng tôi cũng không có gì là khởi sắc nhưng thiết tình mà nói chúng tôi đã rất hạnh diện được là một thành viên của Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật này với các đại thụ như Thẩm Phán Nguyễn Văn Thành, Luật Sư Ngô Tăng Giao, Giáo Sư Phạm Trọng Lệ, Phạm Hữu Bính, Biên Khảo Gia Trần Bích San, Phạm Văn Tuấn và Hoàng Dân Bình, Nhà Văn Nguyễn Lân, Trương Anh Thụy, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hồng Thủy, Phong Thu và Diễm Trân, nhà thơ Đỗ Trùng Mỹ Hạnh, Phan Khâm, Bùi Thanh Tiên, Nguyễn Phú Long, Nhạc sĩ Phan Anh Dũng, Huy Lãm v.v...

Những chia sẻ cùng những lời khuyến khích của bạn từ bấy lâu nay qua những sáng tác của tôi đăng trong Cỏ Thơm đã khiến tôi mến phục bạn và ngưỡng mộ bạn kể sao cho hết. Rồi từ đó qua cách điều hành cơ sở Cỏ Thơm, bạn đã chứng tỏ là một người phụ nữ có bản lĩnh, đứng đắn, thẳng thắn, mẫu mực làm tôi thực ngạc nhiên và rất thán phục với những quyết định của bạn trong mọi sinh hoạt. Bạn đã tận tụy hết lòng cũng như đóng góp cá nhân từ vật chất lẫn tinh thần, từ công đến sức để duy trì Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm đứng vững trên 20 năm dài đằng đẵng.

Bạn ơi! Tôi còn muốn nói nhiều, nhiều nữa. Những gì tôi nói ở đây không thể nào diễn tả hết quan niệm của tôi về cái “đẹp” của bạn đối với Cơ Sở Cỏ Thơm nói chung và đối với tôi nói riêng. Bạn đã đem đến cho tôi niềm hạnh diện của một nữ lưu đứng trước một rừng bằng cấp và tài năng. I am so proud of you, Ngọc Dung ạ.

Một lần nữa xin cảm ơn bạn đã nhân danh Nhà Xuất Bản Cơ Sở Cỏ Thơm giới thiệu tác phẩm đầu tay “**Từ Một Vùng Ký Ức**” của tôi vào ngày 17 tháng 6, 2017; cũng như tác phẩm “**Bên Kia Bờ Nhớ**” của tôi và Phạm Bá trong ngày 18 tháng 3, 2018.

Trước khi khép lại trang thư này, Ý Nguyễn và Phạm Bá mến chúc Ngọc Dung được thành thoi hưởng trọn niềm vui cho chính bạn và những ngày dài hạnh phúc bên con cháu.

Thân ái,

Ý Nguyễn - Maryland, một ngày tuyệt vời

Chút tình gửi bạn Ngọc Dung

Ta gặp nhau đây giữa chốn này *
Thâm tình, trao đổi bấy lâu nay
Qua giòng tâm tưởng tình văn bút
Mãi mãi vòng tròn chẳng đổi thay
Cỏ Thơm xanh ngát, tay thực nữ
Vun xới, tĩa trồng mãi tốt tươi
Văn hóa cội nguồn hằng lưu giữ
Thơ phú hương nồng chấp cánh bay
Vun vút thời gian thấm thoát qua
Nào hay tuổi ngọc bóng xế tà
Xuân đến, Xuân đi sao níu lại
Chân tình tôi, bạn vẫn chan hoà

Ỗ Nguyễn

(Để ghi nhớ ngày Ngọc Dung bàn giao
chức Chủ nhiệm Cỏ Thơm 18 March 2018)

* Kỷ niệm ngày Ỗ Nguyễn và Ngọc Dung gặp nhau lần đầu tiên tại Nhà Hàng Harvest Moon, trong bữa tiệc mừng 15 năm của cơ sở Cỏ Thơm (15th Anniversary of Cỏ Thơm Magazine)



Ỗ Nguyễn & Ngọc Dung 2010

Những “nhân vật lạ” là ai?

Điểm sách: *The Stranger* của Albert Camus



Albert Camus (1913-1960, Pháp) là nhà văn, tham luận, soạn kịch, và triết gia.

Qua những bài tham luận giả tưởng hay suy tư, ông truyền đạt nhãn quan của ông về **con người trong một vũ trụ phi lý**.

Ông cảm nhận rằng khả năng duy nhất và đích thực cho sự tự do và phẩm giá nằm ở sự ý thức về sự phi lý này. Những tác phẩm chính của ông gồm tham luận *The Myth of Sisyphus* (1942), cuốn này làm sáng tỏ những điểm căn bản triết lý của cuốn tiểu thuyết *The Stranger* (1942).

Những tác phẩm quan trọng khác là những tiểu thuyết *The Plague* (1947), *The Fall* (1956), tham luận *The Rebel* (1951) và vở kịch *Caligula* (1944).

Năm 1957, ông được trao Giải Nobel về Văn Học.

NGƯỜI LẠ của Albert Camus

-Hải Bằng.HDB

*

Cuốn tiểu thuyết **Người Lạ** của Albert Camus xuất bản năm 1942 là một cuốn **tiểu thuyết luận đề**.

Trong cuốn đó ông đưa ra một nhân vật có những cá tính đặc biệt mà ông gọi là **người lạ** xuất hiện từ những hoàn cảnh xã hội khác nhau như Hitler (Đức), Mussolini (Ý), Tojo Hideki (Nhật), Stalin (Nga), Mao (Trung Quốc), và hiện nay (2017) là Kim Jong Un (Bắc Hàn).

Những nhân vật này đều là những sát nhân khét tiếng về những hành vi bất thiện đã và đang gieo những tai họa kinh hoàng trên khắp thế giới.

Những người tốt đã và đang nỗ lực tìm mọi cách triệt tiêu những kẻ bất thiện.

Đó là cuộc đấu tranh lâu dài giữa cái Thiện và cái Ác phát sinh từ tâm thức của nhân loại. Nhiều người tin rằng chung cuộc Chính sẽ thắng Tà.

*

Người lạ là người thế nào?

Người lạ là người không quen biết. Nhưng người lạ này là ai dưới ngòi bút của Albert Camus?

Có thể nhân vật Người Lạ của Camus cũng giống như *người lạ* trong cuốn **Và Một Ngày Dài Hơn Thế Kỷ** trong đó văn hào **Chingis Aitmatov** (Nga) đã mô tả người lạ đó đã đến trái đất từ một hành tinh khác- trên đó cũng có thể chế cộng sản nhưng khác hẳn so với chế độ CS ở Nga Xô.

Nhiều độc giả thời đó đã đưa ra những nhân dạng khác nhau về nhân vật Người Lạ của Albert Camus (xem phần sau).

Nhưng trước hết, người lạ của Albert Camus là ai?

Nhân vật chính – người lạ - là Meursault, thư ký của một công ty tàu chuyên chở hàng. Lương tháng chỉ vừa đủ sống nên anh ta phải gửi mẹ vào nhà dưỡng lão.

Khi mẹ qua đời, anh ta không về để dự đám tang. Anh ta được mô tả là người không có cảm xúc khi không khóc mẹ, từ chối nhìn mặt mẹ lần cuối, và lạnh lùng uống tách cà phê và hút thuốc trong khi chờ cho ngày đó qua đi.

Trở về thành phố, anh ta du hí với cô bạn gái tên Marie. Cô này yêu cầu anh làm đám cưới. Anh ta chấp nhận nhưng thú thực rằng anh ta không yêu cô ta.

Anh ta giao du thân thiết với hai người hàng xóm là Raymond và Salamano.

Salamano có vợ nhưng sống không hạnh phúc. Khi vợ chết, anh ta sống một mình với con chó. Con chó và anh ta sống chung được ba năm. Người và vật cần có nhau nhưng hình như cũng ghét nhau. Khi con chó bị thất lạc, Meursault được nhờ giúp tìm kiếm. Ban đêm, anh ta nghe thấy tiếng khóc của anh bạn nhớ con chó.

Raymond có cô bồ người Ả Rập, tên Morish, mà anh ta nghĩ là đã lừa dối anh ta. Anh ta đã đánh cô ấy và đánh luôn cả em trai cô bạn. Cô ấy bỏ anh ta. Anh ta nhờ Meursault viết dùm một lá thư dàn xếp cho họ gặp nhau lại. Cô ta trở lại và rồi lại bị đánh đập bởi tên ma cô đó. Meursault lạnh lùng chứng kiến cảnh đánh đập và không chịu gọi cảnh sát.

Một người bạn của Raymond đề nghị với Meursault và Marie về hưởng một ngày nghỉ tại căn nhà ở bờ biển. Tình cờ họ gặp một nhóm người Ả Rập trong đó có em trai cô bồ của Raymond khi họ ra bãi biển.

Họ lại gặp nhóm người Ả Rập đó trên bãi biển. Một cuộc đánh lộn xảy ra và Salamano bị thương tích do con dao của người em trai của bồ anh ta.

Xế chiều, Meursault một mình ra bãi với khẩu súng của Raymond bỏ vào trong túi.

Tình cờ, Meursault trông thấy một người Ả Rập móc con dao ra khi người này thấy Meursault tiến đến gần.

Meursault bóp cò súng bắn liên tục năm phát. Người Ả Rập ngã xuống chết.

Meursault bị bắt. Trong tù, anh ta từ chối thuê luật sư và gặp giáo sĩ.

Anh ta nhìn nhận mọi sự hấn đã làm.

Về tội sát nhân, anh ta bào chữa là “tại ánh sáng mặt trời làm lóa mắt.”

Anh ta chấp nhận án tử hình và không kháng án mà chỉ ước ao được nhìn đám đông họ đến để chào anh ta cũng như là tỏ sự phẫn nộ vào ngày anh ta thọ hình.

*

Một số nhận xét về nhân vật Meursault

Cô bạn gái của hấn ta nhận xét hấn ta là một người “kỳ quặc” (peculiar).

Mọi người mô tả hấn ta là một người “thầm lặng và ít tiếp xúc” (taciturn and withdrawn).

Anh ta chỉ giao du với những người ít học hơn hấn ta. Nhưng anh ta lại có nhiều tham vọng và cho là anh ta đã sống một cuộc sống toàn phi lý (a whole absurd life).

Vị quan tòa đã phát biểu về anh ta: “Tôi chưa bao giờ thấy một con người nào cứng rắn như ông ta.”

Vị biện lý nói: “ông ấy không có linh hồn, không có một chút gì nguyên tắc luân lý trong trái tim. Ông ta là một con quỷ.”

Giáo sư Robert J. Champiny ở Đại Học Indiana coi anh ta như là một anh hùng ngoại đạo (a pagan hero) và viết: “Với từ “anh hùng”, tôi muốn nói một người có một số phận gương mẫu (an exemplary destiny).

Năm 1945, sau khi đã có rất nhiều bài phê phán khác nhau về nhân vật Meursault, chính tác giả Albert Camus đã lên tiếng trong cuộc phỏng vấn của tạp chí *Les Nouvelles Littéraires*.

Ông cho biết ông có ý mô tả nhân vật Meursault như là một “con người không có lương tâm biểu kiến (rõ ràng)” – “un homme sans conscience apparente”.

Một con người không có lương tâm biểu kiến được biểu hiện qua những hàng động không giống người bình thường, một người sống trong **hoang tưởng** (utopia).

Phải chăng Camus sau bốn năm chung đụng với chủ thuyết cộng sản, ông đã sớm giác ngộ để ra khỏi đảng và muốn phác họa một hình ảnh về một loại người của thế giới cộng sản qua nhân vật Meursault, một loại người không có lương tâm rõ ràng?



*

ESSAY on **THE STRANGER** of ALBERT CAMUS

By **Hải Bằng.HDB**

*

Albert Camus (1913-1960), French novelist, essayist, dramatist, and philosopher. Through fiction and reflective essays he communicated his vision of man in an absurd universe. He felt that the only true possibility for freedom and dignity lay in the awareness of this absurdity. His major works include the essay *The Myth of Sisyphus* (1942), which elucidated the philosophical basis of his novel *The Stranger* (1942). Other important works are the novels *The Plague* (1947) and *The Fall* (1956), the essay *The Rebel* (1951) and the play *Caligula* (1944). He won the Nobel Prize for Literature in 1957.

What would you think of a person who does not hold himself on conventional social values; who squarely expresses his disbelief in God; who does not show any emotion or respect at his mother's funeral, and even if refuses to see her one last time; who considers "love" meaningless in marriage; who indifferently witnesses a woman being beaten without taking no appropriate action to stop the beating; who kills a person without being provoked, without reasonable doubt and accepts the death penalty without appealing?

*This man is Meursault, the principal character of the novel titled **The Stranger** (1942) of Albert Camus, a French novelist awarded the Nobel Prize in 1957 and well-known for his philosophical views On human life.*

What kind of man would Camus really want to erect through the character of Meursault?

What message would he like to send to the readers?

Could there be any link between his involvement in the communist party (1934-37) and his novels?

We are trying to find answers to those questions in the following analysis.

Summary of the story

Meursault was a clerk for a shipping company. His salary was just enough for himself. So he had to send his mother to a countryside nursing home.

When his mother died, he did not come back home to attend the funeral. Here, he expressed no emotions: he did not cry, even refused to see her for the last time, but indifferently took coffee and smoked while waiting for the day to come to its end.

Back to the city, he felt comfortable and went to the beach enjoying with his girlfriend, Marie. She asked him to marry her. He accepted the offer, but he avowed that he really did not love her.

He had two neighbors with whom he kept close contact: Salamano and Raymond.

Salamano had an unhappy life with his wife. When she died, he lived alone with his dog. The man and the animal had lived together for three years. They needed each other but they seemed to hate each other. When his dog was lost, Meursault was asked to help him to find it. At night, he heard his friend sob over his dog.

Raymond had an Arabian mistress, Moorish, who he thought had cheated him.

He beat her and engaged in a fight with her brother. The woman quitted to come back. Meursault was asked to write a letter arranging a meeting again between them. The woman came back and got another beating by her "pimp". Meursault indifferently witnessed the scene and refused to call the police.

A friend of Raymond offered Meursault and Marie a day off spent at his beach house. By chance they met a group of Arabs in which there was Raymond's mistress's brother when they started off for the beach.

They happened to encounter the Arabs again on the beach. A fight broke out and Salamano got wounded by his mistress's brother's knife. Late in the afternoon, Meursault alone went to the beach with Raymond's gun in his pocket. By chance, he saw one Arab who got out his knife when seeing Meursault advance toward him. Meursault pressed on the gun's trigger five shots successive, and the Arab was killed.

Meursault was arrested. In prison he denied to hire a lawyer and to see a chaplain. He acknowledged what he had done and what was described about him by all those who knew him.

Of his murder crime, his "excuse" was "because of the sun." and he accepted the death sentence without appealing and just wished to see the crowd who came to greet him as well as to show hatred to him on his execution day.

Some remarkable points about Meursault's characters in *The Stranger*

His girlfriend observed about him as a "peculiar" person (p.42). People described him as a "taciturn and withdrawn" person (p.6). He engaged in friendship with only with persons of low educational levels than his. But he had a lot of ambitions (p.41) and claimed he lived a whole absurd life (p.121).

The examining magistrate stated about him: "I've never seen a soul as harden as yours." (p.69). The prosecutor said: he has no soul, no one of the moral principle in his heart. He is a monster." (pp. 110-102). He never has feeling of remorse for anything and lives just for the present, today or tomorrow (p.100). He killed the Arab without a probable cause (p.59). He held some philosophical ideas such as: "I realized that a man who had lived only one day could easily live for a hundred years in prison." (p.79) or "I said that people never change their lives." (p41).

He very much liked the story about a Czech who was killed mistakenly by his own mother and sister to rob him. But when they found down the killed man was their son and brother, they killed themselves.

He assessed very low the knowledge of the priest: "I garbled him by his collar of his cassock ... He seemed so certain about everything. And yet none of his certainties was worth one hair of a woman's head. He wasn't even sure he's alive because he was living like a dead man (p.120).

From the above remarkable points arose some questions as the following:

(1) What kind of person would Meursault really be?

Robert J. Champigny, professor at Indiana University, in his *A Pagan Hero*, interpreted Meursault as a pagan hero. He wrote:

By “hero”, I mean someone who assumes an exemplary destiny. This implies someone who assumes that destiny is an exemplary manner (pp.103-104). Meursault exalts life, not life in general but in his own. He makes it his own and exalts it against the background of death (p.108). Adele King, from her study *Camus* (1946) writes: “Meursault appears on the surface to be strangely indifferent to all normal motivations. At first glance seems the opposite of the absurd hero ... To many critics, Meursault seems such an unconscious hero, ignoring of the meaning of his life” (see King). Rachel Bepaloff supported *Camus*, views of Meursault by characterizing his protagonist as an anti-hero who is “intractable in his absolute respect for truth.” (see Bepaloff).

For my own view, Meursault simply represents the kind of person who has lost totally his belief in conventional human values; who has witnessed lots of atrocities caused by fascism, Nazism, and communism occurring during the two world wars; and he became totally indifferent to normal human emotions.

I did find many Vietnamese youths assume the same attitude as Meursault did during the flowering period of existentialism, materialism, in Vietnam. Especially under communism, people are instructed that all conventional human values must be destroyed; children are taught to argue against their parents’ beliefs, especially on the issue that there is not an existence of God or Providence.

Albert Camus joined Europe’ communist party in 1934 and resigned in 1937. During his three years of “marriage” with communism, he certainly have had some thoughts in his works. Furthermore, Camus has declared in his Nobel Price speech that he always condemned the use of terror. He affirmed the primacy of ethics over the ideology (see Reilly).

(2) Why is Meursault’s novel titled “The Stranger”?

Leo Bersani raises the question: “What exactly is the quality which makes Meursault a “stranger”?” He writes:

Some early readings of the novel – most notably, those of Sartre and Blanchot – inspired dozens of essays in support of the idea that Camus’s hero lives only by sensations that he never synthesizes his experience into feelings”, that he is uncontaminated by any of the psychological and moral fictions by which society attempts to make life coherent and significant (see Bersani).

Robert J. Champigny writes in his *A Pagan Hero*:

Meursault might appear as a stranger to one person: the reader of the novel (p.13). Meursault might appear as a stranger to the reader even though he seems a stranger neither to himself nor to other characters (p.11). He becomes a stranger to society. (p.13)

As for me, Meursault’s attitude of living is not quite unfamiliar to society. More than 2500 years ago, Buddha (India) preached that everything in human life was unreal, was false; but He never preached for people to deny life. Instead, He instructed people to try to wisely adapt themselves to human values by not killing, not getting angry, greedy, jealous and ignorant.

So, I will interpret the title “The Stranger” by basing on the essence of the ideas that the author might like to recommend us in his work, that was the warning of the presence of a kind of person who would act against all values that humanity has built up for thousands of years. This kind of person would have no love in his or her heart, no conscience, no belief in God, no caring for humans’ life. These people were really stranger to human societies. They did not come from another planet but emerge right from existing human societies due to a boom of amazing initiatives achievements in science and technology, as well as of so many diverse thoughts in philosophy, of the presence of militarism (Japan), nazism (Germany), facism (Italy), and communism (Soviet Union) along with so many atrocities in the two World Wars. Those events make many people totally lose their faith in ethical values and social institutions, hence rose the anti-life attitude in the youth’ mind at the time. And, it could be from these observations Camus erected his Meursault’s character?

In 1945, after so many diverse criticisms had been written about the nature of Meursault’s character, Camus himself, in an interview for *Les Nouvelles Littéraires*, revealed that he had intended to describe Meursault as :un homme sans conscience apparente” (a man without apparent conscience) (see Bersani).

A man without conscience here could be an opposing picture of a man with normal conscience that had been highly praised by many French writers as Victor Hugo, Alphonse Daudet, Anatole France, etc, ... with thousands of writings eulogizing the family, the child, the great heart, ...

In summary, what could we conclude of Meursault’s character and the work The Stranger?

First, this is a work conveying philosophical thoughts, though Edmund Wilson denied this idea. He wrote: “But I can’t quite see it as a “conte philosophique”, a piece of literature with profound implications as Camus’s admires do.” (see Wilson).

Second, Meursault’s character is the incarnation of a ruined conscience. In Meursault, lacking the essence of love would lead to his ruined conscience because love is a vital nutrient for conscience. His ruined conscience would lead to his repudiation to all conventional social values. Absence of conventional social values would lead to his void ideas in his mind. The blankness of mind would lead to his irresponsibility in his actions such as showing his no emotions at his mother’s death; marrying without love, murdering without cause and remorse, insulting religion figure without decency, avoiding intercommunications with intellectuals. Those are the main traits of The Stranger.

The phenomenon to *The Stranger* would be seen not only in France in Camus’s time but also in America in the 1950’s and 1960’s through Marlon Brando incarnating the “hero” in the movie “The Wild One”; James Dean in the “Rebel Without a Cause”. And through thousands of “flower children” gathering at Central Park, New York City in 1967 and at the West Coast, San Francisco in 1967. These were the trend of what was called “Counter Culture.

This phenomenon would probably recur at any time when human societies become over-flooded with diverse streams of counter- cultures appearing as challenges to humanity’s wisdom in its course to finding truths in order to make human beings more perfect.

Hải Bằng.HDB

Nỗi Lòng Chinh Phụ

Thơ Đỗ Thị Minh Giang

1. Vua ban chiếu chỉ khắp nơi nơi
Giặc dậy biên cương phủ đất trời
Quan tuyển quân theo sông núi gọi
Tình nhà xem nhẹ gánh buồng lời.

2. Rót chung rượu tiễn chàng ra đi
Tràn đầy giọt lệ đọng bờ mi
Bịn rịn chia tay hồn nước nở
Con thơ ôm ấp tuổi xuân thì.

3. Ngọn lửa hương tình vừa thắm đượm
Chàng nương ngàn dặm bước xa mờ
Bên song dãi mắt ngoài thiên lý
Se sắt đêm thâu nỗi đợi chờ.

4. Gối chăn hờ hững phòng đơn lạnh
Nghe tiếng con thơ giọt lệ tràn
Vì đâu nên nỗi đời cô quạnh
Chinh chiến ai gây cảnh phủ phàng.

5. Ánh trăng soi bóng rọi bên thềm
Chiếc áo chàng còn hơi ấm êm
Tiếng trẻ hỏi cha đâu chẳng thấy
Chợt nghe đòi đoạ nhớ nhiều thêm.

6. Vò vớ tin chàng cách biệt ly
Niềm đau thềm lặng nát xiêm y
Tháng ngày trôi mãi bao mùa lá
Gió thổi mộng bay lạc hướng đi.

7. Chàng ngoài biên ải xa xa khuất
Gương giáo sa trường trí dũng cường
Lòng xót thương cho phận má hường
Khuê phòng thổn thức hồn chinh phụ.

8. Đêm sầu lã chã đôi dòng châu
Văng vẳng tưởng chừng tiếng vó câu
Gió rét hàn căm nhà vắng lặng
Tóc ngói rẽ lệch mắt chìm sâu.

9. Chàng hiện về trong những giấc mơ
Đêm dài đối bóng lạnh bơ vơ
Người đi biển biệt ngoài quan tái
Trấn giữ thành cao cứu cõi bờ.

10. Lời hẹn thề xưa chẳng thể quên
Nước non nặng nợ chốn cung tên
Mùa xuân cánh én về quê cũ
Chàng gửi nhớ thương để đáp đền.

11. Nỗi sầu chất ngất nàng bỗng con
Mong đợi bóng chàng dạ héo hon
Thăm thăm phương trời xa có biết
Bạt ngàn chinh phụ ngủ trên non.

12. Ngựa hí lưng trời trống thúc quân
Bên lòng canh cánh mối tình chân
Chiến chinh ai biết ngày về lại
Hội ngộ thê nhi đợi trước sân.

13. Ôm con nàng đứng đã bao năm
Mưa gió tràn tuôn khóc lặng thềm
Chinh phụ hồn bay miền giới tuyến
Tấm thân hóa thạch giữa trăng rằm.

14. Tượng đá bỗng con khóc vọng phu
Mãi chờ mãi đợi trái bao thu
Gió mưa thấm lạnh hồn con trẻ
Hình bóng người đi vẫn biệt mù.

15. Cỏ cây nhỏ lệ trên triền đồi
Cánh hoa tàn úa khóc ly bôi
Vạn lý truyền xa lời nhắn gọi
Chinh nhân xin hãy đáo xứ hồi

16. Ngăn trở Sầm Thương tà ánh nguyệt
Gió mây cuốn quện bóng trăng sao
Trông chờ mòn mỏi hồn xanh xao
Lưu luyến canh thâu đành cách biệt.

17. Ngày đi cây hãy còn xanh non
Nàng đứng tiễn chồng tay bế con
Huyền thoại ngày xưa chìm ký ức
Nhạt mờ nhân ảnh núi chon von.

18. Lá ngàn tuôn đổ bao mùa lá
Bay phủ tượng nàng trên đỉnh cao
Cổ tích đời xưa truyền kể lại
Dân làng thổn thức lòng xô xao .

19. Cổ thụ già nua rủ kéo nhau
Kiểm xem chàng trấn thủ nơi nao
Sao tin biên biệt ngoài biên giới
Chinh phụ lệ trào tuôn đốn đau .

20. Núi rừng rung chuyển buồn sinh ly
Trăng lặn sao mờ khuất nẻo đi
Con chim nhỏ nhỏ mang tin tới
Chàng sẽ về đây đúng hạn kỳ.

21. Số mệnh nữ nhi thời loạn lạc
Má hồng héo úa nỗi sầu mơ
Người xưa mờ bóng sầu hiu hắt
Nàng bế con thơ đứng ngẩn ngơ.

22. Tiều phu đốt nhánh cây trầm hương
Bay tỏa lừng trời khói vấn vương
Nhớ người son trẻ tròn trung tiết
Để lại ngậm ngùi bao tiếc thương.

23. Chim muông vượt suối tìm hoa lạ
Dâng tặng danh người nữ anh thư
Ân tình nặng gánh tròn duyên số
Mưa tẩy bụi trần tiếng tạ từ.

24. Vó câu bao phủ nẻo đường mờ
Bóng dáng chàng về như giấc mơ
Tàn y phất phới tung theo gió
Chiến mã trung kiên giữ sắc cờ.

25. Dưới ánh chiều tà chàng vượt suối
Núi rừng xanh thắm chẳng chồn chân
Tấm lòng thôi thúc mong về lại
Cố xứ cùng nàng kết nghĩa nhân.

26. Trái biết bao nhiêu mùa nguyệt lặn
Thâm trầm mạch sống vẫn trào tuôn
Nhớ thương vời vợi chiều tĩnh lặng
Lơ lửng bên trời ngọn khói buồn.

27. Dấu chân in vết chưa mòn phai
Tảng đá soi mòn nhịp bước ai
Non nước chập chùng tìm lối cũ
Ngôi làng chìm khuất mái u hoài.

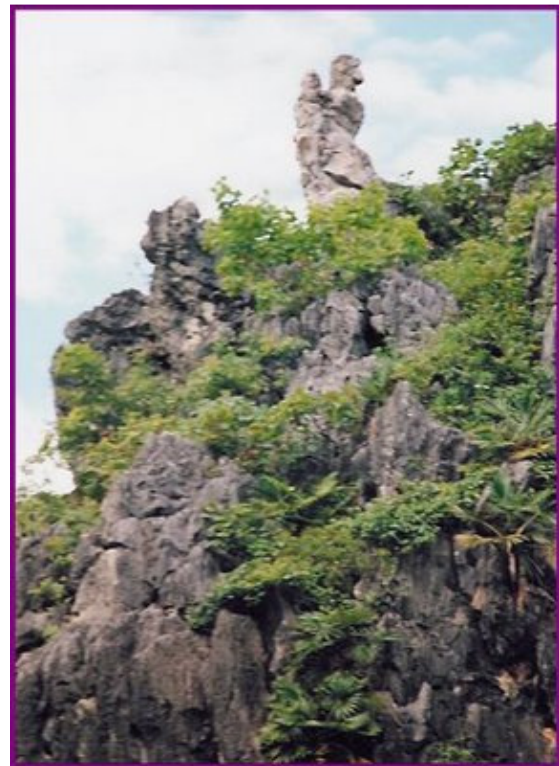
28. Chinh phụ tượng nàng đứng phía xa
Mắt chàng nhòa lệ thấm mưa sa
Gió reo nức nở cùng hoa lá
Còn lại gì đây ngày tháng qua.

29. Hoành Sơn núi thẳm đến Đồng Nai
Trao kiếm con yêu nối chí trai
Tiếng hịch dội vang lòng đất ấm
Phương Nam quân tiến đắp tương lai.

30. Cơ đồ gầy dựng mấy ngàn năm
Cương quyết anh hùng dạ nhất tâm
Đánh đuổi bạo tàn đồng trấn thủ
Trung cương bền vững chống xâm lăng.

ĐT Minh Giang

2009



Hòn Vọng Phu – Bình Định



Truyện ngắn: **Phan Ngọc Danh**

Từ trên hàng đậu nhà lão Chín tôi lấy hơi gáy một hồi dài. Mặt trời cả giờ nữa mới mọc, bóng tối vẫn còn bao trùm vạn vật. Nhưng tôi biết ý lão Chín: Lão vẫn quen chờ đợi tiếng tôi gáy sáng để vén màn, kéo lê đôi guốc mộc lọc cốc ra sau bếp, đun ấm nước, pha trà. Sáng nay, nói là sáng chứ vẫn còn tối mịt, lão thay đổi thông lệ. Thay vì vào bếp, lão lần mò đẩy chốt cửa, bước ra sân. Men theo bệ đá ong dọc thềm nhà lão bước nhẹ đến chậu cúc vàng mà lão đã chăm sóc mấy tuần nay cho đêm giao thừa.

- Ó... Ó... O... o... o... - Tôi gáy lên một tràng dài nữa để chào đón lão.

Lão biết ý, nhìn quanh quất, ý chừng xem tôi đang đứng chỗ nào. Hồi lâu chẳng thấy, lão quay người, cúi gập lưng rồi nâng nhẹ mấy đóa hoa cúc nở sớm, đưa lên mũi, hít một hơi dài. Đứng tần ngần một lúc lão ưỡn mình, lững thững bước vào dưới mái hiên. Tôi gáy thêm một tràng nữa để giã từ rồi vỗ cánh bay xuống khỏi hàng đậu, biến mất vào cánh rừng thông.

Số là tôi sinh ra trong cái chuồng tre đàng sau căn bếp nhà lão Chín. Thuở ấy thanh bình, no ấm. Mỗi sáng nhảy ra khỏi chuồng, chúng tôi được vợ chồng lão rải cho nắm thóc mới, tha hồ mà ăn, tha hồ mà đùa nghịch. Khi nào hết thóc, mẹ tôi kéo cả bầy đi kiếm ăn ở các bụi cây, vườn rau, bờ giếng... Có vài lần bạo dạn hơn, mẹ dẫn cả đàn qua bên cánh rừng thông, cách nhà lão Chín một con lạch nhỏ. Bên cạnh những tảng đá ong có vài nhánh cây gậy; cả bọn nối đuôi nhau bước lên, đi như đi trên cầu khỉ. Khi nào không có nhánh cây bằng ngang cả đám phải chạy vòng, kiếm chỗ cạ nhảy qua. Còn nếu đũa nào nhanh chân, leo được lên lưng mẹ thì khỏi bị ướt. Ở bên rừng thông lúc nào cũng vui như ngày hội: Cây lá chẳng chịt, sâu bọ đầy dẫy, tha hồ mà ăn, mà chơi rượt đuổi.

Có lần lão Chín thấy chúng tôi lang thang ở bìa rừng, gọi mãi không chịu về, lão giận lắm. Hôm sau, lão chẳng chịu mở cửa chuồng, nhất định nhốt cả bầy một vài ngày cho đã tức. Nhưng có đũa nào sợ đâu! Không ra được ngoài sân thì chơi trong chuồng – rượt đuổi nhau, đánh đập nhau, la hét rùm rờ; mẹ tôi can ngăn thế nào cũng không nổi.

Vài ngày sau, thấy nuôi nguyên bầy trong chuồng coi bộ tốn kém hơn, lão Chín đành phải mở cửa. Thế là như gà sống chuồng, chúng tôi bay nhảy, đùa nghịch thỏa thích. Ra khỏi chuồng chưa được bao lâu thì một thằng, chẳng biết ăn nhằm cái gì, đập hai cánh phành phạch, lờn lộn như lên đồng. Từ trong hiên nhà lão Chín phóng ra túm lấy nó, thò ngón tay vào cổ rồi ngoáy lia lịa. Khi thấy nó không còn cựa quậy được nữa lão đem nó vào trong bếp. Một hồi sau, từ ngoài cửa nhìn vào tôi ớn lạnh đến nổi da gà, sợ té đái khi thấy lão treo đong đưa hai cái cẳng của nó lên trên giàn bếp. Vợ chồng lão Chín có thói quen treo cẳng chúng tôi như vậy để hàng xóm nể phục là nhà có cái ăn. Sau vài ngày, than khói bay lên, bao phủ đen nghịt hai cái chân co quắp, trông đến phát khiếp! Nhưng vợ chồng lão vẫn treo như vậy cho đến khi có cặp chân khác thế vào chứ nhất định không chịu ném đi.

Chiều đến, một thằng khác vì ham chơi hay mắt quáng gà, đi lang thang thế nào bị thất lạc vào nhà hàng xóm. Qua hôm sau vẫn không thấy nó về lão Chín buồn lắm, than vắn thở dài:

- Mới thả ra, hôm qua một con đã nuốt giầy thun, hôm nay một con nữa được hàng xóm bảo lãnh, bà có thấy không?... Riết rồi chẳng còn con nào cả. Nhất thì phải bao cấp, thả thì chúng vượt biên.

Bà Chín an ủi:

- Thôi, ông buồn làm chi! Con mái này sai trứng lắm, đừng để mất nó là được.

Nói thì nói vậy, chứ vài ngày sau đó, thấy chúng tôi đã khá lớn, đủ sức kiếm ăn, vợ chồng lão lợi dụng đêm khuya, mở chuồng bắt cóc mẹ tôi đi. Hôm sau, từ ngoài sân nhìn vào, tôi thấy hình như mẹ đang nằm tơ hơ, hai chân chĩa lên trời trên cái bàn thật lớn dưới mái hiên. Đã vậy, họ còn cắm vài cành hoa xanh xanh đỏ đỏ vào phao câu của mẹ tôi, ý chừng để làm phần thưởng cho khách. Nhất phao câu, nhì đầu cánh, lão Chín thường nói như vậy. Mãi đến trưa khi mặt trời đứng bóng tôi thấy họ hàng bà con nhà lão kéo đến, cười nói ồn ào như ngày hội. Hận cho vợ chồng lão tàn nhẫn, trong khi họ 'xử lý' mẹ tôi, tôi kéo mấy thằng em qua bên kia hàng dậu, tối mịt mới về.

Đêm hôm ấy, thằng em út vì nhớ mẹ nên không ngủ được. Nó hỏi:

- Anh Hai, khi nào vợ chồng lão Chín bắt cóc em?

- Làm sao tao biết được. Sao mày không hỏi thằng vợ chồng lão ấy?

Tôi trả lời nó mà chính tôi cũng phân vân không biết khi nào đến phiên mình. Thút thít mãi, dỗ dành thế nào cũng chẳng nín, nó thều thào:

- Anh Hai, em sợ...

Giận quá tôi lớn tiếng nạt nó:

- Mày... đúng là đồ gà chết!

Yên lặng được một hồi, nó lại lải nhải:

- Anh Hai, bây giờ làm sao?

Tôi chợt nghĩ ra một giải pháp:

- Tao nói cho chúng mày nghe: Ăn ít lại. Vợ chồng lão già này chỉ bắt cóc đứa nào ăn nhiều, to con lớn xác như gà siêu thị mà thôi. Còn nếu mày ốm tong ốm teo như con gà tre thì chả có ma nào thèm!

- Nhịn ăn? Ý anh Hai nói là em phải nhịn ăn?

- Mày... mày y như con gà què! Tao đã nói, mày nhịn ăn thì không phải lo gì cả. Nhưng... nhịn vừa vừa chứ nhịn lâu quá vợ chồng lão Chín bắt... bắt tao thì oan lắm!

Tôi lý luận với nó như vậy, nhưng thật tình trong bụng cũng không yên tâm. Có nhịn ăn hay không thì trong bụng cũng phải có một đứa to con nhất. Hiện thời anh em chúng tôi có bảy đứa. Nhìn qua nhìn lại chỉ có tôi là thằng lớn xác, ép cánh sát vào thân cũng không giấu gì được. Càng nghĩ tôi càng lo cho thân phận mình.

Quả vậy, hơn tuần sau đó, vào một đêm mưa to gió lớn lão mở chuồng bắt tôi, trói chặt một chân vào với chân giường của vợ chồng lão. Tôi vùng vằng bỏ chạy nhưng sợi dây dừa cột chặt quá, không cách nào bứt ra được. Nằm xuôi lơ như thể gà rút xương, tôi ân hận đã gà cho tụi nó nhịn ăn trong khi chính mình lại tiếp tục

cái thối gà què ăn quần cối xay. Vả lại, cúng giỗ gì mà lảm vậy! Mới hơn tuần trước mẹ tôi đã bị chúng nó nhổ lông, nay lại tới phiên tôi. Hay là tại vì câu 'khách đến nhà, không gà cũng vịt' mà tôi phải ra nông nỗi này? Thế rồi sáng hôm sau, khi mặt trời lên quá ngọn cau, lão Chín ôm chặt lấy tôi đem ra đầu ngõ. Tôi kinh hoàng đến vãi cứt vào người lão trước khi ngắt đi, chẳng nhớ gì nữa. Chỉ biết rằng, sau khi tỉnh dậy, thấy rêm rêm nơi bụng đá tôi mới hiểu thấm thía tại sao người ta hay than thở là 'đau như thiến'.

Một thời gian sau, vào một đêm rằm, trăng sáng vàng vạc, vợ chồng lão Chín khệ nệ vác chuồng của chúng tôi vào giấu trong nhà, ngay dưới gầm giường. Đầu đã yên, sáng ra lão lại quên không chịu mở cửa chuồng. Chúng tôi la hét, đập phá thế nào cũng vậy, không cách gì làm cho lão mở cửa. Gầm giường thì tối như bụng trong khi đũa nào cũng lớn xác cả nên cái chuồng trở nên chật chội, không ai nhúc nhích nổi. Thật đúng là thân phận gà công nghiệp, còn đâu những ngày rong chơi, lang bạt kỳ hồ! Đêm hôm sau tôi nghe vợ chồng lão nằm trên giường tâm sự:

- Cái vụ dịch gà này coi bộ lâu chứ chẳng chơi... ghen bà?

- Thiệt là khổ hết sức, không biết cái con vi trùng vi triếc gì mà nó tai hại đến như vậy!

- Thì cũng tại bà chứ tại ai? Hể cứ mở miệng là... cái đồ mắc dịch. Thì đó, dịch bây giờ lan tràn khắp nơi cho bà thấy!... Ủa, nghe nói hình như thím Tư ở đầu ngõ mới vô nhà thương vì lây bệnh... họ gọi là cái bệnh gì đó hả bà?

- Thì bệnh chim chuột... chứ bệnh gì?

- Bà lại nói tầm bậy, bệnh chim chuột... chỉ có đàn ông... mới bị thôi.

- Lại... cái đồ mắc dịch, chuyện đến nước này mà ông còn đùa được nữa à?!

- Chứ bà tính phải làm sao?

Yên lặng được một lúc lão lại than thở:

- Nghe đâu trên phường họ nói một hai ngày gì đó tụi nó sẽ vào từng nhà để xét.

- Thây kệ cha tụi nó! Nếu tìm thấy thì mình để cho họ bắt, chứ nỡ nào chỉ có vài con gà làm vốn mà đem ra giết đi.

- Bà này nói hay cà... tụi nó mà thấy được thì không những họ giết gà của mình, mà còn phạt mình nữa là đằng khác.

Nghe đến đó tôi ngắt xỉu đi, chẳng biết gì nữa. Sáng sớm hôm sau, tôi nhóm cả bọn lại, kể chuyện nghe lén tối hôm trước cho chúng hiểu. Trông mặt tụi nó méo xệch, run cầm cập như gà dầm mưa tôi thấy thương hại biết chừng nào! Nhưng biết làm sao được trong hoàn cảnh này? Biết mình sắp bị cắt tiết nên chẳng đũa nào còn dám cựa quậy, chỉ ngủ gà ngủ gật. Thêm vào đó, vì bị nhốt mấy ngày liền nên đũa nào cũng hôi như đập cứt gà.

Đến khuya ngày hôm sau có tiếng động bất thường khiến tôi thức giấc, ngõ lão già này còn cứng cựa, tính chuyện động cựa, đập mái. Nhưng đợi mãi không thấy gì hấp dẫn mà chỉ nghe lão thì thào:

- Nay bà, sáng mai bà ra đầu ngõ canh chừng. Nếu thấy tụi trên phường xuống đây, bà... bà gáy lên cho tôi một hồi để tôi đem cái chuồng qua mé rừng bên kia.

- Gáy là gáy làm sao? Bộ ông tưởng tôi Việt kiều à?

- Không dám đâu! Bà gáy cách nào cũng được miễn sao cho tôi nhận ra giọng của bà thì thôi.

- Nhưng thả gà ra thì coi như mất toi, còn gì vốn liếng của mình?

- Không cách nào khác bà ạ. Gà mình sống ngoài rừng, đã mau lớn mà không mất một hạt thóc. Khi nào tai qua nạn khỏi mình lại tìm cách bắt về, có mất đi đâu mà sợ!

Đó, ý định của lão Chín đều như vậy đó. Nhưng lão nào ngờ tôi đã biết được âm mưu của lão. Sáng hôm sau, khi vợ chồng lão đã ra khỏi giuồng, tôi tụ họp cả bầy lại. Tôi báo cho chúng biết chuyện gì sẽ xảy ra rồi tôi trấn an, căn dặn tụi nó là cứ ăn cho no, bởi bên kia hàng đậu không có nhiều thóc như ở bên này. Nghe vậy chúng nó mừng lắm, suốt ngày chỉ trông ngóng, chờ đợi được giải phóng.

Quả tình hai hôm sau có tiếng gáy lạ lùng, liên hồi từ đầu xóm. Lão Chín nhào đến ôm lấy cái chuồng, chạy băng qua bên kia rừng rồi thả chúng tôi ra.

Từ đó cả bầy mỗi đứa mỗi ngả. Có vài đứa bị chồn cáo ăn thịt, vài đứa khác đi lạc vào nhà hàng xóm rồi mất tích luôn. Cuối cùng chỉ còn mình tôi.

Biết về lại nhà vợ chồng lão Chín thì thế nào cũng bị bắt, nhưng khổ nỗi, đã sinh ra, lớn lên ở đâu... khó dứt bỏ lắm. Thế nên đêm đêm tôi mò về, bay lên trên hàng đậu nằm ngủ. Sáng sớm, trước khi mặt trời mọc, tôi lại gáy lên vài tiếng để đánh thức lão Chín cho có tình có nghĩa rồi...

- ...bụp!

- Chết mà chưa... tao mà bắn thì... hết xẩy!

Thằng Mai Cờ nói lầm bầm, cảm thấy sung sướng khi nghe tiếng con gà giã cánh đành đập và rơi loạt xoạt đầu đó gần mé hàng rào.

Về thăm quê lần này nó để ý đêm nào cũng nghe tiếng gà gáy, hình như của cùng một con, từ phía hàng rào nhà lão Chín. Gặp lúc nhà nước kêu gọi tiêu hủy gia cầm nên nó định bụng rình bắn cho được con gà bí mật, chỉ nghe gáy lúc đêm khuya mà không bao giờ thấy mặt. Đợi mãi cho đến một đêm có ánh trăng, nó thấy đậu trên hàng rào hình dạng một con gà in đậm nét trên đường chân trời. Nó liền nhắm bắn; bắn xong nó mỉm cười rồi thản nhiên đi vào nhà, leo lên giuồng, ru giấc ngủ.

Sáng hôm sau, khi mặt trời vừa ló dạng nó thức dậy, đi lần mò dọc hàng rào rồi thấy xác con gà nằm bất động trong một bụi cây. Con mắt đen láy còn đầy sức sống và cái dáng bình thản của con vật khiến nó ân hận, suy nghĩ xa xôi. Một hồi sau nó lấy cuốc, đào một lỗ thật lớn để chôn lại.

Từ đó đêm nào nó cũng trần trọc, không ngủ được. Sự thiếu vắng cái âm thanh quen thuộc của hương đồng cỏ nội khiến nó cảm thấy buồn tẻ, chán chường. Vài ngày sau, chịu hết nổi, nó đổi vé và leo lên phi cơ bay đi mất.

Phan Ngọc Danh

(trích trong tập truyện ngắn “Mộng & Thực”, xuất bản năm 2009)

NƯỚC MẮT THÁNG TƯ

Hồng Thủy

Tháng 4 là tháng đẹp nhất của mùa xuân ở vùng Thủ Đô Hoa Kỳ vì là tháng trăm hoa đua nở. Đặc biệt nhất là Hoa Anh Đào đã thu hút không biết bao nhiêu du khách từ khắp nơi đổ về.

Suốt cả tháng 4, đủ các loại hoa đua nhau khoe sắc. Hoa đào tàn, thì hoa 'tuy líp', hoa dogwood v.v... tiếp tục đơm hoa. Cả vùng Thủ Đô rộn ràng lễ hội mùa xuân.

Là người mê hoa và phong cảnh đẹp, như vậy tôi phải vui sướng mà đón mừng tháng đẹp nhất của vùng Hoa Thịnh Đốn chứ. Nhưng, cái chữ nhưng quái ác, tháng 4 lại là tháng đau thương nhất của quê hương tôi, của dân tộc tôi, của gia đình tôi. Do đó 'người buồn, cảnh có vui đâu bao giờ?' Cứ đến tháng 4, tôi lại nhớ đến những ngày cuối cùng buồn thảm ở quê hương tôi, quê hương Việt Nam yêu dấu. Những ngày thật hoảng loạn, đau thương. Trước đó các tỉnh miền Trung từ từ thất thủ và quân đội được lệnh phải rút lui. Chồng tôi đang là Chỉ Huy Trưởng Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân ở Cam Ranh. Anh phải đưa hơn 3 ngàn khoá sinh và nhân viên từ Cam Ranh về tạm trú ở Trung Tâm Sản Xuất quân trang ở gần bến Bạch Đằng Sài Gòn. Anh phải cấm trại liên miên. Mỗi ngày chỉ được về nhà ăn cơm vội vàng rồi phải trở lại trại ngay.

Những lời dặn dò của nhà tôi khiến tôi luôn có cảm giác lo sợ như những lời chia tay cuối cùng.

- Em phải lo chuẩn bị tinh thần. Cộng sản có thể tấn công Sài Gòn bất cứ lúc nào. Nếu chúng vào bằng ngã Hàng Xanh (gần khu cư xá Hải Quân Thị Nghè nơi gia đình tôi ở) Anh không thể về đón gia đình được. Em phải thu xếp đưa các con về ở với ông ngoại và mẹ. Cố gắng nuôi con. Anh nói giọng nghẹn ngào.

- Anh không biết số phận mình sẽ ra sao. Nhưng anh sẽ ở với các khoá sinh và nhân viên của anh cho đến giây phút cuối, nếu chưa có lệnh tan hàng. Anh em sống chết có nhau. Nếu Chúa thương, anh còn sống, anh sẽ tìm cách liên lạc với em và các con.

Những lời dặn dò nát lòng đó vẫn còn văng vẳng bên tai tôi. Cũng may, chiều 29 tháng 4 nhà tôi gọi điện thoại báo tin anh sẽ về đón gia đình đi, tôi mừng rỡ đến chảy nước mắt. Tôi quỳnh quáng kiểm soát lại hai valise quần áo của áo của vợ chồng con cái và 4 túi xách nhỏ đựng vật dụng cần thiết cho 4 đứa con.

Tôi chợt nhìn thấy mấy cuốn album, Trời ơi! Bao nhiêu là kỷ niệm quý giá của tôi mà tôi quên mất. Tôi vội vàng dở từng cuốn, chọn những tấm ảnh mang nhiều kỷ niệm đặc biệt trong đời

để mang theo. Chồng tôi bước vào nhà, anh la lớn khi thấy tôi ngồi lúi húi gỡ hình trong mấy cuốn album. Anh hét lên:

- Bây giờ mạng sống là cần nhất, lo thuốc men và chút đồ ăn cho các con để sống cầm hơi. Gia đình mình chưa biết sẽ lưu lạc đi đâu, ở đó mà lo mấy tấm hình.

Những lời nói của anh rất đúng, nhưng khốn nỗi với con người quá tình cảm lắm cảm của tôi, anh có biết đâu, kỷ niệm là những bảo vật vô giá, làm sao tôi có thể không mang theo những tấm ảnh đó được.

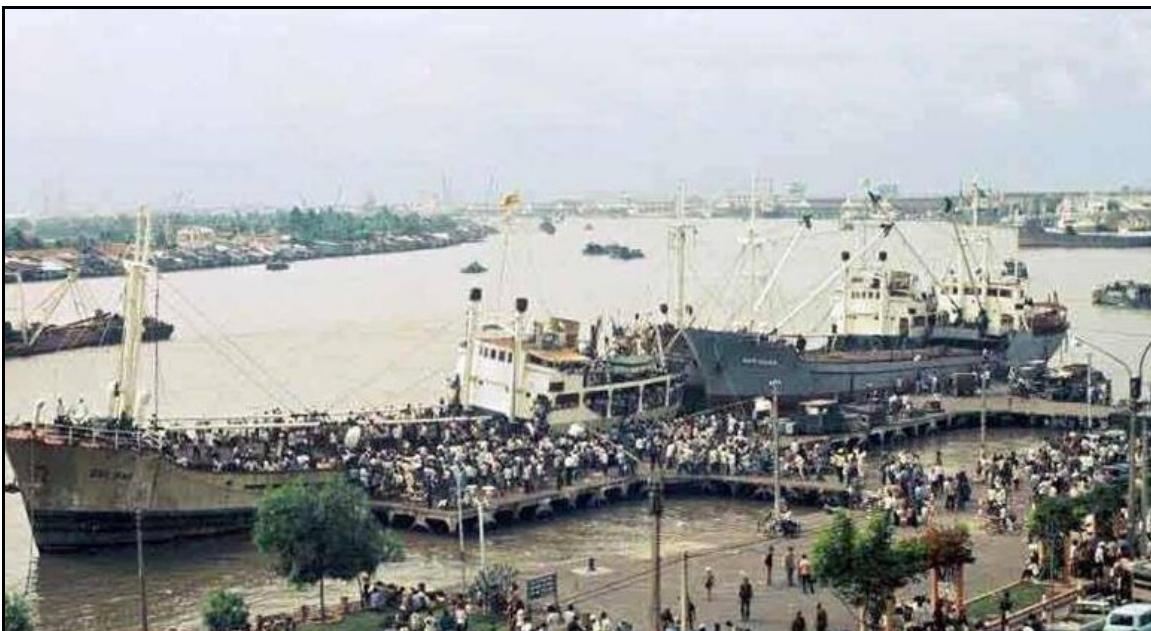
Dắt bốn đứa con, theo anh bước ra cửa. Tôi ngoái nhìn lại căn nhà thân yêu với bao nhiêu đồ đạc, vật dụng dùng hàng ngày. Tôi có cảm tưởng như chúng có linh hồn, chúng đang gào thét, sao tôi nỡ bỏ chúng ra đi. Lòng tôi đau như cắt, nước mắt thi nhau chảy, tôi biết là sẽ chẳng bao giờ còn có cơ hội trở về sống ở căn nhà thân yêu nữa.

Mẹ tôi đến tiễn tôi, bà đứng nhìn theo mắt đẫm lệ. Mẹ tôi phải ở lại vì ông ngoại tôi quá già yếu, mắt lại mờ, đi đứng chậm chạp nên không thể nào theo nổi đoàn người di tản trong hoàn cảnh gấp thiết, dầu sôi lửa bỏng như thế này.

Bước chân lên chiếc xe Jeep để đi ra bến tàu ruột tôi như đứt từng khúc. Xe chuyển bánh, tôi ngoái nhìn ra phía sau, bóng mẹ tôi nhỏ dần rồi mất hút. Nước mắt tôi thi nhau chảy, những hình ảnh cuối cùng của khu phố quen thuộc thân yêu nhạt nhòa theo những giòng nước mắt.

Hồng Thủy

Tháng tư 2015





Anh Đào Trong Bão Tuyết

Thái Hưng

Ngày đầu Xuân tuyết khắp nơi,
Khung trời hoa mộng đang rơi giọt sầu.
Khách du Xuân lỡ chuyến tàu,
Đi, về chẳng đặng cơ cầu tính sao?

Trời đem Tuyết phủ Anh Đào,
Thương Hoa héo úa, lệ trào bờ mi.
Sao Trời, Phật chẳng từ bi,
Khi tìm băng giá còn gì vui đây?

Bầu trời xám xịt mù mây,
Không còn nắng ấm, cô hoa lạt mầu.
Tuyết rơi dễ thể nhân sầu,
Mai vàng úa héo đôi màu thành nâu.

Xuân về chẳng thấy Ớn đầu?
Quanh Ta vắng lặng u sầu buồn ghê!
Ngoài trời gió lạnh tái tê,
Mong chờ nắng ấm trở về nơi Ta.

Người yêu Hoa thấy xót xa,
Trời đang bão tuyết thương Hoa vô vàn.
Đời Hoa sớm nở tối tàn,
Chiều đang ngà tối buông màn đêm đen.

Ngoài song gió rít từng phen,
Bao cây ngã đổ, điện xem chẳng còn.
Thối đánh trốn lạnh nhà Con,
Đêm nằm nhớ nước nhớ non quê nhà.

Xuân về nắng ấm quê Ta,
Ngàn hoa khoe sắc, chim ca vang lừng.
Người đi trẩy hội tung bưng,
Hoa Đào Đà Lạt, núi rừng đẹp sao!



***** Hoa Anh Đào ở Tidal Basin, Washington DC - 1 tháng 4, 2018 - Ảnh: [Phan Anh Dũng](#) *****

TÌNH YÊU và TÁC PHẨM

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Viết theo

Margaret Mitchell & John Marsh

The Love Story Behind Gone With The Wind

của Marianne Walker

Margaret Mitchell sinh ngày 8 tháng 11 năm 1900 tại Atlanta, Georgia, tiểu bang lịch sử nổi tiếng miền Nam trong cuộc nội chiến 1861-1865. Ông cố nội năm đời trước của Margaret là một trung úy kỵ binh đã tới Georgia từ giữa thế kỷ 18. Thân phụ của Margaret, Eugene Mitchell lớn lên trong một trang trại gần Atlanta. Ông tốt nghiệp với bằng danh dự hàng bên ngoài của Margaret đến bắt đầu trồng bông, cây quả để lập Stephens được gửi đi học tại một trường trung học, bà trở về Georgia, học Đại học luật Georgia và hành nghề luật sư. Họ Georgia từ xứ Á Nhĩ Lan vào đầu thế kỷ 19 và nghiệp. Thân mẫu của Margaret, Maybell trường sơ Quebec và nói lầu tiếng Pháp. Lên hết trường nữ, Atlanta.

Eugene Mitchell và Maybell một con trai nữa là Stephens, anh làm việc cùng với cha. Họ sống xung quanh rậm bóng cây cổ thụ, những người già quen biết trong chiến binh, những người sống sót



Hình như quân miền Nam vẫn hằng hái đánh nhau với quân miền Bắc trong tâm não họ. Thêm vào đó, từ lúc sơ sinh, Margaret Mitchell đã được bà mẹ đọc cho nghe không biết bao nhiêu sách truyện thần tiên và cuộc Nam Bắc phân tranh. Những điều đó đã là đề tài của *Gone With The Wind* sau này.

Margaret bắt đầu viết truyện từ khi ngón tay mới biết điều khiển cây bút chì nối chữ thành vần. Cô bé viết rất nhanh, hết truyện này qua truyện khác trên những trang giấy rời hay những tập vở nhỏ và đưa tất cả cho mẹ xem. Cô sung sướng được nghe bà khen. Nhưng Margaret chẳng cho ai khác coi dù là cha hay anh. Mẹ cô cất giữ tất cả “sáng tác” ấy trong những hộp đựng bánh mì cho tới khi cô đi đại học. Margaret không bao giờ ngừng viết. Khi nổi danh, cô còn giữ được hai tập truyện nhỏ đã sờn rách trên giá sách.

Khi lớn hơn, Margaret thích chơi đùa như con trai, trèo cây, đá banh, cưỡi ngựa, mặc quần áo con trai, đội mũ lưỡi trai, chơi cowboy và da đỏ bắn nhau. Kể hầu người hạ đầy nhà, anh em Margaret chẳng phải làm một việc gì bao giờ. Trong khi anh trai học rất giỏi, cô không thích học, nhất là toán, tuy được mẹ kèm ráo riết. Trong lớp cô nghịch ngợm, nói chuyện nhiều, làm bài cầu thả và chỉ đứng hạng trung bình. Margaret thích đọc truyện con trai và truyện phiêu lưu tình cảm. Cô bịa truyện huyền bí, rùng rợn một cách tài tình, đôi khi làm cho những đứa bạn trai cũng phải sợ hãi trong đêm tối. Margaret không thích đọc sách cổ điển. Ông thân sinh phải hối lộ 5, 10 hay 15 xu và dọa nạt với cái bàn chải nạng mới đành phải đọc Shakespeare. Margaret để bà mẹ đánh đòn bằng cái dép mềm chứ chẳng chịu đọc Tolstoy. Với tính tình thích gì học nấy, nên dù cố gắng, cho đến cuối cuộc đời, Margaret cũng không đọc hết *War and Peace*.

Khi Margaret Mitchell 12 tuổi, gia đình cô dọn tới một ngôi nhà mới kiểu Colonial, đồ sộ hơn cái cũ nhiều mà ông Eugene Mitchell đã cho xây cất như ý của người vợ hiền từ, nhân hậu. Bà mang hình ảnh Melanie O'Hara trong tác phẩm bất hủ của Margaret sau này. Ngôi nhà có những cột trắng lớn ở mặt tiền như dinh cơ của gia đình Scarlett O'Hara trong phim *Gone With The Wind*.

Margaret cũng viết nhiều vở kịch nhỏ, linh động, hấp dẫn. Với sự tiếp tay của thân mẫu, cô đã điều khiển bạn bè hàng xóm tập dượt và trình diễn ngay trong nhà. Khách giả là những bà mẹ, bà nội, bà ngoại của các diễn viên. Tuy nhiên, Margaret không bao giờ thích ngôi nhà quá lớn, quá uy nghiêm, trống trải ấy, vì thân mẫu của cô đã qua đời tại đó. Thế theo lời yêu cầu của em gái, Stephens Mitchell đã cho phá hủy nó sau khi Margaret qua đời. Hai anh em đồng ý, không để ai ở dinh thự này ngoài họ.

Năm 14 tuổi, Margaret vào học trường tư thục sang trọng dành riêng cho con gái, Washington Seminary, cách nhà vài bước. Cô mập tròn, vẫn chạy chơi với một nhóm con trai nghịch ngợm và không chịu học hành chăm chỉ. Margaret không thích đi học. Nhà trường và nhiều học sinh cũng không thích cô. Tuy nhiên, cô cũng có chân trong mấy hội của trường, Senior Round Table, chủ tịch Washington Literary Society, Dramatic Club và chủ bút của Senior Yearbook.

Trong thuở 17 đến 19, Margaret mảnh mai, ăn mặc thời trang thiếu nữ rất duyên dáng. Nàng thích đọc những sách truyện bí ẩn, ngâm nga thơ mà nàng chép vào những tập vở, rồi học thuộc lòng. Những truyện ngắn sau này của nàng viết trên đại học ảnh hưởng từ các tiểu thuyết mới phổ thông, nhiều đối thoại, tác động, chuyển tiếp nhanh. Nàng cùng bạn gái tổ chức nhiều vũ tiệc lớn tại tư dinh và tại các hội thượng lưu mà họ là hội viên. Rất nhiều thanh niên chú ý đến nàng.

Hết trung học, Margaret được bà Mitchell gửi vào Smith College, Northampton, xa nhà. Nhưng Margaret học không xuất sắc và càng chán nản hơn khi bà mẹ đột ngột qua đời. Dù nàng muốn về ở nhà, ông Mitchell bắt nàng trở lại trường. Cuối năm thứ nhất, tình trạng vẫn không khá hơn, ông gọi con gái về trông coi nhà cho ông và con trai.

Không khác tính tình và nhân dáng của Scarlett O'Hara mấy, ở tuổi đôi mươi, xinh đẹp, con nhà giàu không đi học, Margaret luôn luôn khai đủ các thứ bệnh ho, cảm, cúm, nhức đầu để tránh bất cứ bổn phận và trách nhiệm nào nàng không thích làm. Nàng chỉ chú ý tới ăn diện, vui chơi, tiệc tùng, nhảy nhót, giao dịch với những người trẻ mà thân phụ và bà nội nàng không chấp thuận. Hai người này đã không làm gì được trước những hành động của Margaret, một người con gái lãng mạn, rất con nít, thích đùa giỡn, chinh phục, hành hạ phái nam trong sự giao thiệp. Margaret làm cho tất cả những người đàn ông gặp nàng đều tưởng nàng thiết tha với họ.

Trong một buổi gây quỹ từ thiện, nàng cùng một người bạn trai đã biểu diễn một màn vũ khiêu gợi, hấp dẫn làm tất cả giới bảo thủ trong tỉnh phản đối và xa lánh nàng. Hội Junior League xóa tên nàng. Điều này đã làm Margaret và ông thân sinh cho đến chết cũng không bỏ qua được. Khi phim *Gone With The Wind* ra mắt lần đầu tiên tại Atlanta, Junior League tổ chức một dạ vũ vĩ đại để vinh danh Margaret, nhưng nàng từ chối không tham dự.

Có nhiều lúc Margaret muốn trở lại đại học. Nàng tin có thể học được môn vẽ trang trí, kiểu mẫu, viết truyện ngắn, nhưng vẫn lần lữa, không thực hiện. Margaret đọc sách rất nhiều. Mỗi khi ra khỏi thư viện nàng mang cả một ôm sách trong tay và đọc ít nhất hai quyển gần như mỗi ngày. Ở tuổi 21, nàng đã đọc hết những sách về lịch sử miền Nam tại thư viện Atlanta. Margaret viết nhiều thư than thở và tự thú với bạn rằng ba năm, 1919-1921, là những năm chẳng có gì vui thú. Nàng xấu hổ vì sự không thành công và lo lắng cho tương lai bấp bênh. Không có sự chỉ dẫn khôn ngoan, khéo léo của bà mẹ, Margaret đã lúng túng trong địa vị của một phụ nữ trẻ, chưa lập gia đình. Tuy nhiên, ảnh hưởng Thiên Chúa giáo, nàng nghĩ tới tội lỗi và nguy hiểm trong vấn đề tình dục, nên vẫn giữ được sự trong trắng cho đến ngày có chồng.

Thế rồi cuối năm 1921, Margaret đã gặp John Marsh lúc đó 26 tuổi. John đang là một phóng viên cho một tờ báo trong tỉnh. Tính tình chàng điềm đạm khác hẳn sự sôi nổi của nàng. John sinh trưởng trong một gia đình trí thức, thanh đạm tại Maysville, Ohio. Thân phụ của John là nhà giáo, học luật, có hăng địa ốc, bảo hiểm và sau cùng là chủ bút của một tờ báo trong 20 năm. Nhưng ông qua đời khi John mới chín tuổi. Thân mẫu của John từ đó đi dạy học để nuôi năm đứa con, mẹ già, bà cô và em trai. Vài năm sau, bà trở thành hiệu trưởng. Bà là người ngoan đạo, thích nhạc, sách, đưa các con đi nhà thờ mỗi sáng Chúa nhật và dạy dỗ con cái chu đáo.

Vừa viết báo vừa đi học, John tốt nghiệp Đại học Văn Khoa và Khoa Học Kentucky với bằng Cử Nhân Văn Chương và Anh ngữ, năm 1916. Chàng được nhận dạy Anh văn tại đại học này. Cũng như nhiều thanh niên khác, John gia nhập quân đội theo lời kêu gọi của tổ quốc đang lâm thế chiến thứ nhất. Chàng đã chuyển đi Anh, đi Pháp làm việc tại văn phòng của nhà thương. Năm 1919, John trở về nước làm việc cho một tờ báo tại Lexington, Kentucky. Năm 1920 chàng tới Atlanta và làm phóng viên cho Daily Georgian.

Khi John gặp Margaret là lúc chàng đang thành công, hăng hái làm việc, có tiếng tốt. John tự tin, lạc quan với tương lai. Trong khi đó, tuy là một phụ nữ mới, "nổi loạn" trong các cuộc vui, cả tình biết tên,

Margaret có nhiều mặc cảm, bi quan về tương lai và cảm thấy chưa làm được việc gì có giá trị. Hai người khác biệt nhau cả về hình thức lẫn nội dung, nàng nhỏ bé, xấp xỉ 5', nặng 90lbs. Chàng cao lênh khênh, hơn 6' và gầy. Tuy nhiên, John đã chú ý tới Margaret từ phút đầu, đã yêu nàng từ cái nhìn thứ nhất. Margaret đẹp, trẻ trung và thật xinh xắn. Nàng cũng cảm phục John đứng đắn, lịch sự, không có những đòi hỏi thể xác. John đã trở thành một người bạn thông minh, một ông thầy, một người bảo vệ mà Margaret tín nhiệm. Nàng cho chàng xem tất cả những “sáng tác” từ thuở thơ ấu và mới nhất mà nàng chỉ viết cho vui, chưa ai được coi và chưa bao giờ gửi đăng báo. Với kiến thức văn chương, giáo dục cổ điển, với kinh nghiệm dạy học, viết báo, John đã chọn sách cho nàng đọc, đã cố vấn, chỉ dẫn Margaret rất nhiều trong các bài viết. Ngữ vựng của nàng tấn tới rất nhiều. Nữ văn sĩ tập sự sáng mắt, sung sướng mỗi lần chàng khuyến khích, nàng có tài và sẽ nổi tiếng một ngày nào.

Họ bị lôi cuốn bởi nhau, nhìn nhau đến mờ mắt và nói chuyện với nhau đến ù tai không biết chán. Nhưng Margaret vẫn gặp gỡ những người đàn ông khác mà John không dám ghen vì sợ mất nàng. Và, kẻ khác đó là Red Upshaw, một anh chàng tai tiếng, bỏ dở đại học, không nghề nghiệp, nhưng chịu chơi, đẹp mã, tán gái giỏi. Hắn đã quyết tâm quyến rũ thể xác nàng đến độ Margaret không thể cưỡng và chấp thuận lời cầu hôn để “giải quyết vấn đề.” Cha, anh, họ hàng hai bên nội ngoại của nàng và cả giới thượng lưu trong tỉnh phản đối. Ngày 2 tháng 9, 1922, đám cưới của Margaret và Red được cử hành ngay tại nhà của thân phụ nàng.

Song, Red Upshaw chỉ là một tên đào mỏ, la cà rượu chè be bét và say khướt khi trở về nhà mỗi đêm khuya. Cưới chưa được một tháng nàng đã muốn ly dị. Ba tháng sau, ông chồng bỏ đi mất đất. Không thích sống nhờ vào ông thân sinh, Margaret muốn tìm việc làm. Nàng than thở tất cả những vấn đề này với John, người đã đau khổ vì vẫn yêu nàng và giữ sự giao thiệp bạn bè với nàng. John đã kiếm giùm Margaret một chân viết báo, phóng viên cho tờ Journal mà sau này chàng cũng đổi tới làm việc tại đấy để được gần và giúp nàng trong việc làm. Thuở ấy, nữ phóng viên cũng là cái gì “khó coi, khó chấp nhận” trong một tỉnh nhỏ.

Vài tháng sau, bỗng Red Upshaw trở về Atlanta và Margaret lại cho chấp thuận cho hắn chung sống lại. Dù là con nhà khá giả tại North Carolina, Red vẫn không có việc làm và chỉ là một gã buôn lậu rượu, đầy mặc cảm, không tự tin, hung dữ, đánh đập vợ. Sau mỗi lần như vậy hắn lại bỏ đi một thời gian rồi trở về năn nỉ, xin lỗi. Lần cuối cùng, với thương tích đầy người, Margaret đã làm đơn ly dị, một vụ án ly hôn đầu tiên và là một tội lỗi thật to lớn trong dòng họ bên ngoại, đạo Thiên Chúa của nàng. Nhưng vẫn chưa hết, sau khi đi Florida dưỡng sức, nàng lại gặp gỡ ông chồng ly thân, trước sự bất bình của mọi người. John xin đổi đi Washington D.C. làm việc để khuất mắt hai kẻ đã làm khổ chàng.

Sự xa cách John đã làm cho Margaret cảm thấy thiếu vắng nguồn an ủi. Nàng chợt hiểu, chỉ có John mới chính là người yêu nàng vô điều kiện và nàng không thể sống xa chàng được. Nàng đã viết cho John nhiều thư liên tiếp và đi thăm chàng một tuần lễ tại D.C. Margaret cam kết sẽ bỏ Red Upshaw. John trở lại Atlanta làm việc cho tờ báo của công ty điện lực Georgia. Ly dị kết thúc tháng 10, 1924, Margaret làm lễ cưới với John tháng 7, 1925 tại nhà thờ.

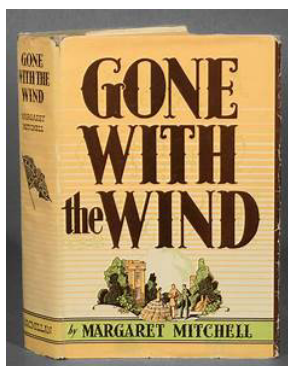
Margaret Mitchell và John Marsh bắt đầu cuộc sống với nhau trong một căn gác nhỏ, cũ kỹ. Nàng không đi đến tòa báo làm việc vì bị đau chân, nhưng vẫn viết bài cho tờ Journal. Tuy John làm việc cho hãng điện lực và viết báo thêm, họ vẫn rất nghèo, không có tiền đi xem phim, xem kịch, đi ăn tiệm và du lịch. Trước khi cưới, John đã đổ ra tất cả các thứ bệnh mà từ ngày yêu, đau khổ, lo cho Margaret, chàng đã quên thân mình và kiệt lực. Vì thế họ đã mắc nợ tiền bác sĩ, nhà thương quá nặng, phải trả dần hằng tháng. Bố vợ đề nghị giúp đỡ, John khẳng khái không nhận.

Họ giải trí với nhau bằng cách đọc lớn sách truyện cho nhau nghe, chơi ô chữ, chơi ghép hình và bắt đầu dự án viết truyện của Margaret. John mua cái máy chữ cũ kỹ và cái bàn nhỏ xíu cho nàng làm việc. Nơi họ ở mau chóng trở thành chỗ tụ họp đông đảo của các phóng viên nhà báo trong tỉnh. John chẳng bao giờ ghen vì Margaret có nhiều bạn trai hơn chàng và họ đến chơi cả trong lúc chàng đi làm chưa về. Vì thực ra nàng đã hoàn toàn ký thác cuộc đời và trung thành với chồng. John cũng ngưỡng mộ và chiều theo những ý thích của vợ. Nhưng nàng vẫn chỉ là người vợ trẻ, con nít. Dù John đã thuê người giặt quần áo, nấu ăn, nàng luôn luôn than nhức đầu, đau mắt, đau tai, đau răng, đau lưng tung đủ thứ để khỏi phải dọn dẹp căn gác cho gọn gàng, sạch sẽ. Dần dần, thân phụ nàng đã cho bà quản gia đến giúp con gái. Margaret bỏ viết cho tờ Journal và nói

rằng không cần tiền lắm. Tuy nhiên nàng vẫn than mất cá chân đau. Bác sĩ khuyên nàng trước khi quyết định mổ, hãy bó bột bàn chân và luôn giữ nó khỏi sàn nhà.

Mỗi ngày, trên đường về nhà, John ghé thư viện mượn vài cuốn sách cho nàng đọc và khuyên nàng nên viết một cuốn sách. John vẫn có hai việc. Sau việc thứ nhất, chàng đi thẳng đến sở thú hai và làm tới khuya. Thường Margaret vẫn để đèn sáng, thức chờ chồng. Tối hôm đó, khi về tới nhà, John thấy đèn đóm tối thui. Cô vợ trẻ nằm trên ghế bành dài khóc thút thít. Nàng than rằng cái chân bó bột đã làm nàng khó chịu, khổ sở. Ông chồng biết ngay đó không phải là lý do chính. Chàng đã lấy búa đập vỡ cái nạng bột bao chân vợ và nghe nàng kể lể rằng vừa nghe tin nhà văn nữ Frances Newman sẽ cho xuất bản một cuốn tiểu thuyết vào cuối năm. Chàng chợt hiểu, nàng đã nghĩ tới việc viết truyện của nàng không tiến triển. John đã lắng nghe Margaret than thở tối hôm đó, chàng thường về khuya, nhiều khi lên giường ngủ khò ngay chẳng thèm nói chuyện gì với vợ. Nàng cần có chàng đọc và cho biết ý kiến về những đoạn nàng đã viết. Chàng là người đọc nhất nàng tin nhiệm. Họ đã thường hạnh phúc trước khi cưới với những cuộc đàm thoại ấy mà bây giờ không còn nữa. Gần 26 tuổi, Margaret vẫn chưa làm được việc gì cả. Ôm nàng trong vòng tay và nghe tâm tình ấy, John hiểu rằng nàng có nhiều ý viết, nhưng không tự tin. Nàng cần chàng kiên nhẫn nghe nàng nói và bảo đảm về những đề tài nàng đã viết.

Từ đêm đó, John quyết định không mang sách về nhà cho nàng đọc nữa. Margaret phải viết một cuốn sách cho nàng. Chàng khuyên nàng nên viết lịch sử tiểu thuyết. Tại sao không bắt đầu bằng những gì nàng có thể viết hay nhất, diễn tả vai trò, những người đã sống sót qua nội chiến và vẫn nằm trong đầu óc nàng? Rồi sau đó để các nhân đó vật tự hành động, điều khiển ngòi bút.



Nghe John nói, Margaret lục lọi, tìm tòi, gom góp và đọc lại tất cả những đoạn nàng đã viết từ thuở còn đi học. Thế là *Gone with The Wind* được bắt đầu, năm 1926. Margaret bỏ rất nhiều công phu nghiên cứu, sưu tầm tỉ mỉ thổ ngữ của người da đen và các địa phương, địa danh, các cuộc giao tranh trong thời nội chiến để viết vào sách.

Mỗi tối đi làm về, John đọc, sửa chữa và cho Margaret biết ý kiến về những đoạn Margaret viết được trong ngày. Tuy cả hai liên tục bệnh hoạn, túng thiếu, chật vật và John rất bận về hai việc làm, những trang bản thảo dần dần cao, la liệt, bừa bãi quanh bàn làm việc trong phòng khách chật hẹp. Nhưng họ che đậy chúng trước những con mắt tò mò của bạn bè tới chơi. Biết nàng viết sách, nhiều người đòi xem cũng không được, kể cả cha và anh nàng. Margaret nói, nàng viết chỉ để giải trí và cho riêng vợ chồng nàng.

Cho tới năm 1935, một người bạn cũ của Margaret quyết tâm xúi dại diện nhà xuất bản Macmillan phải đòi đọc cho kỳ được sáng tác của nàng khi ông từ New York tới Atlanta. Lúc này, ông chồng nhà văn đã là chủ bút giỏi cho tờ báo của Công Ty Điện Lực, và luôn luôn tin tưởng vợ đã viết một cuốn sách hay, có giá trị. John khuyến khích vợ, cứ để nhà xuất bản coi bản thảo, nên sau nhiều lần từ chối, Margaret đã bằng lòng thu thập những đồng giấy sờn rách, bụi bặm, lem nhem, chưa có chương thứ nhất. Tác giả viết chương cuối đầu, chương đầu cuối. Vài đoạn được viết thành nhiều bản khác nhau.

Nhà xuất bản đọc bản thảo liền ngay trên tàu đi New Orleans. Càng đọc ông ta càng cho rằng đây là một tác phẩm tuyệt vời của miền Nam. Nhưng ông vẫn đưa cho một giáo sư Anh văn của đại học xem. Vị này khuyên nhà xuất bản phải giành lấy cuốn sách ngay lập tức, đừng để nó lọt vào tay người khác. Nó không những hay mà sẽ là một cuốn sách vĩ đại, bán chạy nhất. Nhà xuất bản đã nhanh chóng ký giao kèo với Margaret và gửi gấp lại cả một thùng bản thảo để nàng viết cho xong. Margaret và John cùng một thư ký đánh máy bắt tay vào việc liền. Nhưng, phải gần 6 tháng sau họ mới hoàn thành tác phẩm với 6 hay 7 bản khác nhau của chương đầu và độ 20 cái đầu đề. *Gone With The Wind* đã được chọn theo một câu thơ của Ernest Dowson, thi sĩ anh chết trẻ, cuối thế kỷ 19, mà Margaret rất ái mộ.

*I have forgot much, Cynara! gone with the wind,
Flung Roses, roses riotously with the throng,
Dancing, to put thy pale, lost lilies out of mind;
But I was desolate and sick of an old passion,*

*Yea, all the time, because the dance was long:
I have been faithful to thee, Cynara! in my fashion.*

Tính từ lúc khởi sự viết cho tới lúc đó nàng thú thực rằng đã phải viết đi viết lại ít nhất 30 lần toàn bộ tác phẩm. John bỏ tất cả thời giờ chàng có, để kỹ lưỡng sửa chữa ngữ vựng, văn phạm, cách chấm, phẩy, ngắt câu và lo các vấn đề kỹ thuật cho cuốn truyện. Vị chi nó đã được viết trong hơn 10 năm.

30 tháng 6, 1936, *Gone With The Wind* với 400,000 words, dài 1037 trang, đã chính thức được phát hành. Có một vài chỉ trích vớ vẩn như đó là truyện của các bà nội trợ, không thông minh; Margaret Mitchell không phải là một nhà văn thực thụ, không phải tác giả mà là John Marsh, chồng nàng; Margaret không luộc nổi một quả trứng, hay làm lấy được một bữa ăn sáng; một vài xách động yếu ớt chẳng làm xứt mẻ tác phẩm và tác giả, như kỳ thị dân da đen, miệt thị đàn bà miền Nam. *Gone With The Wind* vẫn bán chạy như tôm tươi. Cuốn sách được coi như có giá trị nhất, bán nhiều nhất trong một thời gian ngắn, của lịch sử văn chương Hoa Kỳ.

Tháng đầu tiên sách được in ra 201 ngàn cuốn. Tháng thứ ba lên tới 526 ngàn, tháng thứ sáu một triệu. Tác giả được trả 10% của 25 ngàn cuốn sách đầu tiên và 15% của những số sau đó. Cho tới tháng 5/1946, ba triệu 713,272 cuốn *Gone With The Wind* được bán và 1,250,000 được dịch ra ngoại ngữ.

Tháng 4, 1937, Margaret Michell được trao giải thưởng American Booksellers Association Annual Award. Tháng 5, 1937, Margaret nhận được Pulitzer Prize, giải văn chương cao quý nhất của nước Mỹ và *Gone With The Wind* được ca tụng ngang hàng với *War and Peace* của Tolstoy. Dù nổi danh như sóng cồn, Margaret không thích xuất hiện trong các buổi ra mắt và ký sách. Mỗi cuốn sách có chữ ký của nàng được bán với giá chợ đen 20 đô la. Trong ba năm liền, *Gone With The Wind* ở trong danh sách những tác phẩm bán chạy nhất.

Cuốn sách được tái bản ít nhất 185 lần và dịch ra 27 ngoại ngữ, dù bị Nazi Đức, và Cộng Sản Nga tẩy chay, cấm luân lưu. Margaret Mitchell và John Marsh đã tranh đấu quyết liệt với bộ ngoại giao Hoa Kỳ để can thiệp và bảo vệ bản quyền tác giả ngoài thị trường dịch thuật quốc tế mà từ trước đó tới năm 1954 nước Mỹ đã không có. Sau khi em gái và em rể qua đời, Stephens Mitchell đã tiếp tục và thành công trong sứ mạng đó.



Gone With The Wind được nhà làm phim mua bản quyền với 50 ngàn đô la (năm 1936) từ khi còn là bản thảo. Hãng phim phải mất hai năm mới kiếm được nữ tài tử Anh, Vivien Leigh thích hợp tuyệt vời với vai Scarlett O'hara. Clark Gable, tài tử thượng thặng, đắt giá và được yêu chuộng nhất, đóng vai Rhett Butler, Olivia De Havilland trong vai Melanie O'Hara. Scarlett mang rất nhiều nhân tính của Margaret Mitchell. Rhett Butler là hiện thân của cả ông nội Margaret, của John Marsh và Red Upshaw. Melanie dịu dàng nhân hậu giống như bà mẹ của tác giả.

Phải làm việc thật lực ráo riết bốn năm nhà sản xuất mới hoàn thành *Gone With The Wind*, một cuốn phim vĩ đại nhất từ trước tới lúc đó. Dù được tha thiết yêu cầu, Margaret Michell từ chối không chịu giúp đỡ hay có ý kiến gì trong việc dựng phim này vì lý do sức khỏe và nhiều trách nhiệm.

Ngày khánh thành phim, 12/15/1939 tại Atlanta, có Clark Gable, Vivien Leigh, Olivia De Havilland và 2000 khán giả, trong số 60 ngàn, mua được vé với giá \$10. Thuở đó, dân số Atlanta có 300 ngàn mà 650 ngàn người đã chen chúc nhau trong biển người để được nhìn thấy tác giả, các tài tử và các nhân vật quan trọng đến tham dự buổi ra mắt đầu tiên của cuốn phim dài 160 ngàn feet, tốn \$4,085,900 chi phí. Vì sự thành công quá mức tưởng tượng của *Gone With The Wind*, nhà làm phim đã tặng tác giả thêm 45 ngàn đô la nữa.



Trường đại học năm xưa mà Margaret chỉ học có một năm thì bỏ dở, Smith College đã tặng nàng bằng Cao Học Văn Chương Danh Dự. Trong khi thành công tuyệt đỉnh như vậy, Margaret Mitchell tuyên bố không bao giờ muốn sáng tác nữa, nàng không thích viết về người, về cuộc sống ngoài xã hội. Nàng đã dùng thời

gian còn lại trong đời để tự viết cả ngàn cái thư trả lời độc giả, kể cả vài kẻ chỉ trích, châm chọc, dù John Marsh và những nhà văn nổi tiếng đi trước khuyên can. Ngoài ra, nàng cũng rất bận tâm hằng ngày thăm nom ông thân sinh bệnh hoạn trong nhiều năm trời ròng rã trước khi qua đời.

Trong thế chiến thứ hai, nàng đã tình nguyện làm việc với Hội Hồng Thập Tự, vá, mạt quần áo, vớ, bao tay, khâu khuy đứt cho binh lính, tự đóng thùng và gửi đi nhiều quà tặng cho nạn nhân chiến tranh tại Âu châu. Nàng đã viết thư thăm hỏi các tù nhân và mở một chiến dịch gây quỹ lạc quyên \$35 triệu để làm lại con tàu Atlanta bị đánh đắm. Nhưng cái quỹ đã lên tới \$65 triệu để làm được hai cái tàu.

Tuy nhiên, sức khỏe của Margaret và John rất yếu kém. Chàng như một ông bầu, ngoài việc làm ở sở, dành hết thời giờ, lo tất cả mọi vấn đề thương mại, tài chánh liên quan tới tác phẩm *Gone With The Wind* cho vợ. Nhiều lần John lâm bệnh tim nguy ngập. Và, họ vẫn tiếp tục tranh đấu cho bản quyền của tác giả Hoa Kỳ trước thế giới. John và Margaret không có con, nhưng *Gone With The Wind* là đứa con tinh thần độc nhất, xuất chúng của họ.

Thế rồi, một buổi chiều tháng 8 năm 1949, John còn đang trong tình trạng dưỡng bệnh, Margaret Mitchell đã lái xe đưa chồng đi xem xi-nê. Nàng cẩn thận ngó hai hướng xe cộ ngược xuôi trước khi nắm tay chồng qua đường để sang rạp chiếu bóng. Nhưng bất ngờ một xe taxi phóng tới, Margaret buông tay John và lùi lại. Cái xe taxi của xế say rượu đã đâm thẳng vào nhà văn nữ nổi tiếng nhất Hoa Kỳ thuở đó. Bà đã từ trần sáu ngày sau, 16 tháng 8, năm 1949. Hưởng dương 49 tuổi. Tổng thống Truman đánh điện chia buồn. Cả thành phố Atlanta ngưng làm việc ba phút mặc niệm trong khi tang lễ được cử hành. Nhiều ngày sau, đoàn người còn nối tiếp nhau xếp hàng đi qua và nghiêng mình trước nơi an nghỉ cuối cùng của tác giả *Gone With The Wind*, được đặt bên cạnh mộ thân phụ, thân mẫu và một phần đất trống dành sẵn cho chồng bà sau này.

Sau sự qua đời bất ngờ của vợ, John Marsh nói, "*Tôi tưởng đã được sống thêm vài năm để săn sóc nàng. Giờ đây, những tia sáng của đời tôi đã mất.*" Ông tiếp tục sống cô đơn, lặng lẽ với thói quen hằng ngày nhìn ngắm hình ảnh bà vợ quá cố. Bốn năm sau, một đêm tháng 5 năm 1952, sau khi đi thăm những bông hoa Iris màu tím vàng, đẹp tuyệt trần huyền diệu, được đặt tên Margaret Mitchell, đang nở trong vườn nhà một người bạn, John Marsh khép mắt từ trần và ra đi tìm gặp người vợ yêu quý nơi thiên thu, vĩnh cửu.

Frank Daniel, một tác giả thời đó viết, "*Chỉ một người trên cả hoàn cầu có thể viết được Gone With The Wind. Sự bình dị, trung thành và tình yêu đã cấu tạo Gone With The Wind.*"

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

(Trích trong tập truyện "*Một Thoáng Mây Bay*" 2001)



Vàng Hồng Sắc Cờ

Thơ : Triều-Nghi
Nhạc : Nguyễn Tường-Vân

The musical score is written on a single staff in treble clef, with a key signature of three sharps (F#, C#, G#) and a 2/4 time signature. The melody is simple and melodic, with a range of approximately two octaves. The lyrics are written below the staff, with line numbers 4, 8, 11, 15, and 19 indicating the start of each line of music. The lyrics are in Vietnamese and describe a scene of a garden and a battlefield.

Vườn nhà anh luống cải vàng bông, vàng khơi nổi
nhớ, vàng hong sắc cờ . Tháng Tư buồn, hồn bỗng đại
khờ, Ba mươi năm đó, còn ngờ chiêm - bao, Ba-mươi năm
đó còn ngờ chiêm bao . Tàn y một mảnh chiến
bào, đã trảng se cát thưở nào đó anh . Vườn nhà
anh có nắng vàng hanh, Hồn tôi cải úa một cành hoa

22
khô, Hồn tôi cái úa một cành hoa khô . Hằng

26
mong kẻ ở đôi bờ, Người đi xóm Hạ, tôi chờ thôn Đông

30
Bao giờ cái lại vàng bông, cho vàng nổi nhớ mà hong sắc

34
cờ cho vàng nổi nhớ mà hong sắc cờ . Bát canh

38
cái ngọt lời thơ, tôi chan nước mắt mặn bờ nhân gian

42
. Tháng Tư buồn cây cải úa vàng, Ngắm trăng hạn sử, bàng hoàng con

46
đau xót xa đất nước hạn sâu mang -mang- -! - -

Chuyện Buồn Thế Kỳ

Đời tặng cho nhau nỗi đau vô hạn,
Ôi bể bàng nhìn thế sự chịu nát tan
Cuộc hơn thua chưa vỡ lẽ đã tan hàng
Bao uất ức ghen ngào đành ngoảnh mặt.

Đầu đội trời còn chân thì đạp đất,
Người đâu rồi ta đứng lại mình ta,
Tráng sĩ mài gươm dưới ánh trăng tà,
Bên dòng suối thời gian trôi đầu bạc.

Gác thanh kiếm, ôi!... lòng buồn man mác,
Miếng chinh y rách nát treo bên tường,
Những tháng năm diệp bích thay gương,
Đời khô đét không còn rơi nước mắt.

Cạn chén rượu cay cho lòng say khướt
Còn gì đâu để mắng nhiệt mất hơi,
Chẳng cần buông tay than thở trời ơi,
Trời đã sập - đất xem như đã lún...

Chí đã vun ước mơ đời trót muốn...
Tự ngàn xưa "chinh chiến cổ lai hy"
Tàn cuộc chưa, sao kẻ ở người đi
Ta chúc cạn những ly sầu rồi đập vỡ.

Đời ! còn mãi mắc nhau món nợ
Dẫu có đời há dễ trả được chẳng
Những bạn xưa, thân xác đã yên nằm,
Nơi bờ tre, đồi xanh hay bìa rừng, ngọn suối...

Ta bây giờ thân già còn ngấp ngoải
Thì thay lời xin kể chuyện tích xưa
Tóc hoa râu thành cổ thụ cuối mùa
Chuyện thế sự làm trò đùa nhân thế!

Kể chuyện đời cùn với ngàn nỗi đau tàn phế
Chợt bật cười, ràn rụa mắt cay cay!

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt

Một Đời Lưu Lạc

"Bao năm lưu lạc đời đây đó,
nhớ về chốn cũ hồn mang mang."

Mấy mùa én nhọn bay rồi nhỉ
Lưu lạc chân trời, nhớ biển xa
Chốn cũ thành xưa vào huyền tích
Đầu sông - góc núi... bóng nguyệt tà.

Đêm dài sương lạnh buồn u tịch
Áo cừ xứ tuyết gội phong ba
Kinh Kha tráng sĩ hề ... sông Dịch
Nghiêng chén sầu bi hề ... quan hà...

Ngựa trót thẳng yên, chùng tay kiếm
Sa trường chiến địa... đã kinh qua
Hồn thiêng tử sĩ... hề cung tiễn...
Thiên thu trường hận... há chi là...

Đao gươm... theo bước đường lưu lạc
Lên núi, băng rừng, vượt biển sâu
Được mấy người đời non lấp biển
Xây lên cơ nghiệp để ngàn sau....

Bát cơm giữa chợ thời độ nhật
Mặt trắng thành danh, tiếng nước thơm
Mà vạn năm cơm bà "phiếu mẫu"
Ai người nâng chén... ai dâng hương!

Lòng chạnh thức thao dòng thơ nhỏ
U uẩn thâm sâu giếng lối về
Dĩ vãng cơ hồ như bí tích
Bước đi... từng chặng... bước nhiều khê.

May-15-2009

Hạ Thái Trần Quốc Phiệt



NGƯỜI BẠN THỜI CHINH CHIẾN

Truyện ngắn của PHƯƠNG-DUY

John là một trong những người bạn của tôi. Anh là một USMC, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ, tham gia chiến trận tại Vùng I Chiến thuật thời gian 1967-1968. Thời đó tôi chỉ mới là Trung úy bộ binh, giữ chức vụ Đại đội trưởng trong một đơn vị bộ binh của Quân lực Việt-Nam Cộng Hòa.

Một ngày gần Tết năm 1967, sĩ quan cố vấn đơn vị của tôi là Thiếu tá James Watt mời tôi vào dùng bữa ăn tối tại Câu lạc bộ Sĩ quan Hoa Kỳ. Tại đây tình cờ tôi và John quen nhau.

Thiếu tá Watt là người đồng hương Virginia với John nên hai người thân với nhau khi gặp lại nhau tại vùng địa đầu hỏa tuyến.

John nói chuyện với Watt khi cùng ngồi ăn với chúng tôi:

- Cậu làm cố vấn cho đơn vị Việt-Nam, cậu xem có người nào biết tiếng Pháp nhờ dịch giùm lá thư tôi đã viết đây, tôi rất cần để gửi về Mỹ.

Watt cầm lá thư John viết bằng Anh ngữ đọc và mỉm cười. Watt nhìn tôi. John ngạc nhiên khi thấy Watt nhìn tôi hai ba lượt mà chẳng nói một lời nào.

John nôn nóng hỏi Watt:

- Cậu nhận giúp tôi không thì nói, sao cứ mỉm cười và im lặng vậy? Yes or No ?

Watt không trả lời trực tiếp cho John mà lại nói với tôi:

- Nguyễn, bạn hãy trả lời cho John ngay đi.

Tôi chưa kịp nói. John nôn nóng chặn họng tôi ngay:

- Bạn biết tiếng Pháp hả?

Bây giờ Watt mới thủng thẳng nói:

- Thư tình mà viết bằng tiếng Pháp thì “romantic” lắm, mà do “thầy” viết nữa thì khỏi lo người đẹp không cần câu!

Watt chuyển lá thư cho tôi đọc. Trong lúc John nhìn tôi chòng chọc. Tôi muốn chọc ghẹo John nên giả bộ đọc chậm và suy nghĩ, cố ý “câu giờ”. Một lúc sau tôi mới nói với John:

- Yes. Tôi giúp bạn ngay tại chỗ không cần chờ đợi. Hãy tìm giấy và bút để tôi viết hộ.

Watt lại cười. John mừng rỡ đi lấy giấy bút.

Chúng tôi nâng ly rượu wine để chúc mừng John may mắn.

Sau lá thư tình đó, John cho tôi biết “có effet lắm!” nên cứ nhờ Watt rủ tôi đi ăn ở Câu lạc bộ Sĩ quan dài dài để dịch ra Pháp văn những lá thư tình tiếp theo.

Năm 1972, Quân đội Hoa Kỳ lần lượt rút khỏi Việt Nam, John và tôi mất liên lạc nhau khi Thiếu tá Watt đã về Mỹ trước đó một năm.

Năm 1991 tôi sang định cư tại Mỹ, Watt vẫn ở tiểu bang Virginia, hỏi dò tin tức qua các cựu quân nhân Việt Nam nên liên lạc lại với tôi. Bây giờ anh ta đã về hưu nhiều năm rồi sau khi lên đến “Full Colonel” mang “một con Ó bạc” với nhiều hàng huy chương trên ngực.

Tiếp sau đó, năm 1994, tôi nhận một thiệp “Chúc Tết Việt Nam” và lá thư viết rất dài của gia đình John.

Newark, Virginia ngày 15 tháng 1 năm 1994

Nguyễn thân mến,

Joséphine và tôi cùng các cháu James và Liz gửi lời chúc tốt đẹp nhất cho một Năm Mới “Tết Việt Nam” kèm theo lời chân thành cảm ơn đến “ông Thầy” Nguyễn.

Cho đến ngày hôm nay gia đình chúng tôi được vui vẻ hạnh phúc là nhờ những lá thư viết bằng tiếng Pháp rất bay bướm mà bạn đã giúp tôi “tán gái” rất hiệu nghiệm.

Joséphine cứ nhắc đến bạn luôn. Và những lá thư tình này vẫn được Joséphine cất giữ, như cất giữ hột xoàn kim cương vậy.

Nàng là người Mỹ mà tổ tiên là người Pháp nên khi đi học nàng ghi danh học thêm ngôn ngữ Pháp. Vì thế những lá thư tôi gửi cho nàng, theo ý nàng rất “romantique từ chiến trường Việt Nam”, đã thắng những lá thư của những chàng trai Mỹ ở Mỹ viết “tán” nàng bằng tiếng Chú Sam!

Khi biết miền Nam Việt Nam rơi vào tay Vi Xi ngày 30 tháng 4 năm 1975, tôi rất buồn cho những người bạn thời chinh chiến như Nguyễn. Tôi theo dõi tin tức qua báo chí, truyền hình, truyền thanh... biết các bạn vào các concentration camps làm việc rất khổ cực trên những vùng núi rừng đầy nguy hiểm và bệnh tật vì tôi có dịp biết nhiều vùng núi rừng ở Việt Nam khi sang chiến đấu bên đó. Sau biết các bạn, một số được sang định cư tại Hoa Kỳ, nên chúng tôi cầu nguyện cho bạn được nằm trong số gia đình may mắn đó. Tôi nhờ đến Watt nên biết địa chỉ của bạn và hy vọng lá thư này sẽ đến tay bạn nhân dịp bạn đón Tết Việt Nam năm nay.

Tôi muốn kể cho bạn nghe câu chuyện của một người bạn “anh hùng” của đơn vị USMC chúng tôi đã hy sinh vì Tổ quốc Hoa Kỳ và lý tưởng yểm trợ VNCH của bạn:

Gonzalez nhập ngũ USMC, Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ, vào tháng 5 năm 1965 sau khi vừa tốt nghiệp trung học. Mong ước lớn lên cậu sẽ trở thành một quân nhân phục vụ USMC khi cậu mới là cậu bé, theo lời kể lại của mẹ cậu là Dolia Gonzalez sống ở Edinburg, Texas. Thường thường lúc xem những phim chiến trận do tài tử John Wayne đóng, cậu Gonzalez ước ao “Someday I’m going to be a Marine just like that.”

Sau thời gian huấn luyện quân sự, Gonzalez được đưa sang phục vụ tại Việt Nam, chiến đấu thời hạn một năm (1966- 67).

Thời gian sau, Gonzalez xin trở qua phục vụ tại Việt Nam ở đơn vị Đại đội Alpha, 1/1. Tháng Giêng năm 1968, xong nhiệm vụ ở Cồn Thiển dọc theo vùng giới tuyến 17 DMZ, anh theo đơn vị về đóng ở phía nam của tỉnh lỵ Quảng Trị. Trung sĩ Gonzalez là Trung đội trưởng trung đội 3 được lệnh dời về vùng Phú Bài, gần thành phố Huế, một đêm trước đêm Việt cộng (VC) tổng tấn công Tết Mậu Thân tại Thừa Thiên, Huế. Trung úy Ray Smith (sau lên Trung Tướng) thay sĩ quan Batcheller bị thương để chỉ huy đại đội. Trong thời gian ở Huế, Gonzalez bị thương hai lần do đạn súng đại liên và mảnh đạn bích kích pháo của VC. Trong một trận đụng độ với địch, khi thấy một đồng đội lái thiết giáp bị thương vì súng đại liên của địch cứ bắn xối xả, Gonzalez cố gắng bò đến cứu đồng đội bị thương đồng thời tìm cách tiêu diệt hỏa lực đại liên của địch bằng lựu đạn. Gonzalez thành công. Anh cố gắng cứu người lính bị thương, mặc dầu anh này nặng đến 170 “pounds”, đặt lên vai và chạy tìm chỗ ẩn, nhưng mảnh một quả “mọt-chê” của địch nổ làm Gonzalez bị thương. Anh vẫn cố gắng vác người bị thương đến chỗ an toàn cho y tá băng bó vết thương. Trực thăng cứu thương đến chở các người bị thương đi, y tá bảo Gonzalez hãy leo lên vì anh cũng bị thương nhưng anh nhường cho đồng đội trước vì anh còn nhiệm vụ chỉ huy. Những lần đụng trận nhiều ngày kế tiếp, Gonzalez lại bị thương. Vết thương ra máu nhiều, không cầm được nữa, anh từ từ lịm đi rồi trút hơi thở cuối cùng trong ngày Tết Mậu Thân tại mặt trận Huế.

Gonzalez tuy chỉ là hạ sĩ quan, cấp bậc Trung sĩ nhưng tại mặt trận đã thay thế cho Trung úy chỉ huy Trung đội này bị thương, để gặt hái thành tích: “tiêu diệt hai mươi địch quân trang bị súng B- 40 đang gây tang tóc cho dân Huế vùng chung quanh trường trung học Jeanne d’ Arc và khu Nhà dòng tọa lạc gần bờ Hương giang. Bọn

VC đã kiểm soát, giết chết nhiều quân nhân, công chức, thường dân đang ăn Tết ... cho đến khi đơn vị do Gonzalez trách nhiệm chỉ huy, đã nhổ sạch cái chốt giết người này để cứu nhiều người.

Theo tôi: Gonzalez là Anh Hùng của Nước Mỹ mà cũng là Anh Hùng của nước Việt Nam Cộng Hòa, phải không Nguyễn?

Năm 1969, bà mẹ của Gonzalez, Dolia Gonzalez, được mời đến Tòa Bạch Ốc ở Thủ đô Washington, DC để nhận huy chương cao quý nhất của Quốc Hội Hoa Kỳ "The Medal of Honor" do Tổng Thống Richard Nixon ký để Truy Tặng Gonzalez. Huy chương này do Phó Tổng Thống Spiro Agnew thay mặt Quốc Hội và thừa lệnh Tổng Thống trao tặng với bằng Tuyên dương Công trạng:

"For conspicuous gallantry and intrepidity at the risk of life above and beyond the call of duty while serving as Platoon Commander, Third Platoon, Company A, First Battalion, First Marine, First Marine Division, in the Republic of Vietnam. On 31 of January 1968, during the initial phase of Operation Hue City, Sergeant Gonzalez's unit was formed as a reaction force and deployed to Hue to relieve the pressure on the beleaguered city. While moving by truck convoy along Route #1, near the village of Lang Van Lang, the Marine received a heavy volume of enemy fire, Sergeant Gonzalez aggressively maneuvered the Marines in his Platoon and directed their fire until the area was cleared of snipers. Immediately after crossing a river south of Hue, the column was again hit by intense enemy fire. One of the Marines on top of a tank was wounded and fell to the ground in an exposed position. With complete disregard for his own safety, Sergeant Gonzalez ran through the fire-swept area to the assistance of his injured comrade.

He lifted him up and though receiving fragmentation wounds during the rescue, he carried the wounded Marine to a covered position for treatment. Due to the increased volume and accuracy of enemy fire from a fortified machine gun bunker on the side of the road, the company was temporary halted. Realizing the gravity of the situation, Sergeant Gonzalez exposed himself to the enemy fire and moved his platoon along the East side of a bordering rice paddy a dike directly across from the hostile position with hand grenades. Although seriously wounded again on 3 February, he steadfastly refused medical treatment and continued to supervise his men and lead the attack. On 4 February, the enemy had again pinned the company down, inflicting heavy casualties with automatic weapons and rocket fire. Sergeant Gonzalez, utilizing a number of light antitank assault weapons, fearlessly moved from position to position firing numerous rounds at the heavily fortified enemy emplacements. He successfully knocked out a rocket position and suppressed much of the enemy fire before falling mortally wounded. The heroism, courage, and dynamic leadership displayed by Sergeant Gonzalez reflected great credit upon himself and the Marine Corps and were in keeping with the highest traditions of the United States Naval Service. His gallantry gave his life for his country."



Ngoài tấm huy chương cao quý, tên của Trung sĩ Gonzalez còn được đặt cho một trường tiểu học của thành phố quê anh: Edinburg vinh danh anh.

Năm 1993 Bộ trưởng Bộ Hải Quân John Dalton đã đề nghị đặt tên một tàu chiến DDG- 66 mang tên "USS Alfredo Gonzalez." Chiếc "guided missile destroyer" này năm 1995 đã được thân mẫu của Gonzalez "báp-tem" tên mới "USS Alfredo Gonzalez" trước sự chứng kiến của nhiều quan khách cao cấp tham dự.

Nguyễn thân mến,

Sở dĩ tôi kể cho bạn nghe câu chuyện của người “Anh Hùng Gonzalez” để bạn nhớ lại thời bạn, Watt và tôi, khi chúng mình còn trẻ đã theo tiếng gọi của “God, Duty, Country” của Quân lực Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ cũng như “Tổ Quốc, Danh Dự và Trách Nhiệm” của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa của bạn, chúng ta đã từng hành quân chung với đơn vị của Gonzalez.

Một lần nữa, gia đình chúng tôi chúc bạn “Bonne Année” (chữ của Joséphine đấy) trong lễ Tết Việt Nam và cảm ơn Bạn đã đọc lá thư dài của tôi.

Thân ái,

JOHN

Phương-Duy TRƯƠNG DUY CƯỜNG

(Trong tập truyện ngắn HAI TẤM THẺ BÀI do PHI-ANH xuất bản tại USA 2011)



Medal of Honor recipient Sgt Alfredo Cantu Gonzalez



(Nguồn: wikipedia)

THÁNG TƯ ĐEN

*Đau buồn tuyệt vọng tháng tư
Trông con không thấy phong thư nào về
Mẹ ngồi mòn mỏi ven đê
Luống khoai nương sẵn tái tê cuộc đời*

MẶC NIỆM CHIẾN TRANH

*Ôi tổ quốc!
Hỡi giang sơn!
Chiến tranh ly biệt
Tang thương con người
Vết đau mưng mủ cả đời
Cho ta mặc niệm một thời chiến tranh*

MIỀN TRUNG HỎA TUYẾN ĐỊA ĐẦU

*Miền Trung hỏa tuyến địa đầu
Nghe Ngọc Minh hát vết đau vẫn còn
Đổ từ trên đỉnh chon von
Xác thân vất vưởng gọi hồn năm canh
Xin người mặc niệm chiến tranh
Giang sơn tổ quốc ngọn ngành quê hương
Dưới trăng qua những đêm trường
Trong tay thanh kiếm phi thường Đặng Dung!*

Phan Khâm



Đọc tập thơ “MỘT THOÁNG CHIÊM BAO” của QUỲNH ANH

Tâm Minh NGÔ TĂNG GIAO



Một tập thơ với một trăm mười mấy bài thơ. Toàn là thơ “lục bát” vang đầy nhạc tính của thể loại thơ thuần túy dân tộc nghe thật thân thương. Quỳnh Anh đã sử dụng rất nhuần nhuyễn kỹ thuật làm thơ để trải lòng mình thành những vần điệu lai láng.

Đúng như lời nhận xét của văn thi sĩ Hà Bình Trung: “Trong thi tập này tất cả thơ đều theo thể lục bát, có bài chỉ 2 câu, có bài 4 câu ở phần đầu tập. Quỳnh Anh đã biết rõ chính mình, biết ưu điểm của mình là thể thơ lục bát. Có thể nói độc giả chỉ việc mở sách ra, chọn bất cứ một bài nào, bất cứ đoạn nào trong thơ, bất cứ hai câu nào trong thơ, là thấy ngay thi phong nghiêm chỉnh, từ ngữ thật xúc tích, vần điệu nhịp nhàng, có đoạn đọc lên, tự thấy cảm xúc, muốn chia sẻ nỗi buồn thương của tác giả, người chỉ một niềm nhớ về hình ảnh ‘người trong mộng’, và chỉ mong gặp nhau trong giấc mơ dù chỉ là ảo mộng... cách gieo vần thật chỉnh và khéo, với những từ hòa hợp âm điệu với nhau, ít khi phải dùng tới vần thông, vần ép, mà luôn luôn tìm chính vận, một cách rất công phu.”

*

Trên đời chẳng ai có thể chạy trốn được con tim mình nên có lẽ cách hay nhất là hãy lắng nghe chính tiếng lòng đó. Chấp nhận quan niệm này nên Quỳnh Anh tâm sự về cuộc tình tan vỡ của mình một cách chân thành, không giấu giếm, không làm dáng. Kể từ lúc chia tay nhau tiếng sóng đưa người tình ra đi vẫn mãi còn dập dình, vỗ về vào đôi bờ thương nhớ, mãi âm vang trong tâm hồn người ở lại bến cũ:

*Ngẩn ngơ tiếc chuyển sang ngang
Con đò rời bến lúc chàng xa tôi
Tiễn đưa chẳng chén li bôi
Cũng từ ngày ấy lòng tôi ngỡ ngàng
(Chuyển đò ngang)*

Mối tình đầu đầy hoa mộng từ thuở còn cắp sách đến trường trong tuổi hoa niên đó tuy dang dở nhưng vẫn mãi còn dâng đầy thương yêu đến khó quên:

*Trả em chiếc nón nghiêng vành
Những chiều tan học nắng hanh hoe vàng
Mộng ngày xanh đã lờ làng
Tìm đâu cho thấy thiên đàng ước mơ
(Chưa vừa nhớ thương)*

Thoạt tiên vương vấn trong làn hương tình thuở xa xưa là những lời hờn dỗi pha lẫn trách móc:

*Làn hương quyện với hơi may
Người đi vì chút mê say mộng vàng
(Hương xưa)*

Rồi theo với thời gian trôi đi, lời thề thốt ngày nao cũng chấp cánh bay xa. Người ở càng thấm thía cảm nhận thêm được men cay đắng của chén rượu tình, tuy đã “xa mặt”, dù đã “cách lòng”:

*Thề xưa thì đã dối gian
Chỉ còn giữ được vô vàn tái tê
(Rượu đắng)*

*Thề xưa nước chảy chân cầu
Nghìn trùng ngăn cách tìm đâu bóng người
(Nghìn trùng)*

Lửa tình tuy đã tắt nhưng sao tro tình vẫn còn mãi âm ỉ trong lòng người:

*Bao năm xa cách mất rồi
Người đi hạnh phúc lứa đôi ngọt ngào
Người ở lại dạ nao nao
Đợi chờ vô vọng ngày nào chốn xưa
(Chút tàn tro)*

Trong nhung nhớ và khổ đau dâng tràn người ở lại chốn cũ đôi lúc tự nhủ lòng hãy cố mà nuốt đi những dòng lệ than thân tủi phận của mình, cố mà đoạn tuyệt hẳn với dĩ vãng:

*Tại sao nước mắt đôi dòng
Tại sao cứ mãi để lòng nát tan
Tại sao cứ mãi than van
Tại sao không nuốt lệ tràn vào tim
(Nuốt dòng lệ tủi)*

Nhưng sao khó mà nguôi đi. Để đâu quên được nỗi thương đau mãi in hằn trong tim cô. Thời gian tuy đã in dấu trên mái tóc nhưng chẳng thể là phương thuốc nhiệm màu để hàn gắn vết thương lòng. Phải chăng “chính trong màn đêm đen tối giăng mắc trên bầu trời mà có người lại nhìn thấy ra được những vì sao đẹp đẽ”. Vì thế mà hình ảnh người xưa vẫn chập chờn ẩn hiện:

*Tóc xanh đã nhạt phai màu
Tình xưa bọt nước chân cầu tan mau
Đã đành mình chót mất nhau
Nhưng sao vẫn thấy thương đau thế nào
(Chưa nguôi thương nhớ)*

Tới một lúc nào đó người ở lại đã ngậm ngùi cảm nhận ngay được sự thật đắng cay là có lẽ chỉ riêng mình mang nỗi nhớ thương với mảnh tình đã tan nát:

*Người đi để lại cuộc tình
Tương tư chỉ có một mình ta thôi
(Ngậm ngùi)*

*Sao đành trong kiếp nhân sinh
Riêng mình giữ mãi mảnh tình nát tan
(Mảnh tình)*

Nhưng tình yêu thật khó mà lý giải, khó mà định nghĩa. Giận thì cứ giận, nhưng có lẽ thương thì vẫn thương. Rừng thu cứ rụng lá. Muôn hoa cứ héo tàn. Nhưng sắc màu của lá, hương thơm của hoa, nhất là lá hoa tình ái thời cứ còn vương vất mãi:

*Thề xưa chót lưỡi đầu môi
Nhưng sao tôi vẫn bồi hồi ngẩn ngơ
(Lá thu rơi)*

Người ở lại đành ru hồn vào những giấc chiêm bao và đem tâm sự dệt thành những vần thơ sầu mộng quện trong dòng lệ âm thầm chảy. Thi ca từ lâu quả thực đã trở thành một cuốn “từ điển” về những nỗi khổ đau của con tim:

*Từ khi đôi lứa đôi bờ
Thả hồn cõi mộng thả thơ cõi sầu
Tháng năm trôi nước qua cầu
Trời mây xanh ngắt một màu buồn tênh
(Khóc thầm)*

Kể từ đó người ở lại đắm chìm trong “thú đau thương”, thả hồn mình trong cõi mộng, trút đầy tâm sự vào thơ hầu mong tìm lại hình bóng cũ. Thất vọng với tình đời con người thường quay về với tình thơ:

*Chút tàn hương mộng phiêu pha
Ta đem góp lại giao hòa câu thơ
(Chút tàn hương)*

*Tìm người không biết tìm đâu
Tìm trong trang giấy thơ sầu buồn tênh
(Thơ sầu buồn tênh)*

Để gì tìm lại được những ngày xưa tươi đẹp với cuộc tình đôi lứa từng ướp đầy hương xuân. Dòng thơ sầu do đó hầu như bất tận:

*Nghìn trang giấy trải nỗi niềm
Để trong cõi mộng tìm miền xuân xưa
(Miền xuân xưa)*

Tưởng ai cũng mang tâm trạng rã rời như mình nên khi đi du lịch phương xa cho khuây khoả tâm hồn nhà thơ nhìn pho tượng người cá mỹ nhân “The Little Mermaid” ở Copenhagen, Đan Mạch mà tự cảm nghĩ rằng pho tượng vô tri kia chắc cũng quặn quại vì cảnh chia ly như chính mình:

*Ngậm ngùi ước sống bờ mi
Khóc bao nhiêu cuộc chia ly não lòng
Tiếc ân tình cũ rêu rong
Đã theo dòng nước long đong tháng ngày
(Mỹ nhân ngư)*

Bước chân tới những nẻo xa xăm khác cũng chẳng tìm được an lạc trong tâm hồn. Nhìn chiếc cầu gãy đổ nhân một lần viếng thăm “The Broken Bridge” ở Tây Hồ, Hàng Châu bên Trung Quốc nhà thơ cũng than thở:

*Lững lờ con nước xuôi giòng
Cầu thì đã gãy lòng thì nát tan
(Chiếc cầu đổ gãy)*

Khi viếng Tử Cấm Thành, Bắc Cung, nhà thơ cũng lại thốt lời thở than giùm cho kiếp sống cô đơn của người đẹp trong cung cấm thời đại lịch sử xa xưa:

*Ngôi cao thăm thẳm cửa trùng
Để cho lòng thiếp nảo nùng tháng năm
Đông về giá buốt lạnh căm
Xót lòng cô phụ dăm dăm ngóng chờ
(Nỗi sầu cung cấm)*

Nhân một chuyến viếng thăm Hoa Thanh Cung, thành Tràng An, cố đô của Trung Hoa, đời nhà Đường, nhà thơ lại một lần nữa thốt lời xót thương cho kẻ “đồng hội đồng thuyền” với cảnh tan vỡ của chính mình. Thật quả là “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”:

*Dương Quý Phi, ta thương nàng
Nghìn xưa nàng đã vỡ vàng đón đau
Tưởng rằng mãi mãi bên nhau
Biết đâu tình chẳng trước sau muôn đời
(Hoa Thanh Cung)*

Nhà thơ nhìn ngắm thiên nhiên, nhìn cỏ cây hoa lá, nhìn đâu đâu cũng chỉ bằng con mắt sầu cảm, bằng cái tâm buồn bã vàng vọt như màu lá thu:

*Lá vàng héo úa tàn phai
Cho thu hiu hắt cho dài nhớ thương.
(Thu vàng)*

Nỗi niềm khắc khoải của mối tình trần gian chập chờn hằng đêm. Nhà thơ muốn gửi tâm sự mình theo mây trời phiêu lãng trong giấc mộng phù du lạnh lùng đơn chiếc:

*Dấu yêu thì cũng chia lìa
Cô miên thức giấc ô kìa mây bay
(Tình trần)*

*Lên đênh mây trắng bình bồng
Chiếu chẵn giá lạnh chữ đồng bẻ đôi
(Mộng phù du)*

Gửi tiếng lòng theo bóng Hằng héo úa trong mắt người sầu bi, quyến theo làn sương đêm lờ lững trôi đi:

*Ngậm ngùi thao thức với ta
Có vầng trăng úa la đà khói sương
(Xót xa)*

*Nhớ thương thì cũng bẽ bàng
Sương đêm giăng mắc theo làn mây trôi
(Hương xưa)*

Gửi nhíp đập yêu đương của con tim theo tiếng gió thổi than nơi bến chia ly bên dòng sông cũ khó quên, giờ này chỉ còn riêng lẻ một bóng hình chờ đợi trong cô quạnh:

*Thuyền em vẫn đợi bên sông
Đêm đêm nghe tiếng gió đông thổi dài
(Bến đợi)*

*Chân mây giá buốt lạnh căm
Nhớ dòng sông cũ xa xăm ngày nào
(Trúc đào vườn cũ)*

*Xót xa đành đoạ mất nhau
Bơ vơ bến cũ nao nao dạ sầu
(Bến cũ đợi chờ)*

Gửi hồn thơ theo âm thanh của những giọt mưa lê thê mùa Ngâu muôn đời âm hưởng một điệp khúc chia ly nào nề:

*Nỗi nhớ thương vẫn ê chề
Mưa ngâu rả rích lê thê giọt sầu
(Mơ giải ngân hà)*

Nhà thơ lần bước tìm về khu vườn xưa một thời từng giăng hoa ướp mộng nay đã bị tan tác. Tuy có than thở đấy nhưng vẫn thổ lộ tấm lòng son sắt thủy chung của riêng mình dù biết rằng tình này vô vọng:

*Giữ riêng một mối tình hờ
Bóng hình năm cũ dấu mờ chưa phai
(Vườn xưa hoa mộng)*

*Tương phùng giấc mộng héo hon
Chơ vơ phiến đá sắt son đợi chờ
(Hình ảnh mùa thu)*

Quả đúng như lời nhận xét của bạn thơ Nguyễn Thiên Thụy: “Độc thơ của bất cứ nhà thơ nào, chúng ta thấy nhiều mối tình thấp thoáng, ẩn hiện. Trái lại, trong thơ Quỳnh Anh, chúng ta chỉ thấy thủy chung một mối tình, một mối tình của thời con gái xa xưa...”

*Đã bao lần lá đổi màu
Mà lòng lưu luyến ban đầu khó phai
Vẫn chờ mong bước chân ai
Rộn ràng trong nắng ban mai rực hồng
(Niềm riêng u uẩn)*

*Đến bao giờ một buổi chiều
Nắng hồng quyện gió cánh diều lửng lơ
Cõi đời như thể cõi thơ
Cố nhân cùng với xuân mơ trở về
(Giấc mơ xuân)*

Nào có ai trở về đâu! Hoạ chẳng chỉ tìm thấy cố nhân trong vắn thơ. Rồi lại mong ước thơ trở thành hiện thực. Nhà thơ có lúc chợt tỉnh để nhận được sự thật phũ phàng về chút hương tình đã lạt phai của mình và từ đó chiêm nghiệm ra chân lý rằng tình duyên cõi tục trước sau chỉ là cái “nghiệp” mà thôi:

*Đã đành ước cũ vẫn vơ
Đêm đêm vẫn đợi người mơ trở về
(Chút tàn hương)*

*Trải qua những tháng năm dài
Biết người còn nhớ cùng ai ước thề
Sầu tình phủ kín sơn Khê
Nghiệp duyên dang dở ử ê cuối trời
(Vọng tưởng)*

Bèo hợp để rồi tan. Hoa nở để rồi tàn. Cảnh hợp tan, tan hợp thường diễn ra liên tục trong cuộc đời như bức tranh “vân cầu”. Thôi thì đành thăm mong sự hội ngộ trong một kiếp khác:

*Núi sông ngăn cách nghìn trùng
Thôi đành hẹn ước tương phùng mai sau
(Hẹn ước tương phùng)*

Kiếp này thời chỉ mong gửi lòng ước mơ đoàn tụ trong những thoáng chiêm bao dù đôi khi biết rằng đó chỉ là điều huyền hoặc, khó trở thành hiện thực:

*Tương phùng là chuyện trong mơ
Riêng mình thơ thẩn đợi chờ chiêm bao
Xa rồi ngày tháng xô xao
Của tình thơ ấy thừa nào mới quen
(Còn chút vấn vương)*

*Tình trần chót đã nhạt phai
Chỉ còn huyễn mộng ai hoài nhớ thương
(Lãng đãng thu sầu)*

Dù nhận chân rằng đó chỉ là ảo mộng nhưng sao nhà thơ vẫn mong tình trong cõi mộng sẽ tồn tại mãi mãi. Con tim một khi đã thấm đượm hương tình thật quả khó mà lý giải:

*Chẳng cùng chia nửa vầng trăng
Chia đôi gối mộng trăm năm miệt mài
Đường trần dẫu có chia hai
Tình trong cõi mộng chẳng phai không tàn
(Chia nửa vầng trăng)*

*Ước gì tình chẳng hư-hao
Để mình giữ được chiêm-bao mộng đầu
Để lòng không héo không sầu
Để tình không nhuộm sắc màu thời gian
(Màu thời gian)*

Đồng cảm với thơ người nên bạn thơ Cao Thy Yên đã phải thốt lên: “Đọc thơ Quỳnh Anh như một tiếng thở dài, có chút ngậm ngùi, chua chát trong hờn dỗi và trách móc. Quỳnh Anh nữ sĩ rót vào lòng người đọc tâm sự héo hon của người con gái xứ Quan Họ đi tìm lá diêu bông trải qua bao Xuân tàn Thu úa vẫn cầm sào đợi người khách năm xưa vẫn bền biệt tin hồng... để đêm về bất chợt đi vào cõi mộng mị chiêm bao, tương tư khung trời cũ... mở cửa đợi chờ ...”

*

Chập chờn trong những thoáng chiêm bao Quỳnh Anh đồng thời nhìn những bông tuyết đẹp để dần dần phải tan rã, soi gương ngắm mái tóc thấy đổi màu mà chiêm nghiệm ra triết lý về sự tàn phá của thời gian bởi luật tạo hóa:

*Đầu cành bông tuyết lung linh
Tuyết rơi, rơi mãi cho mình ngẩn ngơ
Mới ngày nào tuổi mộng mơ
Mà nay đã thấy bạc phơ mái đầu
(Xuân tuyết)*

Nỗi niềm cô đơn trong lòng người đợc phụ họa bằng cảnh quạnh quẽ nơi đất khách khiến nhà thơ thêm xúc cảm mà trào dâng niềm nhớ quê hương. Dù Xuân có rộn rã từng bừng nhưng Xuân nơi quê người khó gieo đợc niềm vui:

*Thơ sầu mộng héo trăm năm
Thả theo làn gió lạnh căm quê người
(Thơ sầu)*

*Phương trời lặng lẽ quê xa
Bâng khuâng không biết là nhà mình đâu
(Lặng lẽ quê xa)*

*Quê nhà chỉ thấy trong mơ
Quê người hiu hắt thẫn thờ đón xuân
(Đón xuân quê người)*

Cảnh đẹp hùng vĩ của thác nước xứ người trong buổi chiều tà hoặc vẻ quyiến rũ của hòn đảo hoa vàng trong vùng biển Baltic chỉ làm tăng thêm nỗi nhớ nhà trong tâm khảm:

*Nước tuôn trắng xóa bao la
Hoàng hôn đến vội quê nhà nơi nao
Nhớ thương tha thiết dạt dào
Bóng chiều lặng lẽ chìm vào chân mây
(Hoàng hôn bên thác Niagara)*

*Hoàng mai thấp thoáng quê xa
Héo tàn từ độ phôi pha từ ngày
Thời gian là thoáng mây bay
Mênh mang sầu nhớ tháng ngày tha hương
(Đảo hoa vàng)*

Trong lòng nhà thơ vang lên niềm ước muốn trở về quê Mẹ. Tình cảm này hoà cùng một nhịp điệu với niềm mơ ước chung của những người xa xứ phải sống kiếp tha hương:

*Ngủ trông vời vợi mây Tần
Xuân về chiếc bóng âm thầm nhớ quê
(Xuân tha hương)*

*Nghe như âm hưởng võ vàng
Những chiều quê cũ mênh mang rạt rào
Mai sau còn có khi nào
Trở về xóm cũ soạn đào đông đưa
(Nào ngờ hư không)*

Tuy lúc nào cũng tơ tưởng tới khối tình cũ và luôn tràn dâng nỗi nhớ nhà nhưng Quỳnh Anh vẫn không mất đi cái tâm hồn đầy nghệ sĩ tính khi nhìn cánh gió nhẹ lay, khi nhìn thu tới phủ màu sắc khắp núi rừng, khi ngắm thiên nhiên cảnh vật quanh mình:

*Người đi đỉnh núi giăng mây
Chênh vênh bóng nguyệt liễu gãy phơi sương
Năm cung chót chọi cung thương
Âm ba nảo nuốt đêm trường ngẩn ngơ
(Gió bay)*

*Lá thu đỏ tía hây hây
Rừng thay sắc lá nhuộm mây chiều tà
Hoàng hôn rực nắng vàng pha
Chim chiều xoải cánh bay xa cuối trời
(Mùa thu)*

Không mất đi cái cảm quan đầy triết lý với cảnh “vô thường” khi thăm viếng cung điện Nga Hoàng St. Petersburg ở Nga Xô. Một triều đại vua chúa huy hoàng nay chỉ còn là dĩ vãng:

*Ngai vàng như áng phù vân
Rêu xanh phủ kín dấu chân phai mờ
Ngọn gió chiều bổng bơ vơ
Vàng soi nắng úa thẫn thờ ngự viên.
(Những cuộc phế hưng)*

*

Quỳnh Anh đã khéo léo gieo liên tục những từ ngữ gợi cảm khiến người đọc thấy tâm hồn lâng lâng hòa nhịp theo tiếng lòng của nhà thơ. Nào là “lú lo”, “ngọt ngào”, “ngất ngây”, “xôn xao”, “tha thiết”, “rạt rào” đã liên tục dìu bước chân người đọc thơ quay trở lại con đường tình xưa cũ:

*Xuân này đỏ thắm đỏ quỳên
Lú lo chim hót bên hiên ngọt ngào
Ngất ngây mộng cũ xôn xao
Xuân xưa tha thiết rạt rào như mơ
(Gợi nhớ xuân xưa)*

Hoặc là chỉ trong có hai câu thơ mà người đọc đã thấy rung động với ý tình của tác giả: “chập chờn”, “bơ vơ”, “mênh mang”, “ngẩn ngơ”. Quả thật nhà thơ đã tạo ra sự truyền cảm cho người đọc:

*Chập chờn cánh bướm bơ vơ
Mênh mang vạt nắng ngẩn ngơ chim trời
(Chưa vừa nhớ thương)*

Quỳnh Anh cũng làm tăng thêm sự tác động tình và ý với những câu thơ mang tích cách “*đối*” trong thể loại thơ “*lục bát*”. Kỹ thuật “*đối*” trong thơ thấp thoáng ẩn hiện như điểm thêm những nét chấm phá duyên dáng cho thơ:

Đối trong câu 6 như:

*Mây lãng đãng gió chơi vơi
Ngẩn ngơ bướm lượn rã rời cánh chim
(Lá vàng rơi)*

Hoặc đối trong câu 8 như:

*Lệ rơi hay giọt sương rơi
Làm hoen mắt biếc làm phai má hồng
(Trùng dương bát ngát)*

Đôi khi lại đối trong cả câu 6 lẫn câu 8 thật điêu luyện:

*Trong như ngọc sáng như gương
Lung linh đáy nước vấn vương mây trời
(Liễu Tây Hồ)*

*



(Nhà thơ QUỲNH ANH qua đời ngày 31 tháng 7 năm 2012, hưởng thọ 81 tuổi)

Để tìm lời nhận định tổng quát thay cho kết luận về tập thơ “*Một thoáng chiêm bao*” của Quỳnh Anh cần nhắc đến lời nhận xét của văn thi sĩ Hà Bình Trung: “Đọc hết tập thơ, tôi đã hiểu ý của tác giả, biết nguồn tư tưởng và tâm trạng của người viết. Đó chỉ là một quan niệm về cuộc đời, như Lý Bạch đã viết: ‘Sử thế nhược đại mộng. Hồ vi lao kỳ sinh.’ Nhìn cuộc đời như một giấc mộng, thì cuộc tình có khác gì cơn mơ?”

Bạn thơ Hàn Thiên Lương cũng thốt lời thay mặt cho người yêu thơ: “Thơ của nữ sĩ Tương Phố ngày xưa là ‘Giọt lệ Thu’, còn thơ của nữ sĩ Quỳnh Anh là ‘Giọt lệ của bốn mùa thương nhớ’; chị đã trải lòng lên trang trắng, ghi trọn tâm tình cho cố nhân... Cám ơn thi nhân cho tôi nhìn thấy giọt lệ của người long lanh như ngọc, tôi đón nhận với trọn tấm lòng trân quý!”

Chúng ta hãy cứ để cho Quỳnh Anh nhỏ lệ. Thật quả đáng hải sợ những ai không biết khóc. Hãy để cho nhà thơ trút hết tâm sự của mình xuống trang giấy, xuống dòng mực. Hãy cứ để nhà thơ cho phép bàn tay mình viết ra tất cả những gì ẩn tàng trong con tim mình vì thái độ tất yếu của người thơ phải là sự chân thành. Tiếng lòng của Quỳnh Anh đã thực sự nức nở. Người đọc cảm thụ được điều đó.

Nảy sinh từ ngay trong những chông chất khổ lụy quằn quại của cõi trần gian này mà Quỳnh Anh đã tự tạo lập ra cho riêng mình một cõi mộng với nhiều thoáng chiêm bao chập chờn ẩn hiện. Quỳnh Anh không hề chạy trốn cuộc đời hiện hữu. Chất liệu trong thơ Quỳnh Anh chính là cuộc đời mình. Quỳnh Anh đã khéo léo sử dụng nghệ thuật và thi ca để diễn đạt tình cảm riêng tư. Nhưng xét cho kỹ thời phải nói rằng chính tiếng lòng này lại là nỗi đau khổ phù du mộng ảo của kiếp nhân sinh nói chung. Quỳnh Anh có thể mang một tâm hồn đơn cô nhưng thi phẩm “*Một thoáng chiêm bao*” của nữ sĩ sẽ không cô độc mà trái lại chắc chắn sẽ thu hút được nhiều kẻ “đồng hội, đồng thuyền”.

Cánh cửa vườn thơ hải ngoại xin hân hoan rộng mở để đón nhận thêm một bông hoa đầy hương sắc nữa cùng góp mặt giữa muôn loài hoa thơm cỏ lạ.

Tâm Minh NGÔ TĂNG GIAO

(Virginia tháng 5 năm 2007)



Thiếu nữ và hoa Quỳnh – Tranh: Thanh Trí – Sacramento, California USA

GIÃ TỪ EM ĐẤT CÙ LAO!

đoàn xuân thu-melbourne

Mỗi năm, cứ tháng Tư về là tui lại buồn trong tắc dạ! Nói nào ngay, xa xứ tháng nào tui cũng buồn hết ráo. Nhưng tháng Tư tui lại buồn nhứt hạng cho một mối tình vừa mới chớm nở đã vội dở dang hơn 40 năm rồi mà trái tim tui vẫn còn đang rỉ máu.

Chẳng qua chuyện vầy nè: quận Kế Sách, thuộc tỉnh Ba Xuyên tức Sóc Trăng.

Hồi xưa từ Cần Thơ muốn về Kế Sách thì có hai cách: đường bộ hoặc đường sông.



Đường bộ theo Quốc Lộ 4, rời Cái Răng qua Cái Tắc, tới Ngã Bảy, xã Đại Hải, (nơi bà con miền Bắc di cư vào năm 1954), rời Ngã Ba An Trạch, quẹo tay trái vào quận Kế Sách, cách Cần Thơ khoảng 54 cây số và cách Sóc Trăng chỉ 6 cây số thôi.

Nhà khảo cổ Vương Hồng Sển, người Sóc Trăng, cho biết: 'Khsach' (Giồng Cát) đọc trại thành Kế Sách.

Từ Ngã Ba An Trạch đến xã Phú Tâm (còn gọi là Phú Nổ hay Vũng Thơm, nổi tiếng với lạp xưởng, mè láo của người Tiều, mắm bò hóc của người Khmer). Qua khỏi Phú Tâm, hương lộ trải đá xanh, dọc bờ kinh, tới Na Tưng (chỗ này, xưa, VC phục kích bắn cả vào xe HỒNG thập tự làm thẳng bạn nhậu của tui, lúc đó, là tài xế bị đui hết một con mắt, và liệt một cánh tay).

Na Tưng có vườn dừa, sau ông Quận cho đóng một cái đồn nghĩa quân, ngoài ra là đồng lúa nên VC khó mà phục kích, giựt mìn bất tử như lúc trước.

Cuối cùng là tới quận lỵ Kế Sách. Chạy qua Cầu Sắt lên đến ấp Tập Rèn, xã Thới An Hội, đều là đất giồng.

Mà trên đất giồng mình trồng khoai lang nên bà con nông dân mình cuốc khoai nhiều lắm.

Còn đi đường sông thì từ Bến Ninh Kiều Cần Thơ, đò xuôi ra biển tới Cù Lao Quốc Gia, rẽ phải vào Vàm Nhơn Mỹ cũng tới được Kế Sách.

Kế Sách có đò Ngọc Diệp, chủ ở ngay chợ, nửa đêm, tài công 'đề pa', chuông giựt leng keng để bà con miệt vườn đi bán trái cây ở chợ Cần Thơ hay đi bỏ hàng tạp hóa về bán lại, ra bến nước bờ sông, gọi đò, ra hiệu bằng đuốc lá dừa quơ quơ trong gió.

Tới Cần Thơ, khoảng 5 giờ sáng. Đò đợi bà con mình đi công chuyện xong khoảng 10 giờ sáng cùng ngày là đò Ngọc Diệp quay đầu về bến cũ.

Đò chạy cà rịch cà tang, tùy theo lớn ròng, con nước ngược xuôi, từ bờ bên này băng qua bờ bên kia, chạy hình chữ chi, ghé bến này bến nọ cho hành khách lên bờ; đôi khi chỉ có một người; nên mất tới khoảng 4, 5 tiếng đồng hồ.



(Má theo đòi đi chợ Cần Thơ về, mua cho con mình ổ bánh mì và vài cục đường tán. Mấy đứa nhỏ mừng húm! Ôi những ngày thơ dại! Mừng má đi chợ về còn đâu nữa?!)

Đò qua cơ man nào là những dãy bần xanh. Ôi đất nước mình đẹp biết bao mà trong vịnh nước đảo điên, tổ cha nó, làm tan hoang hết ráo!

Đất Kế Sách ngoài giồng, còn mấy chỗ đất thấp hơn, phù sa sông Hậu bao đời bồi đắp, đất phì nhiêu, màu mỡ nên bà con lên lập vườn cây ăn trái đủ loại: cam, bưởi, mít, chôm chôm, măng cụt, sa bô chê, sầu riêng sai ồ ạt trĩu.

Ghe trái cây, dân Kế Sách, lên tận Chợ Cầu Ông Lãnh bán cho dân Sài Gòn.

Tất cả các loại trái cây nhiệt đới đó Cù Lao Quốc Gia đều có hết.

Dòng sông Hậu đổ ra gần tới biển, bình độ của lòng sông cao hơn mực nước biển hồng bao nhiêu; nên nước chảy chậm, phù sa lắng xuống, bồi tụ lâu ngày, rồi bần mọc lên giữ lại cát, làm nhô lên Cù Lao Quốc Gia (sau này VC đặt tên là Cồn Mỹ Phước và Cồn Bùn (cách nhau cái Rạch Mỏ) cách đây khoảng 150 năm.

Ban đầu mặt cồn còn thấp, là những bãi bùn năng lác, cỏ dại và cây bần, cây tạp cùng một số loài thú hoang và chim muông. Rồi bà con lưu dân mình từ Miệt Trên xuống khai phá, bao bờ trồng rẫy. Lấy ngắn nuôi dài; vì rẫy mau ăn. Trường vốn một chút thì lập vườn! Phê hơn làm rẫy!



Từ trên cao nhìn xuống, Cù Lao Quốc Gia, cách cửa biển khoảng 45 cây số, giống như một chiếc xuồng ba lá, nhọn hai đầu phình chính giữa, chồm ra biển. Chắc vì vậy mà bà con mình ở Cù lao Quốc Gia này, VC vô; hè nhau vượt biển vượt biên hết ráo?!

(Người viết có em học trò cũ, Lan Chi, từ độ ấy cũng ra đi; giờ em ở Sydney! Giáo Phèn viết về quê cũ của em có thiếu sót gì thì dạy lại cho Thầy nhé!)

Khi CS miền Bắc phát động cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam cộng với sự tiếp tay phá hoại của VC nằm vùng thì cả đồng bằng sông Cửu Long cũng chìm trong lửa khói. Nhưng vùng đất cồn này vẫn là những ốc đảo bình yên, xa rời cuộc chiến.

Nhà nào trên đất cù lao kha khá, có cửa ăn cửa để, sắm chiếc vỏ lãi gắn máy Yanmar 60 hay Kubota, làm máy đuôi tôm, lái bằng chun nếu đứng hoặc bẻ lái bằng tay nếu ngồi.

Nhớ có lần được mời về Cù Lao Quốc gia ăn đám cưới một đứa học trò cũ giữa đường thoi học, em sang sông 'chống lầy' tức lấy chông.

Vài đứa học trò gái, cùng lớp với cô dâu, vẫn còn đi học, trong chợ Kế Sách cũng được mời đi đám cưới, điệu đà xuống chung chiếc vỏ lãi. Giữa đường hết xăng, nước rỗng, mũi chiếc vỏ lãi cắm vào một đám bần xanh, chạm phải tổ ong bần. Nó tóa ra. Thầy trò mạnh ai nấy nhảy xuống bờ kinh, núp dưới lườn chiếc vỏ lãi, né... trong khi đám ong bần vẫn u u quần ở trên đầu.



Nước đưa chiếc vỏ lãi xuôi dòng xa dần cái tổ ong cái tổ ong mắc dịch này, Thầy trò mới lóp ngóp leo lên. Bộ đồ vía ướt hết trơn hết troi hè.

Đám học trò gái mặc áo dài, bị thấm nước, vải mỏng tanh như dính vô da thịt trắng nõn nà, dày dày đúc sấn một tòa thiên nhiên, mắc cỡ lấy nón lá che ngang. Ai có thấy gì đâu hè?!

Từ xã Nhơn Mỹ băng sông Hậu chừng cây số rưỡi, tấp vô bến đò giữa, lội chừng trăm thước là gặp cái bảng Vu Quy kết bằng bông đung đỉnh với cọng lá dừa. “Trăng treo thềm cổng vu quy. Ai vui trong đó sầu bi ngoài này!”

Ai sầu thì sầu đi... còn tui, làm giáo, được trường tộc bên đàng gái mời lên bàn thượng hạng đặt ở nhà trên. Đèn ‘măng xông’ sáng choang hè. Mà buồn 5 phút. Vì ngồi chung với mấy ông già; Sao bằng ngồi với đám học trò 17, 18 tuổi vui hơn, nói chuyện hợp hơn, ăn rơ hơn; hơn là ngồi với mấy bô lão cổ lỗ sĩ: “Nhân bất học bất tri lý. Mời thầy giáo làm một ly!” Chán chết!

Từ đám cưới của Huệ Chi, cành huệ trắng mà bị ong bần đánh... đêm nhóm họ, vu quy đó, thời gian sau, thằng học trò, nhà có giỗ quảy gì thì kính mời thầy ra nhậu với Tía em. Ông nhắc Thầy hoài hè... Cái gì cái! Mời đi ăn giỗ là không có cái vụ từ chối bao giờ.

Ăn giỗ năm lần bảy lượt mới biết ông phụ huynh này có đứa con gái sắc nước hương Trời đã gả đi Chợ Bãi Xàu, ông còn một đứa nữa so phần tài sắc lại là phần hơn.

Tên con gái ông đặt đều đẹp vì ông khoái đọc truyện Tàu mà Tàu Đài Loan, ông đọc Quỳnh Dao... Cô chị đã lấy chồng tên Huệ Chi, một cành hoa Huệ. Cô em chưa chồng tên Quỳnh Chi, tên một nhánh hoa Quỳnh.

Tui yêu hoa Quỳnh lắm vì nó đẹp và thơm mà lại nấu cơm... ngon!

Đó là bữa ăn cuối cùng của đêm tôi giã từ Kế Sách cách đây 40 năm. Bữa cơm đó em đãi chàng thi sĩ lẫn lóc gió sương ba ngày đêm nổi lên sinh chương món canh chua cá ngát và cá ngát kho tộ ăn với cơm trắng, gạo mới lúa mùa.



Cá đồng như cá lóc, cá trê, cá rô, cá sặc ở trong đồng. Cá ngát, cá bông lau, cá mè vinh, cá phèn, cá bống mú, cá lòng tong, cá chột, là một loại cá sông ở trong sông... Cắt nghĩa như vậy là khỏi cãi.

Sông thì nước ngọt vào mùa khô và mưa, từ tháng Tư cho tới tháng Chạp.

Từ đầu tháng Giêng cho tới cuối tháng Ba nước lợ, hai phần nước ngọt và một phần nước từ biển chảy ngược vào sông mùa nước kiệt!

Cá Ngát thích nước lợ, hay rúc vào trong những đồng chà; hay trú ẩn trong hang ở bãi sông.

Cá ngát hơi giống cá trê trắng! Đầu có 3 ngạnh, sắc bén và cứng, đâm rất nhức. Thịt không dai như cá trê trắng, dẻo và dẻ hơn cá bông lau. Chắc nhờ lội tới lội lui như tập thể thao?!

Khoảng tháng 5 đến tháng 9 âm lịch là mùa cá ngát sinh sản, thịt ngon.

Cá ngát làm sạch và cắt khúc để ráo, ướp tỏi chiên sơ. Bắc nồi nước lên, cho ít muối vào, khi nước sôi cho bần chín vào khoảng 5, 6 trái, năm phút sau, vớt bần ra tô, cà nhuyển ra lấy nước chua.



Nước dùng đun sôi liu riu bỏ đầu, đuôi cá vào, khúc giữa dành kho tộ để ăn cơm. Cá vừa chín tới, nêm nếm vừa miệng, thêm ngò om, cần dầy lá, khóm, giá, bông so đũa, bông súng, bạc hà, rau nhút, rau muống,... bông điên điển, thêm ít ớt hiểm còn xanh xắt lát.

Ăn nóng! Giỡ cá, chấm với muối ớt hoặc nước mắm y, kẹp thêm lát ớt. Bưng ly hột mít rượu để sủi tăm, quát nghe cái ớt là toát mồ hôi mồ kê, nó ròn ròn đầy mặt như là mới tắm hơi xong. Chết cũng đành lòng!

Mất nước được hai năm, tui vẫn còn nấn ná ở Kế Sách; vì thú thiệt tui không biết phải đi đâu, về đâu; rồi làm sao mà sống? Nhà không có được một cục đất chọi chim.

VC giải tán Luật, Văn Khoa Cần Thơ chuyển mấy em sinh viên qua Sư Phạm, học chỉ 6 tháng, rồi đưa về trường! Để chúng nắm đầu mấy thằng Giáo Ngụy, gốc quân nhân biệt phái ra đuổi cổ. Tui nằm trong số đó. Nó đuổi thì tui đi... Và tui đi luôn ra biển...

Tui còn bỏ lại bên Trời một cành hoa Quỳnh năm ấy. Quỳnh Chi, người năm cũ đã nấu cho tôi ăn canh chua cá ngát ngày xưa ấy! Tui mang kỷ niệm xưa đi cuối đất cùng trời!

Đôi lứa chúng ta như hai chiếc lá, lạc lìa nhau giữa một dòng sông trong một thời bão loạn. Tui lổi thề cùng em cũng bởi vì đời chớ nào phải tại tui đâu!

đoàn xuân thu - melbourne



GIẤC MỘNG HỒI HƯƠNG

Tấm thân phiêu lạc xứ người,
Mà hồn vẫn một phương trời riêng ta,
Dừng chân ở Virginia
Bâng khuâng nhớ đến quê nhà Việt Nam.

Potomac*, ngã Hương Giang
Virginia Beach, tưởng Nha Trang Vũng Tàu!
Gió trắng in hệt Bãi Sau
Nắng vàng như miệt Cà Mau bên mình!

Tới Eden** đi shopping,
Nhìn Cờ Vàng hiện lung linh trên trời
Ấm lòng, xúc động bồi hồi,
Thấy còn Tổ Quốc trong đời lưu vong!

Parking đi trọn một vòng,
Đọc tên Liệt Sĩ Anh Hùng Miền Nam,
Ghi trên bảng đường dọc ngang,
Bỗng nhiên lệ ứa hai hàng rưng rưng.

“Việt Nam”... thương nhớ vô cùng!
Quê Người mộng tưởng hình dung Quê Mình!
Ai kia... có phải người tình,
Thuở xưa gặp ở Bùng Binh Sài Gòn?

Đúng rồi!... Tất cả bà con!
Bắc Nam Trung, cũng Nước Non một nhà!
Hướng hồ chung nghiệp Thi Ca,
“Dĩ văn hội hữu” chúng ta tương phùng.

Nơi đây, sơn tận, thủy cùng,
Mối duyên tri ngộ đã từng trao nhau
Mất Quê, chung một niềm đau!
Lênh đênh, chung một mối sầu tha phương!

Trải lòng, này chút văn chương
Thiết tha sưởi ấm tình thương đồng bào!
Ước gì giấc Cộng tàn mau,
Đồng hành, ta một chuyến tàu hồi hương!

Trần Quốc Bảo - Richmond, Virginia

* Potomac: Dòng sông Potomac uốn quanh Hoa Thịnh Đốn

** Eden: Eden Center, khu thương mại có nhiều cửa tiệm Việt Nam ở thành phố Falls Church, tiểu bang Virginia



SOI GƯƠNG

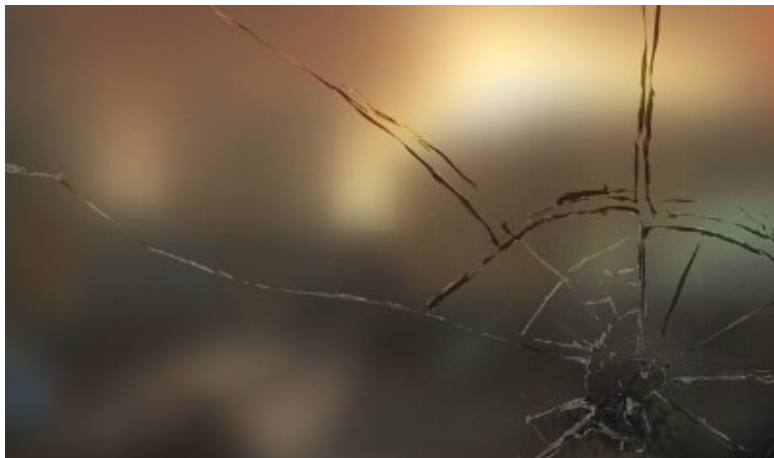
*Soi gương.Ta lại nhìn ta,
Tóc,râu đã bạc.Thịt da nhăn ròi.*

*Lòng ta luống những ngậm ngùi,
Sốt thân chìm,nỗi quê người từ đây.
Trông vời mặt đất, chân mây.
Biết bao giờ mới có ngày hồi hương?
Mẹ già tóc trắng như sương,
Tuổi trời còn chút nắng vương chiều tà.*

*Soi gương.Ta chỉ thấy ta,
Tóc,râu đã bạc.Thịt da nhăn ròi.
Soi gương. Ta chẳng thấy người.
Ngàn trùng cách biệt. Một đời điêu linh.*

*Soi gương.Ta chẳng thấy mình.
Em yêu ơi! Chỉ còn hình bóng xưa.*

Tạ quang Trung





Cuối thập niên 70 và những năm đầu thập niên 80 đi đến đâu tôi cũng nghe người ta bàn bạc chuyện vượt biên, vượt biển. Người ta còn nói “cây cột đèn mà biết đi: nó cũng bỏ xứ đi rồi” .. Cái tuổi của tôi lúc đó là cái tuổi “bị đăng lính” nên ba má cũng cố gắng tìm cách cho tôi đi xa. Sau ba lần đi đường Rạch-Giá không thành, và nhờ sự giúp đỡ chân tình và hết lòng của cậu Hai dưới Bạc-Liêu, tôi cũng được đi chuyến này qua đường Cà-Mau. May nhờ ơn trên chuyến đi đến được bến bờ bình an, sau những cơn “sóng gió” đến đau lòng

*...
36 năm dâu biển trôi nhanh, tóc tôi giờ đã có nhiều sợi bạc, ngồi lại viết những dòng này, có nhiều chi tiết đã không còn nhớ rõ nhưng tôi đã hết sức cố gắng để ghi lại “một phần đời” của mình để mai này có bị “lãng trí” vẫn còn có cái để mà đọc, mà nhớ ...*

Bài viết xin được chia làm 3 phần

Vu Văn Tâm - Germany

Phần 1: Mai tôi xa Sài-Gòn



Cậu Hai là bạn ấu thơ với má từ những ngày còn đi học trường tỉnh dưới Bạc-Liêu. Mỗi khi có dịp lên Sài-Gòn, cậu đều ghé nhà thăm má cùng với những món quà đậm tình quê hương xứ sở như tôm khô, lạp xưởng để biếu má và gia đình. Lần đó, cậu ghé nhà thăm và cho biết là con gái cậu đang chuẩn bị cho một chuyến vượt biển. Má cũng bực bạch với cậu là “có thằng con trai trong nhà, sắp tới tuổi đi lính và nó cũng đi theo đường Rạch-Giá ba lần rồi mà vẫn chưa đi được”. Cậu có hứa với má là sẽ cố gắng thu xếp và trả lời sau.

Ngày 4 tháng 9 năm 1981 .. Buổi chiều trên con đường Phan Đình Phùng rộn rịp người qua kẻ lại, xe đạp nhiều hơn xe máy, một chiếc xích-lô đưa hai người phụ nữ dừng lại trước nhà .. Chị Huệ, con gái cậu Hai, bước vào nhà chào hỏi má và gọi má bằng cô. Chị đưa cho tôi cái giấy đi đường với cái mộc đỏ au được cắt tỉa khéo léo từ một củ cà-rốt (theo lời chị kể). Người phụ nữ đi chung với chị là chị Thu Tâm, cũng là bà con bên phía ông xã của chị. Chị Huệ dặn dò kỹ lưỡng cho chuyến đi Cà-Mau vào sáng hôm sau. Điểm hẹn là quán bánh bao ông Cả Cần trên đường Nguyễn Tri Phương .. “Em bình tĩnh mà đi, đừng có lo sợ gì hết. Dọc đường nếu có chuyện gì bất trắc xảy ra, anh dẫn đường sẽ dứt tiền lo lót cho tụi công an chu toàn. Mình đi Cà-Mau, em chỉ được mang theo quần áo cũ chứ không được ăn mặc như ở Sài-Gòn ..” Chị Huệ xin phép má gửi chị Thu Tâm ở lại nhà để sớm mai hai chị em cùng đi cho có bạn. Chị còn dặn dò thêm “hai chị em lúc nào cũng phải để ý đến nhau, đi chung một chuyến xe nhưng không được ngồi gần nhau”. Chị an ủi má vài câu rồi vội vã từ biệt.



Buổi sáng chia tay với gia đình thật se lòng. Chưa bao giờ tôi thấy ba khóc. Và lần đó cũng là lần sau cùng để tôi nhìn thấy được ba mình ...



Đến quán bánh bao, má kêu cho tôi cái bánh bao thiệt to và cho má ly cà-phê sữa. Cái bánh bao ngày thường đâu có thấm thía gì với thằng con trai mới lớn. Vậy mà bữa đó tôi ráng nuốt hoài mà sao nó hông chịu trôi và anh dẫn đường thì cứ hối “ăn mau lên em ơi, mình còn đi cho kịp chuyến” .. Hai má con cứ nhìn nhau mà không nói được câu nào. Ly cà-phê sữa của má cũng còn y nguyên. Rồi phút chia tay cũng đến. Chiếc xe lam chuyển bánh theo hướng “bến xe miền Tây”, tôi thấy má một tay đưa lên vẫy chào, còn tay kia thì quệt nước mắt .. 36 năm lặng lẽ trôi xa, ba má đã khuất núi từ lâu, mà sao cái hình ảnh đó vẫn còn tươi mới như mới hôm qua, như mới hôm nào .. Hôm đó, má mặc áo bà ba điểm bông màu tím với cái quần Mỹ-A màu đen được ủi phẳng phiu. Xe lăn bánh xa dần và xa dần. Má vẫn còn đứng yên nơi đó và ngóng theo ..

Bến xe miền Tây thật ồn ào và đông đúc ngợp người. Có lẽ anh dẫn đường đã chuẩn bị từ trước nên ba anh em không phải tìm kiếm, dò hỏi hay chờ đợi gì hết mà vẫn có xe để đi. Anh cũng sắp xếp cho hai chị em được hai chỗ ngồi thơm mát, tuy có xa nhau một chút nhưng rất dễ nhìn thấy nhau và luôn thấy được anh ngồi nơi băng ghế gần anh tài xế.

Xe đi Cà-Mau phải qua hai cái Bắc, Bắc Mỹ-Thuận và Bắc Cần-Thơ. Xe phải chờ đợi lâu ơ, lâu lắc mà vẫn không được phép chuyển bánh. Đôi khi xe còn ngừng lại giữa đường để đón thêm khách hay bị công an chặn lại hỏi vụ vợ giấy tờ xe, bằng lái xe của bác tài. Mỗi lần như vậy, trái tim tôi như ngừng đập, vì tôi luôn nghĩ đến tấm giấy phép đi đường với cái mộc đỏ au đang nằm yên trong túi áo. Dọc đường anh trai có mua cho tôi thức ăn đồ uống đầy đủ, nhưng thiệt tình mà nói, cái cảm giác lo sợ đã lấn át cái buồn chia tay gia đình lúc sớm mai cũng như quên luôn cái bụng đói meo của tôi rồi. Tôi chỉ mong sao cho chuyến đi thiệt suông sẻ và mau chóng đến Cà-Mau.



Khuya lơ khuya lắc, xe đến Bạc-Liêu và ngừng lại trước chợ. “Tới chợ Bạc-Liêu rồi có cô bác nào muốn xuống ăn cháo khuya hôn?” .. Giọng nói của anh “lơ” xe vang lên ầm ập giữa đêm khuya thanh vắng. Nhìn qua khung cửa kính, một màn đêm dày đặc. Tôi không thể thấy được gì hết ngoài ánh sáng leo lét của những ngọn đèn “hột vịt” hắt ra từ trong lòng chợ .. Mãi đến lúc đó, anh dẫn đường mới đến chỗ ngồi của hai chị em và kêu chúng tôi xuống ăn cháo khuya. Cả hai chị em đều cảm ơn và từ chối vì trong bụng cũng không thấy đói ...

Xe tiếp tục lăn bánh theo hướng Cà-Mau, mũi đất cuối cùng của miền Nam trù phú ... Vậy là tôi xa Sài-Gòn thiệt rồi!

Phần 2: “Cá Nhỏ” – “Cá Lớn”

Anh dẫn đường gửi hai chị em tôi tại nhà anh chị Bảy. Anh chị còn rất trẻ và mới sanh được đứa con gái đầu lòng. Nhà anh chị cũng rộng rãi, mát mẻ. Bắc ngang sau nhà là một con sông nhỏ. Những sinh hoạt nấu nướng, tắm giặt hay vệ sinh của người dân đều nhờ vào khúc sông này. Nhà nào cũng kê một miếng ván hơi rộng bề ngang một chút và chồm ra mé sông khoảng hơn một thước để tiện cho việc sinh hoạt. Nếu đợi đến chiều tối



để tắm rửa thì vô cùng đơn giản cho tôi. Nhưng mỗi khi phải giải quyết “cái chuyện kia” thì ngại quá, ghe xuồng lúc nào cũng có thể đi ngang và .. nhìn thấy rõ nét. Trời ơi, những lúc như vậy tôi hông biết phải “cất” cái mặt vào đâu cho bớt xấu hổ.

Có lần giữa đêm khuya bị xét nhà, chị Bảy phải vội vã chèo xuồng đưa hai chị em gửi sang nhà khác. Vào nhà lạ, người ta “tiếng chì tiếng bấc” cũng khó ở lắm. Dù giữa đêm khuya hay ban ngày tôi cũng nghe người ta hay nói “chứa tụi nó như chứa mìn trong nhà” hay là “có chuyện gì thì cả nhà lãnh đủ” ..

Vài hôm sau, có người đón hai chị em đến chỗ tập trung là một nhà bảo sanh tư nhân sát sân bay Cà-Mau. Nơi đó, tôi cũng thấy được nhiều người cùng hoàn cảnh chờ đợi như mình.

Vùng này người ta gọi những chiếc ghe di chuyển từng chặng đưa người đi vượt biển là “Cá Nhỏ”, chứ không như ở Rạch-Giá, Gò-Công gọi là “Taxi”. Nơi chúng tôi đến là một cái cù-lao bao quanh là sông nước. Tôi nghe được nhiều tiếng nói xôn xao và thấy được khá nhiều bóng người lô nhô nơi đó để đợi chờ đến giờ xuống “Cá Lớn”.

Ngày còn đi học, tôi thường thấy trong sách vở cũng như nghe thầy cô nói “rừng U Minh muỗi kêu như sáo thổi, đĩa lội tựa bánh canh” .. Đĩa vắt thì chưa kịp thấy, nhưng bầy muỗi đói đêm đó đã tha hồ “làm thịt” mình rồi. Sáng ra, nhìn thấy trong quần áo mình vô số xác muỗi đã chết và trong người đầy những vết máu còn đỏ như son. Mặc dù hôm đó tôi đã cẩn thận cài nút áo lên tận cổ và cổ tay, cổ chân đã được buộc kín mít với bốn sợi dây thun mang theo trong túi. Không chỉ ban đêm mà ban ngày chúng cũng “làm tình làm tội” tôi và cũng không dễ dàng “tha bổng” cho những người chung quanh mình.



Xế trưa một chút, có một người đàn ông trung niên, trắng trẻo, mập mập mặc chiếc áo khoác màu rêu có bốn cái túi thiệt to trước ngực đến gần và đưa cho tui một đòn bánh tét còn hơi ấm và dài chừng 13 cm. Anh cười và nói “ăn đi em” .. Tôi không thấy đói nên cất cái bánh vào trong cái túi “dết” mang bên người và nói thầm “để dành khi xuống ghe lớn có cái mà ăn”.

Hoàng hôn đã xuống và trong lòng tôi lại nôn nao lo sợ, không biết mình còn phải lưu lại cánh rừng này bao lâu nữa .. Bầy muỗi đói lại tha hồ “rút rĩa” máu tươi như đêm hôm trước ..



Và giờ G đã đến, mọi người vội vã chạy ra hướng biển .. Trong màn đêm dày đặc, tôi nghe rầm rập những bước chân chạy thật nhanh và từng nhóm người túa ra đông đúc không thể tưởng tượng được .. “Cá Lớn” đưa mọi người ra khơi qua cửa biển Ông Trang ..

“Cá Lớn” là chiếc ghe dài khoảng 12, 13 mét. “Cá Lớn” quá tải nên hành lý của khá nhiều người phải đành chấp nhận quăng xuống biển.

Chị Huệ đã “mua” hết 6 trạm kiểm soát để chuyển đi được hanh thông, dễ dàng. Vậy mà chỉ chừng mười phút sau đã nghe tiếng

súng nổ và tiếng người rượt theo. Đó là nhóm công an trong “xẻo” muốn kiểm soát .. “Ghe đi vượt biên hả, dừng lại .. Ai là chủ ghe” .. Chị Huệ đứng lên năn nỉ “mấy anh làm ơn cho tụi tui đi. Mấy chục người này mà bị bắt lại, phải tù tội khổ lắm, mấy anh cũng đâu có lợi lộc gì” .. Rồi chị kêu gọi mọi người trên ghe nếu có tiền, có vàng hay trang sức thì gom lại để cho tụi công an .. Chị đưa cho chúng một chiếc nón lá đầy ắp tiền, vàng rồi mới được phép đi tiếp .. Ra ngoài khơi xa, một nhóm công an biên phòng cũng rượt đuổi, nhưng may mắn thay .. “Cá Lớn” đã bỏ lại bọn chúng một khoảng thật xa ..

Anh tài công tên Thắng đã biến đi từ lúc nào không ai hay biết. Thì ra lúc nghe tiếng súng nổ, anh sợ quá đã nhảy xuống nước và bơi ngược vào bờ. Chị Huệ lo lắng và phải nhờ anh Đinh Công Thành giữ nhiệm vụ lái tàu .. Trước khi đi, anh Thành được giao nhiệm vụ coi la-bàn .. Anh Thắng là người duy nhất rành rẽ đường đi nước bước nơi vùng nước mặn này ..



“Cá Lớn” bị mắc cạn. Có lẽ bùn đất đã bám vào máy tàu và cuốn theo luôn cái “buggi” đi mất rồi .. Máy tàu bị hư và mấy anh chị bèn cho chiếc máy phụ hoạt động. Ra đến gần hải phận quốc tế (anh Thành cho biết như vậy) cái máy phụ trở chứng không chạy nữa. Mọi người bối rối, cả tàu xôn xao. Chị Huệ hỏi mọi người “bây giờ máy đã hư, khó mà đi tiếp tục, nguy hiểm quá, mình nên đi tiếp hay quay trở lại ?” .. Ai nấy cũng đồng ý đi tiếp, vì nếu quay lại, chỉ có nước vào tù và tiền bạc, nhà cửa cũng không còn nữa .. Mấy anh lớn phụ giúp căng cái mền mang theo để làm buồm .. Chị Huệ đưa bó nhang to cho chú Từ Minh Đạt, người lớn tuổi nhất trên

ghe. Bó nhang này của cậu Hai đưa cho chị trước ngày khởi hành. Chị cũng nói “bà con cô bác, ai có đạo nào thì cứ cầu nguyện theo đạo của mình” .. Trời đang quang đãng bỗng dưng tối sầm lại. Hình như đất trời sắp nổi cơn giông ... Trên đầu mình, tôi thấy có đến 3 hay 4 cái bóng đen lướt qua thật nhanh và nước biển bắn tung tóe lên mặt mũi mọi người. Vị mặn của nước biển còn đọng trên môi, trên má. Ai nấy cũng mừng và cho là điềm lành vì có “Cá Ông” xuất hiện (?)

“Cá Lớn” lại tiếp tục lộng gió ra khơi trong một niềm hy vọng nhỏ nhoi của mấy mươi người vượt biển ..

Phần 3: Có tin vui giữa giờ tuyệt vọng (*)



Tấm hình kỷ niệm tàu vượt biên của Vưu Văn Tâm được một phóng viên người Úc chụp từ tàu Cap Anamur

“Cá Lớn” buông xuôi theo chiều gió và số phận mấy chục người trên ghe cũng đành phó mặc cho trời. Đi hết một ngày, hầu hết mọi người trên ghe đều bị say sóng, mặt mày xanh lè như tàu lá chuối, ói mửa la liệt, nằm bẹp trên sàn ghe .. Giữa biển cả mênh mông, một chiếc ghe bé nhỏ trôi lênh đênh vô cùng tội nghiệp. Trong cơn mơ màng giữa hai bờ sống chết, tôi chỉ thấy trời và nước, không một bóng cây và chim muông cũng tản mạn nơi nao rồi ..

*“Thuyền trôi xa về đâu ai biết
Thuyền có về ghé bến tự do
Trời cao xanh hay trời oan nghiệt
Trời có buồn hay trời chỉ làm ngư ..” (**)*

Trời càng về khuya, hình như không còn ai còn sức để cử động nữa. Nhìn qua ngó lại chỉ còn hai người gầy ốm nhất là anh Thanh và anh bác sĩ Xuân còn được chút sức lực để tát nước .. Ôi, đêm giữa trùng dương mênh mông sao dài như vô tận ..



Mấy chục mạng người được đón ánh bình minh trên biển trong một hoàn cảnh vô cùng nghiệt ngã. Biển trời ban mai thanh vắng và sóng gợn lăn tăn, không xa lắm tôi thấy một khoảng sương mù dày đặc ..

Khi màn sương tan đi thì xuất hiện trước mặt tôi là một chiếc tàu đánh cá của người Thái Lan. Ui, chẳng lẽ gió đưa sóng đẩy mình lạc vào đất Thái ? Trước lúc khởi hành, các

anh chị đã tính toán kỹ lưỡng đường đi nước bước theo hướng Mã-Lai mà ! Thì ra .. “người tính, ta tính, mọi việc không qua trời tính” ..

Một tên người Thái nhảy xuống ghe, xem máy móc rồi ra dấu phải nộp tiền thì nó mới chịu cứu. Từ trên tàu Thái, họ quăng xuống một chiếc giỏ đan đệm và ai nấy cũng móc hầu bao cho vào cái giỏ ấy. Chúng dùng một sợi dây thừng thật to để nối chiếc ghe với chiếc tàu của chúng. Sau đó chúng lần lượt di chuyển phụ nữ và trẻ em lên chiếc tàu lớn. Có một số các anh vì nóng lòng vợ con cũng đu lên boong tàu tụi Thái. Chiếc tàu lớn đi trước và kéo theo chiếc ghe bé xíu. Trên ghe chỉ còn lại đàn ông và thanh niên ..

Theo lời các anh chị kể lại, tên thuyền trưởng tàu Thái Lan còn rất trẻ và trên cổ có đeo một sợi dây chuyền vàng với cái tượng Phật thật to. Y hỏi chị Huệ về chuyến đi và cho thằng bé 3 tuổi con của chị một nắm kẹo. Mọi người trên boong tàu cũng được dùng một bữa ăn trưa với cơm và cá hấp. Đa số các chị khi vừa thấy tàu Thái Lan đều dùng dầu nhớt bôi đen mặt mũi và tay chân mình, cố tình làm cho xấu, cho biến dạng. Nhưng đặc biệt có một chị còn rất trẻ – tên Ng. – khá mập mạp nhưng gương mặt cũng xinh xinh. Chị vừa đặt chân lên tàu Thái là ngỏ ý xin xà-bông và xin được .. đi tắm. Hồng lẽ chị muốn làm “áp trại phu nhân” (?) .. Sau này tôi nghe nói chị được định cư bên Úc.

Đám đàn ông và thanh niên còn lại trên ghe cũng được hưởng chút ơn “mưa móc”. Từ trên tàu Thái, họ quăng xuống ghe một nồi cơm trắng tinh và một rổ cá nục thật to. Những con cá hấp còn tươi xanh với con mắt trong veo được xếp ngoan ngoãn cùng với lớp muối hạt được rắc lên trên. Dưới ánh nắng ban trưa những hạt muối long lanh như những hạt kim cương. Trong lúc mọi người cầm cúi ăn uống sau mấy ngày đói khát, tôi thấy từ trên tàu Thái có một tên ở trần, râu ria xồm xoàm, mặt mày bặm trợn, trong tay cầm một con dao phai. Y



nhìn về hướng ghe và ra dấu sẽ cắt đứt sợi dây thừng .. Trời ơi, tôi nghĩ có lẽ đây là bữa ăn cuối cùng để .. tiễn vong (!?)

Anh Bình ghen ngào hỏi tôi “sao mà hồng ăn, nửa chết đi thành con ma chết thềm đó” .. Tôi nói “trước sau gì cũng chết, không ăn cơm của kẻ thù”. Lúc đó trong thâm tâm tôi đã nghĩ “vậy là xong, mình tới số rồi!”

Lát sau lại xuất hiện thêm một chiếc tàu nữa của tụi Thái. Chiếc tàu này bề thế hơn chiếc trước rất nhiều. Trời đất bắt đầu nổi cơn giông. Những ngọn sóng thật cao làm chiếc ghe nhỏ xíu va chạm thật mạnh vào một trong hai chiếc tàu Thái. Mũi ghe đã bắt đầu rạn nứt, nước biển tràn vào đến mắt cá.

Từ xa khơi một chiếc tàu thật to xuất hiện và rõ dần, rõ dần .. Từ trên chiếc tàu đó phát ra những câu nói bằng tiếng mẹ .. “chúng tôi là tàu Tây Đức đi cứu người vượt biên” .. Bên phía tàu Tây Đức đòi hỏi phía Thái Lan phải trả lại hết người Việt Nam trở về chiếc ghe cũ, nếu không thì họ sẽ dùng vũ lực. Sau một hồi giằng co, cuối cùng tụi Thái cũng chịu trao trả lại tất cả những người vượt biển và trước khi ra đi chúng cũng húc một cú thật ngoạn mục vào chiếc ghe bé nhỏ kia. Chiếc ghe sông rạch nhỏ xíu vốn dĩ đã tội nghiệp .. nay lại càng thêm thảm hơn.



Từ trên tàu Tây Đức các thủy thủ người Phi Luật Tân cột hai đầu ghe vào chiếc tàu lớn, rồi họ bắt đầu di chuyển mọi người lên trên. Những ai còn sức thì sẽ tự leo lên với những chiếc thang thắt bằng dây thừng được thả từ trên cao xuống sát sườn tàu. Phụ nữ và trẻ em được câu lên bằng những cái thùng cũng được thả từ những sợi dây thừng to bản.

Lên đến nơi, tôi mới biết đây là chiếc tàu thiện nguyện được quyên góp từ những tổ chức từ thiện tại Tây Đức và những nước tự do, cũng như từ những người dân Tây Đức và người dân các nước Tây Âu giàu lòng nhân ái. Tàu ra khơi được khoảng hai năm và đã cứu vớt được rất nhiều người Việt Nam trên đường vượt biển tìm tự do. Tên chiếc tàu là Cap Anamur.

Mấy chục người mới đến được chiêu đãi bằng nước trà ấm pha đường và 1 lát bánh mì sandwich cắt làm đôi kẹp thịt nguội (Jambon).

Trước khi cứu chiếc ghe chúng tôi, tàu cũng đã cứu vớt trong đợt ra khơi này được 6 chiếc ghe vượt biển khác. Sau khi điếm danh, số người trong ghe lên đến .. 95 người. Thành ra có đến hơn 40 người .. “khách lạ” ! Chị Huệ và gia đình đã dự trù chuyến đi này khoảng 45 đến 50 người thôi. Có lẽ những người “khách lạ” do công an bến bãi “gửi gắm” và những người dẫn đường “mồi chài” để kiếm thêm ..



Chiếc ghe cũng được vớt lên để bà con nhận lại hành lý còn sót lại của mình. Trước khi thủy táng chiếc ghe theo luật hàng hải quốc tế, anh thiện nguyện viên trên tàu cũng hỏi chị Huệ có còn vàng bạc hay của cải cất giấu trong ghe không ..

Sau đó họ đục thủng chiếc tàu và thả từ từ xuống biển. Trên boong tàu ngập kín người và người. Máy trăm cặp mắt đều hướng theo chiếc ghe nhỏ bé của mình từ từ chìm xuống .. Ôi, con “Cá Lớn” đã đưa chúng tôi đến đây, hơn 40 tiếng đồng hồ

vượt đại dương, đi tìm cái sống trong cái chết, biết bao gian truân, biết bao ngậm ngùi. Giờ đây mình phải nói lời chia tay với nó. Từ nay nó sẽ thôi đưa rước khách sang sông, nó đã làm tròn sứ mạng thiêng liêng của mình. Tiến nó ra đi .. trong lòng mọi người, trong lòng tôi hình như đang có chút gì rơi vỡ, mắt tôi cay cay ..

Hôm đó cũng là đêm rằm Trung Thu, đến chiều tối mọi người cũng được hưởng cái tết trung thu trong bầu không khí ấm cúng, ấm áp tình người. Tết Trung Thu trên một con tàu nhân đạo. Mỗi người được phát cho một chén chè đậu đen, tuy chỉ có vài ba hạt đậu nhưng sao nghe ngọt bùi đến từng khúc ruột ..

*Có tin vui giữa giờ tuyết vọng
Lời cầu kinh vừa có người nghe
Trái tim ơi, đất trời lồng lộng
Chờ đêm đêm biển hát tình ca
Siết tay nhau cúi đầu gạt lệ
Tạ ơn Trên .. Người vẫn thương người .. (**)*

Càng về khuya, gió đêm càng se lạnh .. Đứng trên boong tàu với các anh, cùng chia nhau điếu thuốc, tôi thấy ánh trăng đêm rằm tháng tám hình như sáng hơn, trong xanh hơn và cuộc đời mỗi người trên tàu từ đây đã được lật sang một trang mới.

Vưu Văn Tâm - 21.09.2017

() tên bài hát của nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng*

*(**) trích dẫn ca khúc "Lời kinh đêm" của nhạc sĩ Việt Dzũng phổ nhạc theo lời thơ của thi sĩ Mán Thuận*



BÊN ĐƯỜNG THÁNG TƯ

Tình cờ chạm mặt hôm nay,
Ngó nhau vào quán vòng tay ta ngồi,
Ngoài kia lộn độn nổi trôi,
Vài xâu bia lạnh không mời, mấy khi
Chén thù giục giã nâng ly,
Ồ ào cho vợ bớt đi sầu đời!
Hơi men chếnh choáng nói cười,
Dây dưa mãi tận cái thời dây dưa!
Người xui vợ bỏ, thấy chưa?
Kể hên lách khỏi nắng mưa nhọc nhằn.
Máu xương chồng chất ăn năn
Bao nhiêu nhục nhã khó khăn lao tù,
Hết cười lại khóc hu hu!
Dăm ba lữ khách phù du bên đường.

Nguyễn Phú Long



“Em Từ Lục Bát Bước Ra”
Bùi Thanh Tiên

Em từ lục bát bước ra
Có cơn bướm trắng đường xa đậm trường
Chiều hoang thớ lạnh hơi sương
Cảnh khuya mơ giấc vô thương đóa hoa...

Em từ lục bát bước ra
Đôi chim oanh hót... ngọc ngà trên môi
Em, cảnh dạ lý bông lơi
Sợ tình se chặt... cõi đời mệnh mỏng...

Em từ lục bát bước ra
Nhớ nhung chát cạn, rồi ta còn gì?
Chập chùng hình ảnh trôi đi
Tà áo em xanh, bờ mi, giọt buồn...

Em từ lục bát bước ra
Nghe trong hiu hát... vòng qua kiếp người
Gán nhau? Hay đã phai phôi?
Tư thân hạt bụi... mảnh đời em mang...

Designed by LN



1-

Tôi ngồi co rúm lại, rút cả hai chân lên trên chiếc ghế xếp được đặt giữa nhà, cả con người tôi cứ cảm thấy ớn lạnh, tim đập thình thịch. Còn con chuột "khốn khiếp" với hai con mắt đen lay láy, thì cứ chạy thoăn thoắt trên cái sườn nhà lợp bằng lá mà má tôi đang ở.

Đời tôi sợ nhất là chuột, vậy mà Trời ơi! Mắt không nhìn mà cứ thấy nó, nổi ớn lạnh cứ bám lấy tôi hàng ngày, suốt trong ba tuần lễ tôi trở về với má của tôi.

Ba má tôi được chị em chúng tôi bảo lãnh qua Mỹ được gần một năm thì ba tôi mất. Má tôi ráng ở thêm chín năm nữa với chúng tôi cho trọn tình mẹ con, rồi đòi trở lại Việt Nam để gần bà con họ hàng. Vui sống được gần hai năm thì bà bị đột quy.

Mấy đứa tôi nghe tin, liền tức tốc bay về, cũng chẳng cứu vãn được gì, chỉ còn biết kè cận với má tôi được chút nào hay chút nấy.

Về... mới biết cuộc đời sao mà có lắm cảnh tang thương quá thế. Không cần nhìn đâu xa, ngay bên cạnh tôi đây, ông anh Xuân của tôi đang ngồi trên một chiếc võng, thân võng thõng sát xuống mặt đất. Anh thì ốm o gầy mòn, lưng còng như gập lại làm đôi, hai đầu gối chổng lên đến mang tai, mắt thì đã lòa vì nghiện rượu lâu năm. Khi nghe tin anh ra nông nổi, mỗi tháng tôi gửi tiền về nhờ vợ chồng anh Thu thay tôi, nấu nướng chăm sóc cho anh. Hôm nay trở về tận mắt trông thấy, thật đau lòng xót dạ quá sức.

Tới giờ cơm trưa, chị Thu mang ra một tô cơm đã trộn sẵn, đặt cái cách dưới đất trước mặt anh. Bỗng đâu xuất hiện một con chó mực, nó phóng tới chỗ mồm vào tô cơm của anh. Không một chút ngạc nhiên hay giận dữ anh nhẹ nhàng dùng cánh tay gạt nó ra, nhưng nó cũng đã đớp được một miếng rồi. Thế là hai bên cứ

giằng co, anh đẩy nó ra, nó cứ len vào, chỗ cái mồm gớm ghiếc của nó vào tô cơm đóp thêm miếng nữa rồi miếng nữa, tôi nhìn thấy cảnh đó mà kinh hoàng.

Tôi vội la lên:

- Trời ơi! sao không dọn lên bàn cho anh Xuân ăn đàng hoàng, mà lại để như vậy, thật không thể tưởng tượng nổi!

Chị Thu vội phân trần:

- Tại anh Xuân muốn như vậy, anh nói con chó là bạn của anh, mỗi buổi đều cùng nhau ăn cơm, buổi tối cùng ngủ với nhau, anh muốn đi đâu nó sẽ dẫn anh đi. Bấy lâu nay đã thành thói quen.

À ra là thế, có lúc con chó còn thân thiết hơn con người.

Trở về !!

Con chuột làm tôi lạnh xương sống, con chó làm tôi chảy nước mắt, còn con người chung quanh khi tôi trở về thì sẽ khiến tôi như thế nào đây?

Bạn hãy trả lời dùm tôi, bạn nhé.

2-

Tôi đang ngồi ăn bánh xèo ở Đình Công Tráng, bên hông nhà thờ Tân Định. Mọi người cười cười, nói nói, ăn uống rần rần... Tiếng người tiếp viên la lớn, cho bàn này hai cái bánh xèo, bàn kia bốn con tôm nướng, bàn này thêm rau, bàn kia thêm ớt... um xum trời đất cả lên, lúc đó tâm hồn đâu mà còn nghĩ đến “chiến tranh hay hòa bình”.

Bỗng nghe tiếng ròn rột bên tai, tôi ngừng ăn ngược mắt lên nhìn. Tôi trông thấy một người đàn ông, cụt hết cả hai chân gần tới háng, ông ngồi trên một miếng gỗ vuông nhỏ, bên dưới có 4 bánh xe, ông dùng hai tay chống xuống đất, di chuyển chỗ này chỗ kia thật tiện lợi. Trên cổ ông đeo một bịch to chứa những cuốn sách.

Thấy tôi nhìn, ông vội “sàng” đến bên chân tôi, lanh lệ gỡ cái túi từ trên cổ xuống, mời tôi mua sách. Những cuốn sách trước 75 tôi đã từng đọc, nay được in lại trông xấu xí làm sao. Tuy vậy tôi cũng muốn mua giúp ông, tôi lựa đại vài cuốn và trả tiền, xong tôi nói cảm ơn. Ông tỏ vẻ ngạc nhiên và nói với tôi rằng:

- Sao cô lại cảm ơn tôi, tôi phải cảm ơn cô mới đúng chứ.

Trái tim tôi bỗng nặng trĩu, tôi ứa nước mắt và nói với ông rằng:

- Ông đem sách tới tận nơi bán cho tôi, thì tôi cảm ơn ông là phải rồi, còn ông cảm ơn tôi vì tôi mua sách giúp cho ông cũng phải luôn, vậy chúng ta cùng cảm ơn nhau nhé.

Ông cười, tôi cũng cười. Tôi tiếp tục ăn bánh xèo, thấy ngon hơn khi nãy.

3-

Đang đi “tìm lại phố xưa”, có một bà cụ chặn tôi lại mời mua vé số. Tôi lựa lựa vài xấp, hỏi bao nhiêu rồi trả tiền. Mua xong tôi tặng lại cho bà. Bà tỏ vẻ không bằng lòng và nói với tôi rằng:

- Tôi bán vé số, chứ không phải ăn mày.

Tôi vội vuốt ve bà:

- Cháu không có ý đó, vì cháu ở xa về, không biết chừng nào xổ, để mà dò, thôi thì bà giữ lấy dò dùm cháu vậy mà.

Nghe thế bà mới hơi nguôi nguôi và cầm lấy mấy tập vé số tôi tặng bà.

Tôi thật không phải !!!

Tự dặn lòng mình: Không phải điều gì mình cho là hay thì nó sẽ hay.

4-

Buổi tối, hơi khuya nhưng chưa buồn ngủ, chúng tôi ở khách sạn Ninh Kiều, Cần Thơ. Rủ nhau ra bến Ninh Kiều dạo chơi. Dạo chơi nên chúng tôi không có “lận” theo đồng nào.

Có một bé gái, đứng quá đầu gối tôi một chút, trông nó chừng năm tuổi, em vẹo người “mang” một cái rổ bên hông to hơn em gấp đôi, nặng trĩu. Em mời tôi mua đậu phộng luộc. Tôi vội ngồi thụp xuống, ngang tầm mắt với em, tôi hỏi em với giọng hốt hoảng như đang nói với con mình:

- Con mấy tuổi, sao giờ này còn lang thang ngoài đường, ba má đâu mà con phải đi bán đậu phộng khuya lơ khuya lác như thế này, thật nguy hiểm quá.

Em trả lời tôi:

- Con mười tuổi, ba má con đang đánh bài ở nhà, con mà không bán hết rổ đậu phộng này, mà mò về thì con sẽ bị đòn chết luôn.

Tôi sờ vào túi mình không có đồng nào. Đành nhìn em bỏ đi mất hút. Không biết em sẽ làm sao bán cho hết đêm nay, rổ đậu phộng luộc còn nặng trĩu kia, để khỏi bị đòn.

Tôi chợt nghĩ tới con gái của tôi năm nó 18 tuổi, nó gọi điện thoại vào sở nói với bố nó rằng:

- Bố ơi, con muốn ăn French Fries, con vặn cái deep-fry như thế nào hả bố?

Ông chồng tôi đang đầu tắt mặt tối ở sở làm, hốt hoảng la lên rằng:

- Đừng! đừng ! con đừng làm gì cả, bố sẽ về sớm chiên French Fries cho con ăn.

Tôi thấy ông Trời hơi bất công.

Sáng hôm sau trước khi rời Cần Thơ, tôi chạy vội ra bến Ninh Kiều, cố tìm mà không thấy em đâu. Tôi thấy mình ngớ ra. Đã nhiều năm, em bây giờ ra sao rồi hỏi em?

ƯỚC MƠ THẾ KỶ

Tuổi sơ sinh ước mơ bầu sữa mẹ
Bài ca dao mẹ ru ngủ ơi à
Bàn tay thơm trên da mẹ nỡn nà
Võng thưa mát thiên thần bay đưa đẩy.

Mùa kháng chiến núi rừng ly loạn chạy
Mơ Hà Thành lấp lánh ánh sao sa
Mơ trái cây nặng trĩu khắp vườn nhà
Mơ hoa nở đầy tường leo biệt thự.

Thuở mười ba giữa khúc quanh lịch sử
Ước mơ sao đất nước chẳng chia đôi
Cho bạn bè thân thuộc chẳng hai nơi
Và tổ quốc một ngày gần thống nhất.

Hồn đôi mươi, giấc mơ đời chắt ngất
Một mái lều tranh hai trái tim vàng
Người trong thơ mang hình bóng tên chàng
Mà tình đã không xây thành mộng ước.



Mùa hè đỏ rực niềm đau cầu nguyện
Thôi chiến chinh, thôi máu lửa binh đao
Tội con cô, tội góa phụ má đào
Người chiến sĩ chết sa trường uất nghẹn.

Tháng Tư Đen ước gì mi đừng đến
Để Miền Nam không bị mất lá cờ
Triệu di dân không gặp cảnh sa cơ
Tên Sài Gòn không bao giờ thay đổi.

Hai mươi lăm năm dài không cơ hội
Ngục tù kia đang cùm xích quê hương
Bạo quyền kia chà đạp kiếp thê lương
Thương đất mẹ trong thiên tai hồng thủy.

Vẫn tha thiết ước mơ Tân Thế Kỷ
Việt Nam ta đầy áo ấm cơm no
Vui hưởng nhân quyền dân chủ tự do
Đời tươi đẹp như non sông gấm vóc.

Và thế giới được ơn trên mưa móc
Thượng Đế ban cho hạnh phúc hòa bình
Đen trắng đỏ vàng cùng kiếp chúng sinh
Đông Tây chấp nối vòng tay nhân loại.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

(01-2000)

RỪNG CHIỀU THU THAY LÁ

Thơ : *Phong Thu*

Nhạc : *Vĩnh Điện*

Slow ♩ = 58 (*Huyền mộng, hát hịu*)



Em có nghe rừng chiều thu thay lá. Chiều Sa -



pa trời tím cả hoàng hôn. Em trôi tim tôi vào cuộc tình không hẹn. Giữa trời



thu lá bàng bạc nắng thu phai. Tôi nhặt lá đếm sàu qua cánh



gió. Hồn chơi voi thương nhớ mảnh trăng gày. Nếu ngày mai em trở về phố



chợ. Nhớ mang theo từng giọt nắng Sa - pa. Nhớ mang



theo từng giọt nắng Sa - pa. Và mang theo một mối tình câm lặng. Một tình



yêu chôn kín giữa huyền mơ. Em yêu ơi chiều nay rừng thay lá. Nhớ mang



theo từng giọt nắng Sa - pa. Sa-pa buồn hiu hắt giữa chân mây. Đêm lộng



gió tôi ôm đàn ngồi hát. Nhớ thương em vào những lúc giao mùa.

Mời nghe ca khúc “Rừng Chiều Thu Thay Lá”, Vĩnh Điện phổ nhạc từ bài thơ của Phong Thu



Người là cây - Đời người không phải là chiếc lá

Cung Thị Lan



Bởi kiếp người ngắn ngủi và con người đều phải chết; cho nên, mỗi lần thu đến, nhìn lá thu vàng rơi, mọi người cho rằng cuộc đời con người giống như chiếc lá. Hình ảnh lá mới nhú mầm, nhỏ nhắn xanh non, trưởng thành, xanh đậm, sau chuyển dần thành màu vàng úa và bỗng chốc rụng xuống đất chẳng khác gì đời của người qua các giai đoạn ra đời, niên thiếu, trưởng thành, già yếu và từ trần.

Thực tế, cuộc đời của mỗi con người trên thế gian không giống nhau. Không phải ai cũng qua các giai đoạn sinh trưởng, già nua, yếu ớt và từ già cõi đời như cuộc đời của lá. Con người không có cùng giai đoạn bệnh hoạn, không cùng giai đoạn già nua và cũng không cùng chết như cảnh lá vàng rơi rụng cùng một lúc trong mùa thu. Có những người chưa từng qua giai đoạn trẻ thơ hay niên thiếu đã qua đời từ ngay từ lúc mới sinh ra. Có người chưa đến tuổi già đã trút hơi thở cuối cùng khi còn trai trẻ. Như thế, không thể ví cuộc đời của con người có chu kỳ như cuộc đời của lá.

Theo quan niệm của người viết, người là cây và cuộc đời của con người là cuộc đời của cây. Giống như cây, con người cần ánh sáng, nước, không khí, dưỡng tố và môi trường sống lành mạnh để phát triển. Cây phát triển từ lúc nhú mầm đến khi đơm hoa, kết trái như con người sinh ra, lớn lên, trưởng thành và sinh sản.

Có lẽ các bậc tiền nhân cũng nhận thấy cây là biểu tượng của con người nên đã sử dụng khá nhiều hình ảnh của cây trong các câu ca dao tục ngữ.

Như “Tre già măng mọc” cho chúng ta thấy hình ảnh người già, thế hệ cao niên mất đi, người trẻ, thế hệ trẻ sẽ kế vị tiếp bước.

Qua hình ảnh măng và tre, tổ tiên ta còn căn dặn rằng: “Uốn tre uốn lúc còn măng”, “Tre non dễ uốn”, “Măng không uốn, uốn tre sao được!” để nhắc nhở chúng ta nên dạy con từ thưở còn thơ. Nếu không dạy con trẻ từ lúc còn nhỏ, sẽ rất khó dạy khi chúng đã trưởng thành.

“Cây ngay không sợ gió” cho thấy rõ hình ảnh người sống ngay thẳng cương trực không sợ gièm pha, nói xấu.

Cây trong “Một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao” nhấn mạnh giá trị của sự hợp lực và đoàn kết.

Và cây trong câu thơ lục bát:

“Cây xanh thì lá cũng xanh

Cha mẹ hiền lành để đức cho con”

đề cập đến thuyết nhân quả đồng thời nhấn mạnh sự di truyền và luân chuyển những điều tốt đẹp từ đời này sang đời khác.

Đọc đến đây, chắc hẳn độc giả thắc mắc về giai đoạn cuối của đời người. Chúng ta sẽ ở đâu sau một kiếp người? Thưa rằng: Chẳng khác cây, người sẽ chết dần mòn và trở thành người thiên cổ khi thiếu những điều kiện cần thiết như ánh sáng, không khí lành mạnh, dưỡng tố và môi trường sống; tuy nhiên, “chết không có nghĩa là hết!” Khi nhắm mắt xuôi tay, chúng ta ngỡ cuộc đời của mình đã chấm dứt. Kỳ thật, cuộc sống của chúng ta vẫn tiếp tục tiếp diễn trong thế giới loài người như cây cối tiếp tục phát triển trong thế giới của cây.

Thử nhớ lại những cây cối mà bạn đã từng quan sát. Có những cây cao to đã từng bị cưa, chặt vẫn tiếp tục phát triển cành mới và nhánh mới. Ngay cả khi cây bị bứng gốc, bị diệt tận rễ tưởng đâu hết kiếp nhưng cuộc sống của chúng vẫn còn luân chuyển qua những hạt mà chúng sản sinh từ mùa trước. Hạt mang đặc tính riêng của từng loại và mầm sống để tiếp tục phát triển thành cây con, để tiếp tục sống và tiếp tục sinh sôi nảy nở. Con người chúng ta cũng như thế! Cho dù chúng ta trở thành người thiên cổ, tế bào của chúng ta tiếp tục luân chuyển trong thân thể của con cháu chúng ta. Chúng tiếp tục trưởng thành, tiếp tục sinh sôi trong các thế hệ kế tiếp. Những người độc thân sẽ mỉm cười chế giễu rằng đây là ý nghĩ của một kẻ ngông cuồng. Sẽ có lý luận rằng: “Làm gì có chuyện sinh sôi nảy nở khi thân xác của ta không còn ở trên đời?”

Vậy có bao giờ bạn nghe những câu nói này chưa: “Anh A. giống ba và ông nội như đúc!” “Tính tình của cháu B. giống y chang bác cả!” “Thằng C. có khiếu âm nhạc giống hệt cô Tư của nó!”... Như thế, rõ ràng rằng: Có sự di truyền từ đời này sang đời khác. Ngay cả khi bạn ở trong tình trạng độc thân, cháu chắt từ bà con của bạn cũng lưu truyền một phần huyết thống của bạn.

Ba của tôi qua đời từ lúc tôi chỉ có ba tuổi rưỡi. Rồi từng ngày lớn lên, mỗi khi nghĩ về ông, tôi luôn cảm thấy tiếc nuối và xót xa vì sau cái chết của người cha tài năng, tôi không được ông truyền cho những năng khiếu và phẩm chất mà ông có. Tuyệt vọng vì không thể học hỏi những gì từ người thân yêu đã yên nghỉ nơi chín suối trong hoàn cảnh cơ cực của gia đình mẹ góa con côi, tôi chơi vơi và bất lực trong đời sống khốn cùng. Tôi không bao giờ nghĩ mình có thể học hết bậc trung học, không thể nào làm được những gì ba mình đã làm. Thế mà trong hoàn cảnh làm lụng vất vả ở xứ người với ba con nhỏ, tôi chăm chỉ vừa học vừa làm để lấy được bằng cử nhân rồi thạc sĩ, viết văn thơ, biết hát đúng điệu hay biết chụp hình đúng cách và làm nhiều thứ thuộc về nghệ thuật. Mỗi khi xét lại bản thân, tôi giật mình nhận ra mình kế thừa tính ngăn nắp, chăm chỉ và chịu khó của ba tôi. Một cách vô tình, tôi đã làm những việc tôi mà ba tôi thường làm khi ông còn sống. Tôi đã thành công nhờ tính ham học, cần cù và kiên nhẫn. Những đức tính mà mọi người trong đại gia đình nội tôi đều nhắc đến khi nói về ba của tôi. Qua chuyện này, tôi nhận ra là ba tôi không hề chết, không hề mất hay tan biến trong cuộc đời. Ông vẫn còn hiện hữu trong tôi trong suốt thời gian sống của tôi.

Nhưng không phải chỉ có ba tôi. Tôi còn là sự hiện hữu của nhiều người thân trong gia đình. Ví dụ như chuyện nấu ăn của tôi. Ai cũng nói tôi nấu ăn ngon và thường hỏi tôi bày cách nấu. Buồn cười là tôi xuất thân từ một gia đình hết sức nghèo. Mẹ tôi không hề có tiền mua thực phẩm. Gia đình không đủ ăn thì làm sao tôi có điều kiện để học nấu ăn hay nấu ngon. Thế mà, tôi không hiểu sao tôi lại có năng khiếu về môn này. Tôi chỉ cần nhìn qua thì tôi có thể hiểu được cách nấu nướng ra sao cho đúng, ngon và khéo. Vốn là người thích leo trèo và hoạt động như nam giới; cho nên, mỗi lần các cô tôi sai phụ nấu ăn, làm bánh mứt hay may vá thêu thùa là tôi cố tình làm thật nhanh cho xong việc rồi trốn. Vậy mà sau mỗi lần phụ, tôi thường được khen là “Con ni làm chi cũng ngon, cũng khéo, và đẹp! Mi khéo giống bà nội y đúc!” Trước đây, tôi luôn tự hỏi vì sao mình lại có những năng khiếu không thuộc về sở thích của mình. Bây giờ qua bao suy ngẫm, tôi mới ngộ chữ di truyền mà mọi người thường nói với nhau. Di truyền chẳng gì khác hơn là sự thừa hưởng những đặc điểm và phẩm chất từ tổ tiên, giòng họ, ông bà và cha mẹ. Những đặc điểm của những thế hệ trước luôn hiện diện và phát triển trong bản thể của những thế hệ kế tục. Chúng ta đang thừa hưởng những khả năng, phẩm chất của ông bà, cha mẹ và các thế hệ con cháu sẽ tiếp tục kế thừa những gì chúng ta có. Tưởng đâu ta mãi kiếp người khi xuôi tay nhắm mắt, chúng ta vẫn tiếp tục hiện diện trong bản thể của con cháu chúng ta. Nếu bạn nhận ra điều này, bạn sẽ thanh thản và nhẹ nhàng với hai chữ sinh và tử.

Chúng ta sẽ giảm bớt sự bi quan trong cuộc sống khi chúng ta xem bản thân là phần tử nhỏ trong tổng thể. Tổng thể của chúng ta là thế giới loài người. Thế giới loài người chỉ khác thế giới loài cây ở chỗ: Cây là thực vật vô tri; còn loài người chúng ta là cây có tri giác. Chúng ta có nhận thức và biết làm điều hợp lý để tích cực tạo dựng cuộc sống và sự tồn tại hết sức ý nghĩa và có ích. Trong khi, thế giới loài cây phụ thuộc vào những điều kiện tự nhiên. Chúng có khi là rừng rậm rạp, tươi xanh, có khi là rừng hoang phế khô cằn, với hàng hà cây khô, lá chết. Còn chúng ta có thể chủ động tạo cho mình một môi trường an toàn và nhân bản để cùng sống vui và phát triển mạnh khỏe.

Bạn có thể khẳng định con người chúng ta là sinh vật hay là động vật cao cấp thay bằng sự thừa nhận hình ảnh thực vật cây cối nhưng xin đừng bi quan cho rằng cuộc đời con người ngắn ngủi như chiếc lá! Di truyền là sự luân chuyển sự sống dưới nhiều hình thức khác nhau và kéo dài cuộc sống của loài người.

Nếu chúng ta không nghĩ kiếp người ngắn ngủi, đời người là cõi tạm, chúng ta sẽ xóa tư tưởng bi quan yếm thế. Chúng ta sẽ không sống buông trôi hay buông thả, sẽ không trầm tư mặc tưởng hay lo toan cho hành trình sau khi chết. Chúng ta cũng sẽ không còn buồn khổ khi nghĩ đến chuyện được lên thiên đàng hay xuống địa ngục. Với sự thông minh của con người, chúng ta tự tạo một thiên đường vui vẻ lạc quan yêu đời ngay trên trần thế và xóa tan những tư tưởng âu sầu, chán nản bi quan của chốn địa ngục. Có như thế, chúng ta sẽ trách nhiệm nhiều hơn đối với cuộc sống của chúng ta và những thế hệ mai sau để cùng bảo tồn sự sống tốt đẹp của toàn nhân loại.

Cung Thị Lan



Hoa Anh Đào Washington DC - Ảnh: Phạm Văn Tuấn

TUYẾT RỤNG ĐƯỜNG HOA

Mùa Xuân vừa bước tới gần
Đã đầy tuyết phủ trắng ngần đường hoa
Cây buồn đứng lặng bờ xa
Gió băng khuâng thổi vỡ òa lẻ loi.

Câu thương tình dẫn đo lời,
Đôi dòng ngôn ngữ buồn vui ấm nồng.
Tuyết rơi nhớ quá vô chừng
Đem cung bậc cũ hoà cùng hồn thơ.

Cho nhau lời đợi câu chờ
Sợ hoàng hôn rụng trước giờ nắng xuân
Yêu thương tròn vẹn đôi vần
Phân vân phủ kín mấy phần riêng tư.

Nắng mưa hun hút mơ hồ
Ân này nghĩa nọ tình cờ sớm hôm
Duyên nào phận nấy mỗi mòn
Hương thơ sưởi ấm nỗi buồn trăm năm.

Thương về đâu vọng âm thầm
Mạch sầu một nét hoa trầm lời ca
Ví dầu sương gió phiêu pha
Lòng riêng giữ trọn thiết tha mộng về.

Hoa Vãn (Richmond, ngày tuyết rơi)



Ảnh: Minh Châu-Richmond

HƯƠNG HOA TÌNH THƠ

Em Thu Cúc người anh yêu trong mộng
Ngọt ngào nào khua động trái tim thơ
Trắng tay hoa tròn vẹn vạn ân chờ
Dù đông bão vẫn mơ ngày mở hội

Mắt sương sa long lanh tình sương khói
Mộng mơ nào tha thiết ngát hương bay
Nghĩa yêu thương ấm ấp trái tim đầy
Hương Hoa nở nụ xuân hồng phơi phới

Lửa yêu thương ấm êm lòng mong đợi
Tình còn nồng hương ngào ngọt cung say
Chữ hoa duyên vạn nẻo ước mơ này
Anh mong được đón em đời hạnh phúc

Thuở mới chớm yêu em vàng hoa cúc
Chút âm chiều nắng ngọt lúc sương sa
Bước chân đi rộn rã bóng chiều tà
Lòng đôi lúc mong manh là lụa mỏng

Yêu quý em đời anh thêm lẽ sống
Trong âm thầm héo hắt đổi thành vui
Nhạc cùng thơ năm tháng hiến dâng đời
Em ngôn ngữ yêu thương hồng lối nhỏ

Anh đang độ héo tàn đêm trăng úa
Gặp em rồi nhạc dạo khúc rong chơi
Những ưu tư trĩu nặng vội vàng rơi
Hồn thơ lại lung linh điều mơ ước

Hương Hoài Điệp Hoa Vãn tình sau trước
Nghĩa ân nào mãi mãi một trời mơ
Nhạc và thơ hoà quyện nỗi mong chờ
Tình lửa ấm giữa cung vàng bửu ngọc

Thơ đôi lúc băng khuâng buồn vụn vỡ
Nắng mưa đi cõi nhớ vạn ân cần
Dù cuộc đời nhiều lúc thật phân vân
Vẫn đón nhận những ngọt bùi hy vọng

Anh đâu biết cuộc tình dù trong bóng
Áng thơ hồng muôn thuở vẫn thiết tha
Cuộc tình mình sáng lạn khúc hoan ca
Lòng rộn rã tâm hồn thêm rực rỡ

Tình yêu thương khát khao hoài nỗi nhớ
Chắt chiu nào nồng ấm dấu hương bay
Nhạc thơ yêu son sắt cuộc đời này
Tình mở hội thặng hoa mùa nắng mới

Hoa Vãn

THI SĨ VÀ NÀNG THƠ

Đỗ Bình

Cuối thế kỷ trước có một thi sĩ tặng tôi tập thơ đẹp cả ý lẫn lời, đây là những bài thơ tình nửa hư nửa thật dẫn người đọc bước vào một thế giới mộng mị nơi đó có hai mảnh hồn đầy lãng mạn giữa thi sĩ và nàng thơ đã đắm đuối qua thơ văn nên bị cuốn vào cơn lốc tình, họ đắm say chia nhau ăn «trái cấm» tình yêu, dù cả hai đều đã có gia đình! Theo những dấu chân tình lãng mạn trong thơ tôi cảm thấy lòng xao xuyến thương cho cuộc tình muộn màng, ngang trái, rất tha thiết nhưng trái đạo! Lời thơ chọn lọc, nhẹ nhàng cất lên từ đáy tim bằng ngôn ngữ thật thà để diễn tả tâm trạng của kẻ đang yêu nên không dùng sáo ngữ tán tình yêu như loài bướm lượn cành hoa. Thi sĩ đắm hồn như loài ong đang hút nhụy, mật ngọt của tình yêu đầy màu sắc, bồng bềnh tạo không gian trong thơ mờ ảo. Tôi chưa hề quen biết người trong thơ nhưng lại thương cảm cho nàng qua cách diễn đạt tài tình của thi sĩ, phải chăng nàng cũng làm thơ nên đã yêu thi sĩ ?

Vì cảm hồn thơ tôi đã trân trọng giới thiệu thi tập với các bạn văn nghệ ở Paris, và có ngờ lời nhờ vài người bạn là nhạc sĩ phổ nhạc giúp vì hiếm gặp được những bài thơ tình hay và độc đáo như thế. Nhưng thuở ấy những trận bút chiến hải hùng trên văn đàn mà tác giả là khuôn mặt nổi do đó đã làm ngại ngần những tâm hồn đồng cảm! Mang thi tập về nhà lòng tôi cứ bâng khuâng chẳng biết làm sao để những vần thơ hay này được nương cánh nhạc bay cao lan toả đến công chúng, tôi tin những ca khúc có lời thơ ý nhạc hay sẽ làm lòng người thổn thức mãi. Thơ phổ nhạc là muốn đem thêm chút nghệ thuật âm thanh vào trong thơ làm nổi bật hình ảnh sắc màu, ý thơ, tính nhạc để hát bài thơ theo nhiều giai điệu trầm bổng. Một bài thơ phổ thành ca khúc hoàn hảo rất khó, bài thơ được phổ sẽ không bị cắt câu chữ làm mất hình ảnh, huyệt ý nghĩa của tứ thơ. Nhưng đâu phải bài thơ nào cũng chuẩn, cũng có hình ảnh, tính nhạc! Có những bài thơ câu chữ thừa, hoặc trùng ý, trùng nghĩa, do đó nhạc sĩ cần phải cắt xén câu chữ, sắp xếp lại cấu trúc giai điệu để hình nốt vút theo từng cung bậc của ngữ nghĩa thành tác phẩm. Những ca khúc VN hay thường có nét độc đáo, riêng biệt, ca từ hay mang ý đẹp. Trong số những bài thơ phổ nhạc có những bài ngôn ngữ, tứ thơ bình thường nhưng được người nhạc sĩ có tài phổ sẽ làm tăng giá trị bài thơ trở thành ca khúc hay vì nhạc sĩ đã đi vào hồn thơ tính nhạc của bài thơ để phổ; Nhưng cũng không ít những bài thơ rất hay bị phổ vội, thiếu chất nghệ thuật làm giảm giá trị bài thơ!

Trong kho tàng văn học nghệ thuật Việt Nam có nhiều nghệ sĩ chỉ cần sáng tác một vài bài thơ, ít nhạc phẩm đã để cho đời những áng thơ hay những giai điệu tuyệt vời: Thi sĩ Vũ Đình Liên, Thi sĩ T.T.K.H, thi sĩ Hữu Loan, Thi sĩ Linh Phương..., phía âm nhạc: Nhạc sĩ Đặng Thế Phong, Đoàn Chuẩn & Từ Linh, Nguyễn Văn Khánh, Lê Hoàng Long, Hiếu Nghĩa, Dzũng Chinh..vv....Họ là những nhạc sĩ sáng tác thực tài mà trời đã ban cho một năng khiếu âm nhạc đặc biệt

để thẩm thấu những nét độc đáo của âm thanh kết thành giai điệu đẹp. Họ không cần vận dụng những lý thuyết hàn lâm quá phức tạp trong âm nhạc để dàn trải khi chỉ sáng tác một ca khúc, những điều kiện đó trời đã cho họ những ưu điểm từ trong vô thức có một giác quan rất bén nhạy về âm nhạc nên đã chứa sẵn lý thuyết âm nhạc trong cảm hứng khi sáng tác. Đối với những nhạc sĩ đã sáng tác hàng trăm ca khúc và có nhiều bài hay, họ là người có tài, tâm hồn phải thật đam mê âm nhạc mới làm nổi nhiều nhạc phẩm hay, nếu không chỉ là số lượng dù viết hàng trăm ca khúc, trăm bài thơ mà người đời cũng chẳng biết đến hoặc nghe qua rồi quên! Người nghệ sĩ dù có bị người đời vô tình quên tên tác giả hay “cố tình quên” thì họ vẫn cố gắng hiến cho đời những sáng tác bằng cả tâm hồn, mà tâm hồn nào hướng về nghệ thuật cũng tuyệt vời! Ngoảnh lại thấy thời gian trôi rất nhanh mà đời người lại quá ngắn ngủi, phải chăng chỉ có tình yêu mới đáng quý nên hồn tôi dạt dào cảm xúc với tâm hồn lãng mạn của thi nhân và nàng thơ, nên đã viết thành bài thơ: Chỉ Là Mơ . Khó diễn tả cảm giác trong tôi, có lẽ tôi đã qua thời tâm hồn đầy ắp những cảm xúc sướt mướt của thơ tình!

“Thơ thần vì đóa hoa thiếu nắng

Khép mi, cho lòng đỡ ngất ngây

Bỗng dưng, ta thấy đời im lặng

Như mất nửa hồn theo áng mây!

nếu lỡ đã say mà quên lối?

Thì đành ôm chút mộng hờ thôi.

Tình chỉ là mơ, sao bối rối?

Quay đi ...hồn vương mãi nụ cười!”

(Chỉ Là Mơ)

Hôm ấy có người bạn ở Đan Mạch đến thăm và ở chơi với tôi. Chúng tôi tổ chức chiều họp bạn văn nghệ quy tụ nhiều khuôn mặt văn nghệ sĩ Paris, trong chương trình tôi đem bài thơ ra đọc, bằng hữu hiện diện đều có tuổi nhưng ai cũng thích bài thơ tình lãng mạn đó. Khi các bằng hữu của tôi ra về ông bạn tôi mới nói cho biết chuyện tình trong thơ mà tôi làm tặng cho thi sĩ phương xa, tác giả không viết hư cấu mà là chuyện thật! Tôi ngỡ ngàng, và chợt nghĩ có lẽ họ đang chống nhau trên lãnh vực văn bút nên khất khe chẳng? Và Tôi tự nhủ: Ở trên đời có nhiều điều nhìn thấy cũng chưa chắc đúng, hướng chỉ chỉ là nghe đồn! Làm sao có thể hiểu hết sự bí ẩn trong tâm hồn con người, nhất là tâm hồn đa cảm của thi nhân biết đâu là bến bờ ? Ông bạn phương xa của tôi là một người nổi tiếng, anh ấy đa tài, là một nhà giáo, nhà biên khảo, nhà báo chuyên nghiệp đã thành danh từ đầu thập niên 50 của thế kỷ trước, anh nhìn đời rất thực tế và nghiêm khắc không thơ thần mơ mộng như tôi! Ngòi bút của anh sắc hơn gươm đao nên dễ làm bật máu người khác, các bạn quanh tôi đều nể trọng kiến thức uyên bác và tài năng sáng tác của anh nhưng chẳng ai dám lại gần vì ngần ngại cây bút lạnh toát không nhận ra được bạn thù!

Gần hai mươi năm sau trong một lần họp bạn văn nghệ ở Paris, có người yêu cầu tôi đọc bài thơ cũ, để đẹp lòng người bạn tôi đã đọc trong khán phòng ấm cúng, yên lặng. Bỗng một giọng trầm buồn của một nhà biên khảo nổi tiếng anh cho biết có quen tác giả thi tập và người trong thơ, thi sĩ thì mãi thả hồn theo mây bay để làm thơ quên thực tại! Còn nàng thơ lại rất yêu thơ văn, thích sống bằng mộng tưởng nên đã vô tình làm đổ vỡ chuyện gia đình! Có gì tồn tại mãi với thời gian mà không phai theo năm tháng? Cuộc tình trong thơ dù hư cấu hay chuyện thật thì cũng qua đi nhưng dòng cảm xúc của thi nhân là thật, nỗi cô đơn vẫn góp cho đời những áng thơ hay. Thời gian trôi qua mau người đời có thể đã quên thi sĩ, hương tình xưa cũng đã bay xa. Chỉ còn những vần thơ say đắm trên trang sách cũ, người đời sau yêu thơ đọc lại những vần thơ xưa chắc bù ngùi thương cảm nỗi lòng thi nhân? Chẳng có hạnh phúc nào vĩnh cửu, còn tình yêu vẫn là đề tài muôn thuở, cái thú của người làm thơ, ở đó thi nhân tìm được chỗ trú ngụ để tâm hồn thăng hoa phút giây. Cuộc tình nào mà không qua đi nhưng thơ đâu có tội tình, nhà thơ dù có muốn quên nàng thơ nhưng hồn thi nhân vẫn vướng mãi nụ cười xưa. Tình yêu là những khoảng diễm tuyệt trước khi tan biến thì vẫn giúp cho thi nhân có thêm nguồn cảm hứng dệt cho đời những áng thơ tình muôn sắc.

Đỗ Bình



Hoa Mẫu Đơn -Ảnh: Minh Châu Richmond

VỤ ÁN NGHỆ SĨ XIỆC TÊN HAN

TP NGUYỄN VĂN THÀNH (1923)

(Phỏng dịch theo tác phẩm của SHIGA NAOYA)



Shiga Naoya

TỘI PHẠM CỦA HAN

Một nghệ sĩ xiếc Trung Hoa tên là Han, trong một màn biểu diễn thông thường, đã phóng một trong những con dao lớn cắt đứt mạch máu chính ở cổ của người vợ trước sự kinh ngạc của tất cả khán giả. Người vợ của nghệ sĩ xiếc chết tại chỗ. Han bị bắt ngay.

Sự kiện xảy ra tại hiện trường trước sự hiện diện của ông Giám Đốc nhà hát, người phụ tá cho Han, người giới thiệu chương trình và hơn 300 khán giả. Ngoài ra, còn có một cảnh sát viên đứng sau sân khấu. Mặc dầu có sự chứng kiến của tất cả các nhân chứng ấy, vẫn có sự bí ẩn vì không biết có phải là vụ giết người có chủ tâm hay chỉ là một tai nạn.

Màn biểu diễn của Han diễn tiến như sau: vợ Han đứng trước một tấm gỗ kích thước như cánh cửa với khoảng cách gần 4 yards, Han phải ném những con dao lớn, mỗi con cách nhau 2 inches chung quanh thân thể người vợ. Cứ mỗi lần con dao rời khỏi tay, Han hét lên một tiếng để gây thêm phần hào hứng cho cuộc biểu diễn.

LỜI KHAI CỦA CÁC NHÂN CHỨNG.

Ông Dự Thẩm hỏi cung các nhân chứng sau:

Ông Giám Đốc nhà hát

“Nhân chứng có thấy đó là một màn trình diễn rất khó không?”

“Không, thưa Ngài Dự Thẩm, không có gì khó khăn đối với người biểu diễn có kinh nghiệm. Nhưng biểu diễn màn đó cho đúng cách, người trình diễn cần có thần kinh thật vững vàng và phải tập trung tư tưởng trọn vẹn.”

“Tôi hiểu. Nếu sự việc xảy ra như một tai nạn, loại tai nạn này thật hiếm thấy xảy ra có phải thế không?”

“Quả đúng như vậy, thưa Ngài. Nếu những tai nạn có thể xảy ra giống như vậy, tôi sẽ không bao giờ chấp nhận cho biểu diễn màn đó trong nhà hát của tôi.”

“Vậy thì nhân chứng có coi sự việc xảy ra được thực hiện với sự cố ý?”

“Không, thưa Ngài, tôi không nghĩ như thế. Và đây là lý do: một hành động như vậy trong màn biểu diễn với khoảng cách 12 feet không những đòi hỏi tài nghệ mà còn phải có trực giác hoàn hảo. Sự thực tất cả chúng tôi đều nghĩ không có một lỗi lầm nào trong màn trình diễn này. Nhưng sau khi sự việc xảy ra, tôi phải thừa nhận lỗi lầm có thể xảy ra trong bất cứ trường hợp nào.”

“Vậy thời nhân chứng nghĩ thế nào. Đó là lỗi lầm hay có chủ tâm?”

“Tôi không thể trả lời một cách đơn giản được, thưa Ngài.”

Ông Dự Thẩm cảm thấy khó xử. Đây rõ ràng là một vụ cố sát dù cho đó là một kẻ sát nhân hay kẻ giết người có dự mưu đi chăng nữa cũng khó có thể nói ra cho hết mọi chuyện được. Nếu là kẻ sát nhân thì quả thật là một kẻ rất tài giỏi, ông Dự Thẩm nghĩ như vậy.

Người phụ tá cho Han

Tiếp đến, ông Dự Thẩm cho đòi người phụ tá Trung Hoa đã làm việc với Han trong nhiều năm để chấp cung.

“Cách cư xử bình thường của Han ra sao?” Ông Dự Thẩm hỏi.

“Han lúc nào cũng rất chừng chạc, thưa Ngài; Han không đánh bạc, không rượu chè hay chạy theo đàn bà. Ngoài ra, năm vừa qua, Han theo Ky Tô Giáo. Đang sự học Anh Văn và những lúc rảnh rỗi dường như làm ra vẻ chăm chú đọc những sưu tầm về những bài thuyết giáo, Kinh Thánh hoặc những sách thuộc vấn đề đó.”

“Thế còn vợ Han ra sao?”

“Bà ta cũng vậy, rất đứng đắn, thưa Ngài. Như Ngài đã rõ những diễn viên xiếc sống nay đây mai đó không phải luôn luôn là những người có đức hạnh nhất. Bà Han là một phụ nữ nhỏ nhắn và xinh đẹp. Có một số đàn ông thường đưa ra những đề nghị với bà, nhưng bà không hề mảy may để ý tới các loại chuyện như thế.”

“Và tính tình của cặp vợ chồng đó ra sao?”

“Thưa Ngài, luôn luôn tử tế và hòa nhã. Họ rất tốt với tất cả bạn hữu và những người quen thuộc và không bao giờ cãi nhau với ai cả. Nhưng...” Người phụ tá bỗng ngưng và suy nghĩ một lúc rồi tiếp tục.

“Thưa Ngài, tôi sợ rằng khai với Ngài điều này e có thể hại cho Han. Phải thành thật mà nói, cặp vợ chồng này hiền lành và có lòng vị tha nhưng mà lạ thay cuộc chung sống giữa hai người thật đau khổ...”

“Tại sao vậy?”

“Tôi không rõ, thưa Ngài.”

“Phải chăng nhân chứng biết tình trạng của cặp vợ chồng này mới đây?”

“Không, thưa Ngài. Cách đây khoảng hai năm, bà Han có thai. Đưa trẻ đẻ non và khoảng chừng ba ngày thì chết. Sự việc đó đánh dấu sự thay đổi quan hệ giữa hai người. Họ bắt đầu cãi vã với nhau về những chuyện rất nhỏ nhặt, và lúc đó mặt Han thường trở nên tái mét. Han chấm dứt cuộc cãi nhau bằng cách đột ngột giữ thái độ nín lặng. Han chưa bao giờ nổi giận hoặc có cử chỉ gì thô bạo đối với vợ. Tôi cho rằng hành vi đó đi trái với những nguyên tắc của Han. Nhưng mà, thưa Ngài, khi nhìn Han, Ngài có thể thấy sự tức giận khủng khiếp trong đôi mắt của Han! Đôi khi làm ta khiếp sợ.”

“Có một ngày, nhìn thấy sự bất hạnh giữa cặp vợ chồng đó, tôi hỏi Han tại sao không xin ly thân. Rồi Han kể cho tôi nghe Han không có lý do gì để xin ly dị cả, cho dù tình yêu đối với vợ đã chết. Thực tình, nàng cũng cảm thấy và dần dần không còn thương yêu tôi nữa. Han đã tự kể tất cả cho tôi nghe như vậy. Tôi nghĩ rằng lý do thúc đẩy Han bắt đầu đọc Kinh Thánh và những thuyết giáo sưu tầm được chỉ muốn làm dịu đi sự hung bạo trong trái tim và kìm hãm sự căm ghét vợ, mà thực ra cũng chẳng có lý do gì để ghét bỏ vợ cả. Bà Han là một người đàn bà đáng thương hại. Bà ta chung sống với Han gần ba năm và đi theo Han biểu diễn khắp mọi nơi. Nếu bà ta vì lý do gì bỏ Han và trở về nhà, tôi không nghĩ bà Han sẽ dễ dàng làm lại cuộc đời. Hỏi có người đàn ông nào có thể tin tưởng một người đàn bà sống lang thang suốt gần ba năm như vậy? Tôi đoán chừng đó là lý do tại sao bà Han phải ở lại với Han, dù hai người chung sống với nhau thật khổ sở.”

“Vậy nhân chứng thực tình nghĩ sao về vụ giết người này?”

“Ngài muốn nói, thưa ông Dự Thẩm, tôi nghĩ đó là là một tai nạn hay thực hiện với chủ tâm?”

“Đúng như vậy.”

“Được ạ, thưa Ngài, tôi đã từng suy nghĩ vụ đó qua mọi khía cạnh từ ngày xảy ra tại sân khấu. Tôi càng nghĩ nhiều bao nhiêu, tôi càng khó hiểu bấy nhiêu. Tôi đã kể chuyện đó với người giới thiệu chương trình và người này cũng nói là không thể hiểu được việc gì đã xảy ra.”

“Tốt lắm. Nhưng hãy kể cho tôi điều này: ngay đúng lúc sự việc xảy ra tại sân khấu, nhân chứng có thấy điều gì làm nhân chứng thắc mắc tự hỏi không biết có phải là một tai nạn hay thực hiện với sự cố ý?”

“Thưa Ngài, có, đúng như vậy. Tôi đã nghĩ... Tôi đã nghĩ, ‘Han mất trí rồi và đã giết vợ’ ”

“Với sự cố ý, nhân chứng muốn nói như vậy?”

“Đúng, thưa Ngài. Tuy nhiên người giới thiệu chương trình nói là ông ta đã nghĩ, ‘Han đã lỡ tuột tay’ ”

“Đúng, nhưng người giới thiệu chương trình đã không hiểu rõ các mối quan hệ giữa cặp vợ chồng đó như nhân chứng đã kể cho tôi nghe.”

“Có thể như thế, thưa Ngài. Nhưng sau khi sự việc xảy ra, tôi ngạc nhiên tự hỏi không biết có phải vì tôi hiểu rõ tất cả các mối quan hệ đó mà tôi đã nghĩ, ‘Han đã giết vợ’ ”

“Phản ứng của Han ra sao vào lúc đó?”

“Han la lên, ‘Ha!’ Vừa nghe thấy tiếng la lúc đó, tôi ngược mắt lên và nhìn thấy máu ở cổ bà Han phun ra. Bà Han còn đứng được vài giây tại chỗ, rồi hai đầu gối như muốn quỵ xuống dưới sức nặng của thân thể và toàn thân bà đu đưa. Khi con dao rơi ra ngoài, bà Han ngã gục xuống sàn, co quắp, tất cả chỉ còn là một đồng thịt. Dĩ nhiên không một người nào trong chúng tôi có thể làm được việc gì cả, chúng tôi ngồi đấy quá khiếp sợ, chăm chăm nhìn bà Han.

Còn về phần Han, tôi thực tình không tả được phản ứng của Han bởi vì tôi không nhìn anh ta. Chỉ khi ý nghĩ ‘Han hoàn toàn mất trí và đã giết vợ’, đập vào trí óc tôi, lúc bấy giờ tôi mới liếc nhìn Han. Mặt Han tái mét và hai mắt nhắm lại. Người quản lý sân khấu hạ màn. Mọi người xúm lại nâng cơ thể bà Han lên nhưng bà ta đã chết rồi. Han quỳ xuống, và cầu nguyện trong yên lặng một lúc khá lâu.”

“Han có tỏ vẻ bối rối không?”

“Vâng, thưa Ngài, Han khá bối rối.”

“Được lắm. Nếu tôi cần hỏi thêm nhân chứng điều gì, tôi sẽ mời nhân chứng sau.”

LỜI KHAI CỦA BỊ CÁO

Ông Dự Thẩm cho người phụ tá về và bây giờ cho đòi bị cáo để chấp cung. Bộ mặt thông minh của Han trông xanh xao và mệt mỏi; có thể nhận thấy ngay bị cáo ở trong tình trạng suy nhược thần kinh.

“Tôi đã hỏi cung ông Giám Đốc nhà hát và ông phụ tá.” Ông Dự Thẩm nói khi Han đã ngồi ở phòng dành riêng cho nhân chứng.

“Bây giờ tôi đề nghị hỏi cung bị cáo.”

Han cúi đầu.

“Hãy kể cho tôi nghe,” Ông Dự Thẩm nói, “Bất cứ lúc nào, bị cáo cũng yêu thương vợ có phải không?”

“Từ ngày kết hôn cho đến ngày đưa bé ra đời, tôi đã yêu vợ tôi với tất cả trái tim.”

“Thế tại sao khi đưa bé ra đời thì mọi việc lại thay đổi?”

“Bởi vì tôi biết đưa bé không phải là con của tôi.”

“Vậy bị cáo có biết ai là cha của đứa bé?”

“Tôi nắm được vấn đề rất rõ ràng. Tôi nghĩ đó là anh họ của vợ tôi.”

“Bị cáo biết đích thân người đó?”

“Người đó là bạn thân của tôi. Chính người đó đầu tiên đã gợi ý cho chúng tôi lấy nhau. Chính người đó đã thuyết phục tôi cưới nàng.”

“Tôi ước đoán sự quan hệ giữa hai người xảy ra trước đám cưới của bị cáo.”

“Thưa đúng. Đứa bé ra đời sau khi chúng tôi kết hôn được tám tháng.”

“Theo ông phụ tá, đứa bé bị đẻ non.”

“Đó là điều mà tôi đã kể với tất cả mọi người như vậy.”

“Đứa bé chết sau khi sanh được ít ngày, có phải vậy không? Lý do nào gây ra cái chết đó?”

“Đứa bé chết ngạt ở vú mẹ.”

“Có phải vợ bị cáo cố ý giết đứa bé?”

“Vợ tôi nói đó là một tai nạn.”

Ông Dự Thẩm yên lặng chăm chú nhìn diện mạo của Han. Bị cáo ngừng đầu lên nhưng hai mắt nhìn xuống như đợi câu hỏi tiếp theo. Ông Dự Thẩm tiếp tục.

“Vợ bị cáo có thú nhận đã có sự quan hệ đó với người anh họ không?”

“Vợ tôi không thú nhận mà tôi cũng chẳng bao giờ hỏi vợ tôi về vấn đề đó. Cái chết của đứa bé tựa như một sự trừng phạt cho mọi điều và tôi quyết định sẽ tỏ ra cao thượng được chừng nào hay chừng ấy, nhưng...”

“Nhưng cuối cùng, bị cáo không thể tỏ ra cao thượng được, có phải vậy không?”

“Quả đúng như vậy. Tôi không thể không suy nghĩ về cái chết của đứa bé vì sự trừng phạt vẫn chưa đủ. Khi vợ tôi không ở cạnh tôi, tôi có khả năng suy xét thật bình tĩnh, nhưng vừa trông thấy vợ tôi, tựa như có một điều gì đó xảy ra trong nội tâm của tôi. Khi tôi nhìn thấy thân hình của vợ tôi, cơn giận dữ bắt đầu trỗi dậy.”

“Có bao giờ bị cáo nghĩ đến chuyện ly dị không?”

“Tôi thường nghĩ tôi phải xin ly dị, nhưng tôi không nói cho vợ tôi biết. Vợ tôi cũng hay nói nếu tôi bỏ vợ tôi thì vợ tôi cũng chẳng còn muốn sống nữa.”

“Vợ bị cáo có yêu bị cáo không?”

“Vợ tôi không yêu tôi.”

“Tại sao bà ta lại nói những điều như vậy?”

“Tôi nghĩ vợ tôi muốn nhắc đến những phương tiện vật chất để sinh sống. Nhà cửa của vợ tôi bị người anh cả làm tan nát, và vợ tôi hiểu rất rõ không có người đàn ông đứng đắn nào lại muốn cưới một người đàn bà từng là vợ của một người biểu diễn phóng dao sống lang thang như tôi. Ngoài ra, chân của vợ tôi quá nhỏ đối với vợ tôi để làm bất cứ công việc bình thường nào.”

“Thế mối quan hệ về thể xác ra sao?”

“Tôi tưởng cũng giống như phần đông các cặp vợ chồng khác.”

“Vợ bị cáo có ưa bị cáo chút nào không?”

“Tôi nghĩ vợ tôi thực tình không ưa tôi. Sự thật, tôi nghĩ vợ tôi vô cùng đau khổ phải chung sống với tôi như người vợ. Thậm chí cam chịu sự đau đớn, chịu đựng một cách thật kiên nhẫn hầu như không có người đàn ông nào tưởng tượng nổi. Vợ tôi thường quan sát tôi với đôi mắt lạnh lùng và độc ác, lúc đó tôi tưởng cuộc đời tôi tan vỡ ra từng mảnh. Vợ tôi không bao giờ biểu lộ chút thương cảm nào khi thấy tôi vật lộn với nỗi đớn đau tột độ để thoát ra khỏi cảnh khổ cực đi tìm một cuộc sống đích thực hơn, tốt đẹp hơn.”

“Tại sao bị cáo không quyết định dứt khoát hoặc sống xa vợ hay ngay cả bỏ vợ nếu thấy cần thiết?”

“Bởi vì tâm trí tôi đầy rẫy những tư tưởng đủ loại.”

“Những tư tưởng gì vậy?”

“Tôi muốn cư xử với vợ tôi theo chiều hướng là không có một sự sai trái nào về phía tôi cả. Nhưng cuối cùng tôi cũng không thể thực hiện được.”

“Bị cáo không bao giờ nghĩ đến chuyện giết vợ?”

Han không trả lời và ông Dự Thẩm nhắc lại. Sau một lúc khá lâu, Han trả lời, “Trước khi ý nghĩ giết vợ nảy ra trong đầu tôi, tôi thường nghĩ thật là một điều tốt nếu vợ tôi chết.”

“Được, vào trường hợp đó, nếu không có điều gì là trái luật cả, bị cáo có nghĩ phải giết vợ không?”

“Tôi không nghĩ tới những điều khoản ngăn cấm của luật pháp, thưa Ngài. Điều đó cũng không thể ngăn cản được tôi. Đúng ra tôi quá yếu đuối. Vào lúc đó, tôi lại say mê mong muốn đi tìm một lối sống đích thực hơn.”

“Ấy thế mà bị cáo đã nghĩ đến giết vợ, có hay không, tôi muốn nói vào giai đoạn sau này?”

“Tôi không bao giờ có ý nghĩ giết vợ tôi. Nhưng đúng ra, đã có một lần, tôi đã nghĩ đến vấn đề đó.”

“Đã bao lâu, trước khi xảy ra biến cố đó?”

“Đêm hôm trước... Hay có lẽ ngay vào buổi sáng đó.”

“Bị cáo đã cãi nhau với vợ?”

“Thưa Ngài đúng như vậy.”

“Về vấn đề gì?”

“Về chuyện quá nhỏ nhặt không đáng nói ra.”

“Hãy cố gắng kể lại việc đó.”

“Đó là vấn đề ăn uống. Một đôi khi tôi hay cáu giận khi chưa ăn. Vâng, vào buổi tối đó, vợ tôi quá chậm chạp không sửa soạn kịp bữa ăn tối mà đáng lẽ phải làm xong rồi. Tôi rất tức giận.”

“Bị cáo có giận dữ hơn mọi lần không?”

“Thưa không, nhưng mà sau đó tôi hãy còn thấy bị kích động, đó là một điều khác thường. Tôi cho rằng vì tôi bối rối quá nhiều trong mấy tuần lễ vừa qua muốn tìm kiếm một cuộc sống tốt đẹp hơn cho bản thân tôi, và nhận ra rằng tôi không sao thực hiện được ý định đó. Tôi đi ngủ nhưng không sao chợp mắt được. Biết bao nỗi lo lắng và bối rối xâm nhập tâm trí tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy cho dù cố gắng xoay sở cách gì đi nữa, tôi cũng không bao giờ có thể thực hiện được những điều thực sự tôi mong muốn. Dù cố gắng vượt mọi trở ngại, tôi sẽ

không bao giờ thoát được những cảnh đáng ghét trong đời sống hiện tại của tôi. Tình trạng buồn và vô vọng của những chuyện xảy ra tựa hồ như có dính dấp tới cuộc hôn nhân của tôi. Tôi tuyệt vọng đi tìm một tia sáng lọt qua kẽ hở dẫn dắt tôi ra khỏi nơi tăm tối, nhưng ngay cả điều mong ước đó cũng dần dần tiêu tan. Hy vọng trốn chạy cuộc sống đáng ghét đó hãy còn le lói và lồi cuồn tôi, và tôi hiểu rằng nếu không sao thoát ra cảnh sống đó, thực tế tôi như người đã chết. Và rồi ý nghĩ đen tối dập dờn trong đầu óc tôi, nếu mà nàng chết! Phải chi nàng chết!

Tại sao tôi không giết nàng? Hậu quả về hành động giết người như vậy chẳng có nghĩa lý gì đối với tôi cả. Không còn nghi ngờ gì nữa tôi sẽ vào tù, nhưng mà đời sống trong nhà giam chắc cũng không đến nỗi tồi tệ, có thể còn khá hơn cuộc sống hiện tại của tôi. Và không hiểu sao tôi vẫn có cảm tưởng giết vợ tôi cũng chẳng giải quyết được việc gì cả. Mà né tránh không giải quyết được vấn đề giữa hai chúng tôi cũng chẳng khác gì như cuộc tự sát. Tôi chịu đau đớn từng ngày kể từ khi đứa trẻ sơ sinh chết, tôi tự nhủ; không còn con đường nào để vượt thoát ra cảnh sống đó. Cuộc đời đích thực của tôi: cam chịu đau khổ.

Tâm trí tôi cứ chạy theo những con đường đó, tôi gần như quên hết duyên cớ của sự đau khổ trong lòng tôi. Quá kiệt sức, tôi nằm đấy nhưng không sao ngủ được. Tôi rơi vào tình trạng hoàn toàn như u mê, và tâm trí tôi bị dày vò trở nên tê liệt, ý nghĩ giết vợ tôi mờ nhạt dần. Rồi cảm giác trống rỗng buồn tẻ xâm chiếm tâm hồn tôi, đưa tôi vào cơn ác mộng. Tôi đã nghĩ tới mọi giải pháp hay nhất để đi tìm cuộc sống tốt đẹp hơn, và nhận ra rằng tôi quá nhu nhược không sao đạt được mục đích đó. Khi trời rạng đông, tôi nhìn thấy vợ tôi, cũng như tôi, không ngủ được...”

“Khi bị cáo thức dậy, hai người có cư xử với nhau một cách bình thường không?”

“Chúng tôi không nói với nhau một lời.”

“Nhưng mà tại sao bị cáo không nghĩ tới phải rời xa vợ, khi sự việc xảy ra như thế?”

“Ngài muốn nói, thưa ông Dự Thẩm, đó là cách giải quyết vấn đề của tôi? Không, không, như vậy cũng như lần trốn chẳng giải quyết được việc gì cả giữa chúng tôi. Như tôi đã từng thưa với Ngài là tôi đã xác định phải cư xử với vợ tôi làm sao không có một sự sai trái nào về phía tôi cả.”

Han nhìn chăm chăm ông Dự Thẩm, thấy ông gật đầu như ra hiệu cho Han tiếp tục nói.

“Hôm sau tôi kiệt lực và thần kinh tôi căng thẳng trở nên lộn xộn. Tôi cảm thấy đau đớn đến cực độ để cố giữ cho được bình thần, và vừa bận quần áo xong, tôi rời khỏi nhà rồi đi lang thang vào vùng vắng vẻ của thị trấn. Suy nghĩ liên miên đeo đuổi tôi như nhắc nhở tôi phải làm một cái gì để giải quyết cuộc đời của tôi, nhưng ý nghĩ giết vợ tôi không còn trong đầu óc tôi nữa. Sự thật có sự ngăn cách giữa ý tưởng sát nhân đêm hôm trước và bất cứ quyết định hiện tại nào để phạm trọng tội! Quả thật, tôi cũng không bao giờ nghĩ tới cuộc biểu diễn vào tối hôm đó. Nếu tôi đã nghĩ tới, tôi chắc chắn quyết định bỏ mục phóng dao. Có hàng tá mục biểu diễn khác để thay thế.

Vâng, vào buổi biểu diễn tối hôm đó, và cuối cùng đến lượt tôi xuất hiện trên sân khấu. Tôi không có một tí chút linh cảm nào báo hiệu sẽ có một sự bất bình thường xảy ra. Như thường lệ tôi chứng minh cho khán giả thấy những con dao sắc bén của tôi có thể cắt giấy ra từng mảnh vụn và phóng một vài con dao trên tấm gỗ. Ngay lúc đó, vợ tôi xuất hiện tô son trát phấn kỹ càng và bận bộ áo Trung Hoa trau chuốt; sau khi cúi đầu chào khán giả với nụ cười thật duyên dáng, vợ tôi ra đứng trước tấm bảng gỗ. Tôi rút ra một trong những con dao và đứng xa vợ tôi vào một vị trí đã định sẵn.

Đó mới là lúc mắt chúng tôi nhìn nhau lần đầu tiên từ đêm hôm trước. Ngay lập tức tôi hiểu có một sự rủi ro khi chọn lựa tiết mục đặc biệt này trong màn biểu diễn tối nay! Rõ ràng tôi phải làm chủ bộ thần kinh, nhưng sự mệt mỏi cùng cực đã thấm vào tận xương tủy ngăn cản tôi làm việc đó. Tôi nhận thấy không còn có thể tin cậy chính cánh tay của tôi nữa. Tôi cố trấn tĩnh và nhắm mắt lại trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy toàn thân tôi run rẩy.

Thời điểm trình diễn bắt đầu! Tôi nhắm phóng con dao đầu tiên ở trên đầu vợ tôi; con dao cắm trúng mục tiêu, cao hơn đầu đúng một inch như thường lệ. Vợ tôi giơ hai cánh tay lên và tôi sửa soạn phóng hai con dao kế tiếp, mỗi con ở dưới mỗi cánh tay. Con dao vừa rời khỏi những ngón tay của tôi, tôi có cảm giác tựa hồ như có cái gì đó như muốn giữ con dao đó lại; tôi không còn có khả năng xác định được mục tiêu chính xác nữa. Bây giờ thực ra chỉ còn là vấn đề may rủi nếu con dao trúng điểm đã định, mỗi một cử động của tôi trở nên thận trọng và ngưng ngạt.

Tôi phóng một con dao phía bên trái cổ của vợ tôi và tôi sắp sửa ném con dao khác vào bên phải thì tôi nhìn thấy trong đôi mắt của vợ tôi, sự biểu lộ tình cảm kỳ lạ như bất thần sợ hãi sắp có chuyện gì xảy ra! Phải chăng vợ tôi có linh tính con dao này, chỉ trong vài giây đồng hồ nữa thôi, sẽ găm vào cổ họng của vợ tôi? Tôi cảm thấy choáng váng tựa như muốn ngất. Ráng sức phóng con dao ra khỏi tay, cố nhắm sao cho trúng đích.”

Ông Dữ Thẩm yên lặng chăm chú nhìn Han.

“Ngay lúc đó, bỗng một ý nghĩ xuất hiện trong đầu tôi, ‘tôi đã giết nàng’ ” Han nói một cách đột ngột.

“Có sự cố ý, bị cáo muốn nói như vậy có phải không?”

“Thưa đúng. Bất thần tôi cảm thấy đã hành động với sự cố ý.”

“Sau đó, tôi biết bị cáo quỳ xuống bên xác vợ và cầu nguyện trong yên lặng.”

“Đúng như vậy, thưa Ngài. Đó chỉ là mưu mẹo chột nảy ra trong đầu óc tôi do sự thôi thúc của tình thế lúc bấy giờ. Tôi nhận thấy mọi người biết tôi là con chiên ngoan đạo, cho nên tôi giả bộ cầu kinh, thật ra tôi đang tính toán kỹ lưỡng chọn một thái độ nào đó cho hợp lý.”

“Như vậy, bị cáo hoàn toàn tin tưởng tất cả những điều gì đã thực hiện đều có chủ tâm?”

“Thưa đúng. Nhưng tôi lại nhận thức ngay tôi có thể nêu ra chuyện đó như một tai nạn.”

“Thế tại sao bị cáo lại nghĩ đã thực hiện với chủ tâm?”

“Thưa tôi mất tất cả khả năng xét đoán.”

“Bị cáo có nghĩ rằng bị cáo đã thành công làm cho mọi người có cảm tưởng đó chỉ là một tai nạn hay không?”

“Thưa đúng, sau này mỗi khi nghĩ tới việc đó còn làm tôi rùng mình. Tôi giả bộ thuyết phục mọi người là tôi kiệt sức vì quá đau buồn nhưng nếu một người thật tinh ý có thể nhận thấy ngay tôi đang diễn xuất đó thôi. Vâng, đúng ra vào tối hôm đó, tôi đã nhận thấy không có lập luận nào vững chắc cả thì tại sao tôi lại không được tha bổng? Tôi tự nhủ thầm một cách bình tĩnh bởi vì chẳng có chút bằng chứng xác đáng nào bất lợi cho tôi cả. Chắc chắn nhiều người đều biết tôi đau khổ biết chừng nào khi tôi phải chung sống hòa thuận với vợ tôi, nhưng nếu tôi cứ khẳng khăng một mực nói đó chỉ là một tai nạn, không một ai có thể chứng minh ngược lại điều đó. Nhìn lại mọi việc đã xảy ra, tôi thấy cái chết của vợ tôi có thể giải thích rất hợp lý giống như một tai nạn vậy.

Và rồi thì một câu hỏi kỳ lạ thâm nhập tâm trí tôi: Tại sao chính tôi cũng tin chuyện này *không* phải là một tai nạn? Đêm hôm trước, tôi đã nghĩ tới việc giết vợ tôi, không biết có phải chính ý nghĩ đó là duyên cớ khiến tôi có hành động với chủ tâm chẳng? Dần dần tôi nhận xét ra rằng chính tôi cũng không hiểu thực sự việc gì đã xảy ra? Khi đó, tôi cảm thấy thật sung sướng không thể tưởng tượng được, tôi muốn hét lên cho vỡ tung buồng phổi.”

“Bởi vì bị cáo đã xem vụ đó như một tai nạn?”

“Thưa không, tôi không thể nói như vậy được: vì tôi không còn ý tưởng nào là tôi có chủ tâm hay không. Do đó, tôi quyết tâm tìm con đường tốt nhất để được tha tội là nên thú hết mọi tội lỗi. Thay vì nói đó là một tai nạn để tự lừa dối mình và những người khác thì tại sao tôi đã không thành thật nói rằng tôi đã không biết việc gì đã xảy ra. Mà sự thật, tôi có thể tự bào chữa là tôi không ‘có tội’ mà cũng chẳng ‘vô tội’.”

LỜI NÓI CUỐI CÙNG

Han ngưng nói. Ông Dữ Thẩm giữ im lặng một hồi lâu, trước khi nói một cách nhẹ nhàng và cân nhắc:

“Tôi tin những điều mà bị cáo khai với tôi là sự thật. Còn một câu hỏi nữa thôi: bị cáo không cảm thấy tí chút đau buồn nào về cái chết của vợ bị cáo?”

“Không có chút nào cả! Ngay khi tôi ghét vợ tôi một cách cay đắng nhất trong quá khứ tôi cũng không bao giờ có thể tưởng tượng cảm thấy sung sướng như thế này khi nói tới cái chết của vợ tôi.”

“Thôi được,” Ông Dữ Thẩm nói. “Bị cáo có thể lui ra.”

Han yên lặng cúi đầu và rời khỏi phòng thẩm vấn.

Ông Dữ Thẩm, xúc động một cách kỳ lạ, với tay lấy quản bút và chậm rãi hạ bút xuống tập hồ sơ để trên bàn giấy, phê, “Vô tội”.

**"SHALL I COMPARE THEE
TO A SUMMER'S DAY?"**

*Shall I compare thee to a summer's day?
Thou art more lovely and more temperate:
Rough winds do shake the darling buds of May,
And summer's lease hath all too short a date:
Sometimes too hot the eye of heaven shines,
And often is his gold complexion dimmed;
And every fair from fair sometimes declines,
By chance, or nature's changing course, untrimmed;
But thy eternal summer shall not fade,
Nor lose possession of that fair thou ow'st;
Nor shall Death brag thou wand'rest in his shade,
When in eternal lines to time thou grow'st:
So long as men can breathe or eyes can see,
So long lives this, and this gives life to thee.*

**WILLIAM SHAKESPEARE
(1564-1616)**




**"VÍ EM NGÀY HẠ
ĐƯỢC CHĂNG?"**

*Ví Em ngày hạ được chăng?
Khi Em duyên dáng, dịu dàng phần hơn:
Tháng Năm gió lộng từng cơn
Nụ hoa lay động, hạ buồn qua mau
Vùng dương gay gắt non đầu
Nắng vàng vương áng mây sâu lấp che;
Đẹp kia rồi cũng tàn đi,
Xoay vẫn con tạo có chi trường tồn;
Riêng Em hạ rục rở luôn,
Nét hoa mận phấn, tươi son bội phần,
Xá chi bóng dáng tử thân,
Khi Em ngự trị trong vần thơ ta;
Còn nhìn, còn thờ, còn mơ,
Thơ còn vọng mãi, khó mờ dáng Em.*

**TÂM MINH NGÔ TÀNG GIAO
(chuyển ngữ)**

Bài 72 - Làm Ảnh Đẹp Hơn

LeVanHoa 

Đã chụp hình, ai cũng muốn hình mình thật đẹp. Nhiều khi chỉ cần cải thiện một ít hình đẹp hơn nhiều.

Tôi may mắn nhận được một số ảnh của một người ảnh gửi về trang Chụp Ảnh Đẹp này. Người không để tên tác giả nhưng nhìn trong ảnh có thấy đề Phi Yên. Có lẽ là Phi Yến. Tôi nghĩ vậy. Tên một phụ nữ có lẽ đẹp hơn tên một nam nhân như Phi Yên, chẳng hạn. Tôi xin gọi tác giả các ảnh này là cô Phi Yến. Nếu không đúng thì xin ông Phi Yên hay Phí Yến thứ lỗi cho.

Tác giả không đặt tên ảnh của mình. Cô chỉ ghi địa danh nơi chụp ảnh. Rõ ràng là tác giả chỉ muốn chụp ảnh kỷ niệm ghi dấu những nơi mình đã đi qua. Có điều tác giả không ngờ mình đã chụp được nhiều ảnh đẹp dù cô nghĩ ảnh của mình chỉ là ảnh kỷ niệm.



"Emerald Lake" – Rocky Mountain, Canada

Phi Yến

Ảnh kỷ niệm của Phi Yến có lẽ khác hơn đa số ảnh kỷ niệm khác ở điểm cô không có mặt trong ảnh và tôi nghĩ cũng không có bóng dáng người thân của cô trong ảnh. Do đó ảnh kỷ niệm của cô là ảnh đẹp mà mọi người thích xem chứ không phải dành riêng cho cô và gia đình. Ảnh cũng nói lên ý thích của cô và cô tìm ảnh theo ý thích của mình. Thế là đạt đích đáng khen.

Qua ảnh "Emerald Lake" bên trên ta thấy Phi Yến chụp ảnh có bố cục vững. Các cảnh thông bên trái dùng làm tiền cảnh để cho ta thấy chiều sâu của ảnh. Chiều xuống, những người chèo thuyền trên hồ, thuyền xa, thuyền gần, đều hướng về bên bên phía mặt của ảnh có sóng gợn lăn tăn, nhờ đó ảnh có sự sống động rõ ràng.

Tôi tin chắc cô Phi Yến có nấu ăn, có nêm nếm món mình xào nấu cho vừa miệng. Nói đến cho vừa miệng thì ta đã động đến ý thích cá nhân hơn là tập thể, tuy nhiên nó cũng có một tiêu chuẩn nào đó mà khả dĩ nhiều người chấp nhận được. Ta làm món ăn mà nhiều người chấp nhận được là ta thành công. Món ăn cần mặn mà, đậm đà hương vị, như nhan sắc đậm đà, mượt mà của cô gái quyến rũ mọi chàng trai. Món ăn hơi nhạt, cần thêm chút muối, nước mắm; cô gái da mặt hơi tái, cần chút phấn hồng, môi son, sẽ khác hơn trước rất nhiều. Ảnh đẹp cũng thế. Ít khi nào ta chụp một ảnh về dùng được ngay mà không cần "nêm nếm" hay "die?m trang" ít nhiều. May mắn chụp được một ảnh gần toàn hảo thì ta ít tốn công "trang điểm". Ảnh "Emerald Lake" của Phi Yến chụp trong vùng Rocky Mountain, Canada là một ví dụ điển hình. Ảnh đẹp, nhưng theo tôi nó thiếu nét "đậm đà" trong sắc độ. Ảnh hơi quá sáng, ta không thấy được nét đẹp của nắng chiều, không thấy được cái lạnh của tuyết trắng và không thấy được nhu cầu để thuyền kéo nhau về bến. Ta thay đổi sắc độ bằng cách làm ảnh sậm xuống một tí, không khí trong ảnh thay đổi ngay. Cái nhìn truyền cảm xúc trong hồn làm ta thấy nao nao, một chút luyến tiếc, một chút nhung nhớ, một chút bồi hồi trong ánh chiều tà. Bóng tối trên vách núi và mặt nước đậm hơn, tạo tương phản trên lá thông bên này bờ hồ chưa bị che nắng nên nổi rõ và có công dụng che bớt khoảng trống quá tĩnh bên trái của mặt hồ. Trong ảnh này ta thấy chỉ cần nhích một tí là ta đã thay đổi được giá trị của ảnh. Bài học một: **Ảnh cần đúng sắc độ.**



Chúng ta xem một ảnh khác của Phi Yến, ảnh "Bow Lake" cũng được chụp trong vùng Rocky Mountain ở Canada.

"Bow Lake"

Ảnh này có nhiều điểm giống với ảnh trước: Núi đá, vài cụm tuyết trên núi, mặt hồ, hai cây thông bên trái của ảnh. Điểm khác là tiền cảnh chiếm trọn chiều dài phần dưới của ảnh, hai cây thông cao bên trái và ba hay nhiều cây thông hơn ở góc dưới bên phải. Không có sinh hoạt trên mặt hồ. Mặt nước thật tĩnh lặng với sự phản chiếu toàn vẹn.

Điểm nhận xét đầu tiên, đây là một ảnh đẹp khác của Phi Yến. Trong ảnh có sắc đậm, có lọt. Có xa có gần. Rất thanh tịnh. Bố cục thật hoàn chỉnh, ta không cần làm gì hơn. Tuy nhiên phần chính là toàn thể hậu cảnh, tôi cảm thấy sắc độ còn lọt lọt, chưa nói được cảnh tĩnh mịch (theo ý tôi).

Ta thử áp dụng kỹ thuật đã dùng cho ảnh trước, là làm cho ảnh sậm xuống, xem sao.



"Bow Lake" (A)

Ta thấy cảnh đậm lại là lẽ đương nhiên, âm u hơn, sâu lắng hơn, hợp với văn, thơ và nhiều nhạc tính hơn. Dĩ nhiên phần tuyết trắng nổi rõ lên, nhưng những vùng cây trên núi trở thành đen hết. Hai cây thông bên phải, phía dưới và cỏ phía đó cũng trở thành tối đen. Sắc độ đậm tạo cảm giác mạnh hơn ảnh trên. Nó có công dụng khác là làm thành cái khung để hướng mắt người xem vào phần chính là mặt hồ và núi. Nhưng có thể tác giả không muốn mọi vật đều trở nên đen, nó không còn gần với cảnh thật lúc chụp ảnh. Đây là điểm khó để làm khác hơn.

Ta thấy trong ảnh nguyên thủy thì trời, nước và núi đều có màu nhợt nhạt, thiếu sinh khí. Ta cần thêm sức sống cho ảnh. Ta thử làm cho trời, nước và núi sậm xuống, nhưng những hàng cây xanh không thành hàng cây đen như ảnh (A). Ta làm cho cỏ ở tiền cảnh sáng hơn, nhất là hai cây thông đen sì bên trái. Tiện thể ta cho núi và cát vàng lên một tí. Bây giờ ta thấy khung cảnh ấm hơn, tuy là cảnh bất động nhưng không phải là cảnh chết. Độ sáng, tối, đậm, nhạt đã làm cho ảnh có hình thể tương tự như ảnh có ba chiều (3D). Bài học 2: *Cần điều chỉnh cho ảnh đẹp hơn. Lúc nào phải điều chỉnh thật nhiều.*



"Bow Lake" Rocky Mountain, Canada

Phi Yến, 2010

Đây chỉ là những gợi ý. Bạn thích ảnh nào là tùy theo ý thích riêng của bạn. Cô Phi Yến nếu không vừa ý với lời bàn của tôi thì tự do mắng thắm nhé. Chúc cô tiếp tục chụp ảnh và thành công lớn. Còn những ảnh khác, nếu cô không phiền, chúng ta sẽ xem tiếp trong một ngày không xa.

***** LÊ VĂN KHOA *****



Anh hỡi
Anh
cứ về...

Phạm Duy

Vừa

Anh hỡi anh cứ về về đây nghe tiếng cô
hương ứng thiết tha của người thương... Anh hỡi anh cứ
về về đây Lấy thôn tươi thắm Mong đón đưa bước chân hỡi hương...
Anh hỡi anh cứ về về đây chung sức đắp xây quốc gia đang ngóng chờ bàn
tay... Anh hỡi anh cứ về về đây lập công chiến đấu hay sống vui yên hòa ruộng
mường... Anh hỡi anh cứ về Anh hỡi anh cứ
về anh nữ nào theo giặc cho đành Anh hỡi anh cứ về Anh hỡi anh cứ
về về đây anh hỡi anh cứ về

ANH-HỠI ANH CỨ VỀ

Anh hỡi anh cứ về
Về đây
nghe tiếng cô hương
tiếng thiết tha của người thương
Anh hỡi anh cứ về
cứ về
làng thôn tươi thắm
mong đón đưa bước chân hỡi hương
Anh hỡi anh cứ về
về đây

chung sức đắp xây
quốc gia đang ngóng chờ bàn tay
Anh hỡi anh cứ về
cứ về
lập công chiến đấu
hay sống yên vui bên ruộng nương
Anh hỡi anh cứ về
Anh hỡi anh cứ về
Anh nữ nào theo giặc cho đành
Anh hỡi anh cứ về
Anh hỡi anh cứ về
về đây anh hỡi anh cứ về

Nhạc phẩm “ANH HỠI ANH CỨ VỀ” – Sáng tác: **Phạm Duy**

(trong tạp chí Sáng Tạo Miền Nam 1963)

Mời nghe nhạc qua tiếng hát của **Băng Châu**

NGUYỆT SAN CỎ THƠM ONLINE
SỐ 7 – NĂM 2018

Nguyệt San Cỏ Thơm Online

Hàn Học Nghệ Thuật – Số 7 – Năm 2018



Mùa Hoa Anh Đào – Tranh sơn dầu trên bố của Họa sĩ Đinh Trường Chinh

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO CỎ THƠM:

CHỦ NHIỆM: PHAN ANH DŨNG <dathphan1@gmail.com>

PHÓ CHỦ NHIỆM: PHAN KHÂM <phanvyle@yahoo.com>

CHỦ BÚT: TRẦN BÍCH SAN <littlesaigonnews@aol.com>

TỔNG THƯ KÝ: ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH <hanhbang@hotmail.com>

CÓ VẤN DANH DỰ: NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG <dsenser@yahoo.com>

TÒA SOẠN: 9020 CARDIFF RD

RICHMOND, VA 23236 USA

TEL. (804) -387- 8773

CHỦ BIÊN WEBSITE CỎ THƠM & CHỦ BÚT NGUYỆT SAN CỎ THƠM ONLINE:

PHAN ANH DŨNG <dathphan1@gmail.com>

